



CATALOGUE 2025 - 2026

Phụ kiện tủ bếp
Phụ kiện tủ quần áo
Bếp điện từ, máy hút mùi

Chậu, vòi rửa bát
Ray, bản lề
Tay nâng cánh tủ

Tay nắm tủ bếp
Hệ thống đèn LED
Phụ kiện nhà tắm

MỤC LỤC

4	Giá nâng hạ điện thông minh
7	Tay nâng cánh tủ
8	Giá bát đĩa nâng hạ cơ cho tủ bếp trên
11	Giá bát đĩa cố định cho tủ bếp trên
13	Giá bát đĩa, xoong nồi cho tủ bếp dưới
18	Giá để chai lọ gia vị, dao thớt
21	Phụ kiện bếp mini
22	Giá để chai lọ tẩy rửa
23	Hệ góc đa năng
26	Tủ đồ khô
30	Thùng gạo
33	Thùng rác
34	Ray hộp ngăn kéo Gigabox
36	Khay chia trong ngăn kéo
37	Hệ giá treo
39	Bếp điện từ
44	Máy hút mùi
52	Chậu rửa bát
56	Vòi rửa bát
60	Suốt treo quần áo
64	Phụ kiện tủ quần áo màu xanh lục bảo
68	Phụ kiện tủ quần áo màu đỏ Carnelian
72	Phụ kiện tủ quần áo màu trắng
77	Phụ kiện nhà tắm
84	Bản lề Hamburg
87	Ray âm giảm chấn Dresden
88	Ray bi Bremen
89	Ray trượt cửa lùa
93	Tay nắm cao cấp
97	Phụ kiện sản xuất khác
98	Đèn Led

INTRODUCTION

As an international furniture accessories brand, Garis has developed in 96 countries around the world, and has been present in Vietnam since 2010. As a leading Asian manufacturer of kitchen cabinet, wardrobe, bathroom accessories and manufacturing accessories, we have been and are a strategic partner of many global brands. Investing a large amount of money in product research and development (R&D), we are the pioneer in innovating and applying the world's leading modern technology. At GARIS, ERP system is applied thoroughly, allowing tightly control of the entire production process with strict requirements. Besides, we have successfully established systems that meet US, European and many other standards including ISO 9001, ISO 14001 and SGS. Possessing a huge source of data on the wishes and habits of customers from nearly 100 countries and territories around the world, GARIS has analyzed, synthesized, and came out with fashionable, luxurious designs that is consistent consumer tastes. Moreover, our products are made of high quality materials, stand out with 304 Stainless Steel (according to Japanese standard JIS G4305). The warranty period of rust for GARIS products can be up to 25 years. After more than 15 years of development, up to now, GARIS Vietnam has owned a wide and maneuverable distribution network, fast delivery with more than 3000 agents nationwide and continuing to expand. Garis Vietnam's distribution center is located in Hanoi and covers an area of nearly 4000 m2. All GARIS Vietnam's products are affixed with anti-counterfeiting stamps that is licensed by the Vietnam Ministry of Public Security. With the philosophy: Honesty in business – Dedication to customers - Delicacy in products, GARIS will always accompany, ensure the highest satisfaction for customers.



LỜI GIỚI THIỆU

Là hãng phụ kiện nội thất quốc tế, Garis đã phát triển tại 96 quốc gia trên thế giới, và có mặt tại Việt Nam từ năm 2010. Với vai trò nhà sản xuất hàng đầu Châu Á về thiết bị, phụ kiện tủ bếp, tủ quần áo, phụ kiện nhà tắm và phụ kiện sản xuất, chúng tôi đã và đang là đối tác chiến lược của nhiều thương hiệu toàn cầu. GARIS là một trong số rất ít công ty chú trọng đầu tư ngân sách lớn cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D), là đơn vị tiên phong trong việc đổi mới và áp dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất thế giới. Tại GARIS, hệ thống ERP được áp dụng một cách triệt để, cho phép kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất với những yêu cầu nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, chúng tôi đã thiết lập thành công hệ thống sản xuất đạt tiêu chuẩn Mỹ, tiêu chuẩn Châu Âu và nhiều tiêu chuẩn khác trong đó có ISO 9001, ISO 14001 và SGS. Sở hữu nguồn dữ liệu khổng lồ về mong muốn và thói quen của khách hàng từ gần 100 Quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, GARIS đã phân tích, tổng hợp, từ đó đưa ra những thiết kế thời thượng, sang trọng và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm của chúng tôi được sản xuất từ những chất liệu cao cấp, nổi bật với Inox 304 (theo tiêu chuẩn JIS G4305 của Nhật Bản), do đó thời gian bảo hành gỉ rỉ cho các dòng sản phẩm có thể lên đến 25 năm. Sau hơn 15 năm phát triển, đến nay, GARIS Việt Nam đã và đang sở hữu hệ thống phân phối cơ động và rộng khắp, giao hàng tận nơi, nhanh chóng với hơn 3.000 đại lý trên toàn quốc và đang tiếp tục được nhân rộng. Trung tâm phân phối của Garis Việt Nam được đặt tại Hà Nội và TP. HCM với diện tích gần 4.000 m2. Toàn bộ sản phẩm của GARIS Việt Nam đều được gắn tem chống hàng giả do Trung tâm kỹ thuật - tài liệu nghiệp vụ Bộ Công an Việt Nam cấp phép. Với triết lý: Trung Thực trong kinh doanh - Tận Tụy với khách hàng - Tinh Tế trong từng sản phẩm, GARIS sẽ luôn đồng hành, đảm bảo sự hài lòng cao nhất cho Quý khách hàng.

Giá bát đĩa nâng hạ điện Nhật Bản có sấy khô *Bảo hành điện tử 36 tháng, gỉ rỉ 25 năm
Công nghệ Inverter, sấy khô khử khuẩn khí nóng 65°C, sản xuất tại Nhật Bản, kèm biến áp đổi nguồn
ML06H

X series

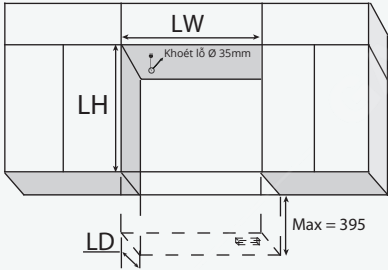
BEST SELLER



Điện áp: 100V



Khoảng hở cần thiết để lắp sản phẩm: LH, LW, LD



Giá bát đĩa nâng hạ điện, cơ cấu cánh mở trượt lên *Bảo hành điện tử 36 tháng, gỉ rỉ 25 năm
Khung nhôm, rổ inox 304, hệ thống cánh trượt mở thông minh, điều khiển nhấn đa điểm chạm
GL06LP

X series

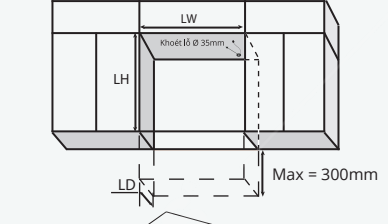
NEW



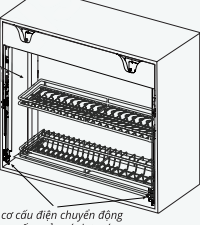
Điện áp: 220V



Khoảng hở cần thiết để lắp sản phẩm: LH, LW, LD



Hệ cơ cấu điện chuyển động lên xuống của giá bát đĩa



Hệ cơ cấu điện chuyển động lên xuống của cánh trước

Mã đặt hàng	Loại sản phẩm	Tính năng điều khiển	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Khoảng hở lắp đặt (LW*LD*LH/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
ML06.75HC	Giá bát đĩa kèm theo tủ gỗ màu trắng dày 15mm + mặt cánh mica dày 18mm	Nút bấm	R750*S372*C700	750	(750-753)*350*700	Bộ	56.490.000
ML06.80HK	Giá bát đĩa không kèm theo tủ gỗ + mặt cánh		R764*S334*C685	800	764*335*685	Bộ	56.990.000
ML06.90HC	Giá bát đĩa kèm theo tủ gỗ màu trắng dày 15mm + mặt cánh mica dày 18mm		R900*S372*C700	900	(900-903)*350*700	Bộ	57.090.000
ML06.90HK	Giá bát đĩa không kèm theo tủ gỗ + mặt cánh		R874*S334*C685	910	874*335*685	Bộ	58.090.000
GL06.7LP	Giá bát đĩa kèm theo tủ gỗ màu ghi xám dày 18mm		R700*S330*C700	700	(700-703)*330*700	Bộ	30.990.000
GL06.8LP		Nhấn đa điểm ở mặt đáy	R800*S330*C700	800	(800-803)*330*700	Bộ	31.490.000
GL06.9LP			R900*S330*C700	900	(900-903)*330*700	Bộ	31.990.000

Giá bát đĩa nâng hạ điện *Bảo hành điện tử 36 tháng, gỉ rỉ 15 năm
Khung nhôm, rổ inox 304, điều khiển bằng cảm ứng + giọng nói tiếng Việt (GL06XV) hoặc cảm ứng (GL06XT)
GL06X

X series

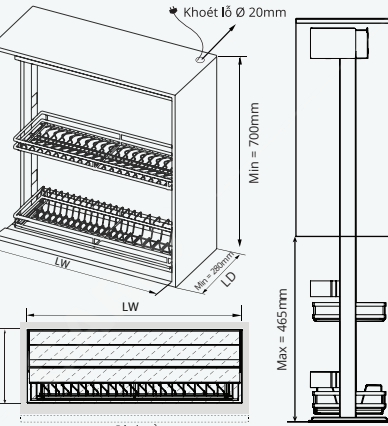
BEST SELLER



Điện áp: 220V



Khoảng hở cần thiết để lắp sản phẩm: LH, LW, LD



Giá gia vị nâng hạ điện, rổ inox 304, đáy dạng nan *Bảo hành điện tử 36 tháng, gỉ rỉ 15 năm
Khung nhôm, điều khiển cảm ứng
GL05X

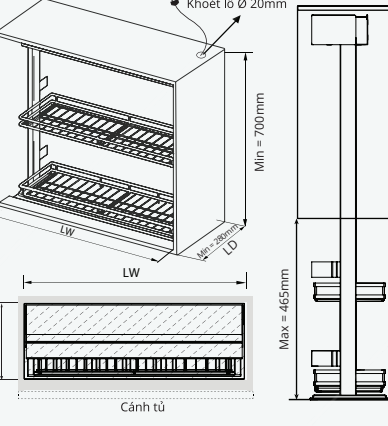
X series



Điện áp: 220V



Khoảng hở cần thiết để lắp sản phẩm: LH, LW, LD



Mã đặt hàng	Loại sản phẩm	Tính năng điều khiển	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng, sâu lọt lòng tủ (LW*LD/mm)	Chiều cao lọt lòng tủ (LH) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GL06.7XV	Giá bát đĩa	Giọng nói/ cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*256	≥ 700	Bộ	29.990.000
GL06.8XV			R764*S270*C688	800	764*256	≥ 700	Bộ	30.490.000
GL06.9XV			R864*S270*C688	900	864*256	≥ 700	Bộ	30.990.000
GL06.7XT	Giá bát đĩa	Cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*256	≥ 700	Bộ	24.990.000
GL06.8XT			R764*S270*C688	800	764*256	≥ 700	Bộ	25.490.000
GL06.9XT			R864*S270*C688	900	864*256	≥ 700	Bộ	25.990.000
GL05.7X	Giá gia vị	Cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*256	≥ 700	Bộ	23.990.000
GL05.8X			R764*S270*C688	800	764*256	≥ 700	Bộ	24.490.000
GL05.9X			R864*S270*C688	900	864*256	≥ 700	Bộ	24.990.000

Giá gia vị nâng hạ điện, rổ nhôm, đáy dạng kín

Khung và rổ bằng nhôm hàng không AA (Aviation Aluminium), 2 tầng, nhấn đa điểm ở mặt đáy

GL05AT

*Bảo hành điện tử 36 tháng, gỉ rỗ 10 năm

X series

NEW

290mm

LW

LW

Min = 20mm

LD

Cánh tủ

Lưu ý: có thể điều chỉnh mức độ hạ xuống của cơ cấu để tránh chạm với

Giá gia vị nâng hạ cơ

Nhôm phủ Fluorocarbon màu Titan, trợ lực đẩy

GL05

*Bảo hành 2 năm

CARBONIS series

BEST SELLER

GL05.701/801

Mã đặt hàng	Loại tầng/Điều khiển	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Khoảng hở đáy tủ (LW/mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GL05.7AT	Nhấn đa điểm ở mặt đáy	R664*S287*C702	700	664*290	664	Bộ	20.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá gia vị nâng hạ điện GL05AT với các mã giá bát đĩa nâng hạ điện: ML06H, GL06LP hoặc GL06X
GL05.8AT		R764*S287*C702	800	764*290	764	Bộ	21.090.000	
GL05.9AT		R864*S287*C702	900	864*290	865	Bộ	21.590.000	
GL05.702	Tầng nâng hạ trên	R664*S240*C382	700		664	Bộ	6.090.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp cả tầng trên và tầng dưới của bộ GL05 và các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, và các sản phẩm sau trang 20
GL05.802		R764*S240*C382	800		764	Bộ	6.190.000	
GL05.701	Khay để bát đĩa, ly cốc dưới rổ	R590*S240*C90	700			Bộ	1.790.000	
GL05.801		R690*S240*C90	800			Bộ	1.890.000	

Tay nâng cánh đôi

Thép không gỉ, nhựa màu xám, tải trọng: 35kg

GF22/GF25/GF28

*Bảo hành 5 năm

NEW

Thời gian lắp đặt thông thường 10 - 15 phút

Tích hợp chi tiết điều chỉnh góc mở cánh (85-100 độ) tránh va đập

Chủ động điều chỉnh được lực giảm chấn để phù hợp với cánh

Biên độ điều chỉnh tay đòn lớn, dễ điều chỉnh, giới hạn rộng

Dễ dàng điều chỉnh độ vênh cánh

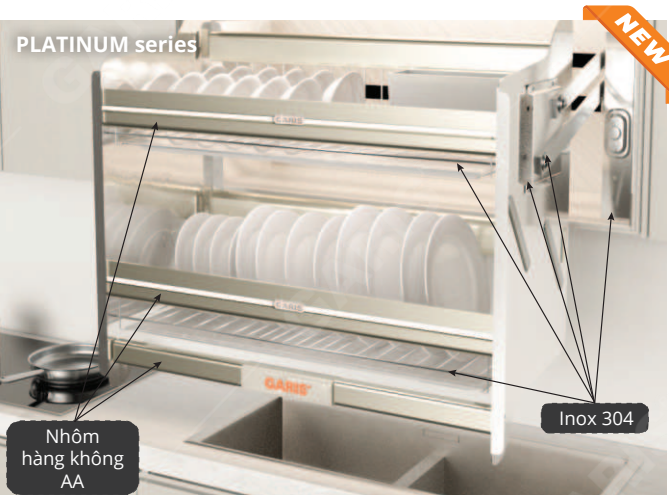
Bản lề cánh trên giảm chấn, bản lề nổi cánh êm ái

Chuyển động mượt mà

Phụ kiện đi kèm đồng bộ

Mã đặt hàng	Lựa chọn loại tay nâng dùng cho cánh gỗ công nghiệp và cánh kính thường		Lựa chọn loại tay nâng dùng cho cánh kính cường lực dày 5mm hoặc cánh gỗ tự nhiên nhóm II		Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	Chiều cao cánh tủ KH (mm)	Chiều rộng cánh tủ	Chiều cao cánh tủ KH (mm)	Chiều rộng cánh tủ		
GF22	700 - 720		Không khuyến khích dùng cho cánh kính cường lực dày 5mm trở lên		Bộ	2.860.000
GF25	720 - 850	700 - 900	700 - 800	700 - 900	Bộ	3.030.000
GF28	850 - 900		800 - 900		Bộ	3.160.000

Giá bát đĩa nâng hạ cơ, bằng nhôm màu champagne + full inox 304 *Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 25 năm
Mặt trước + thanh tay nắm bằng thanh nhôm hàng không AA màu Champagne Rose, hộp lực + tay đòn + vách liên kết, rổ đựng bát đĩa bằng inox 304
GL06AG

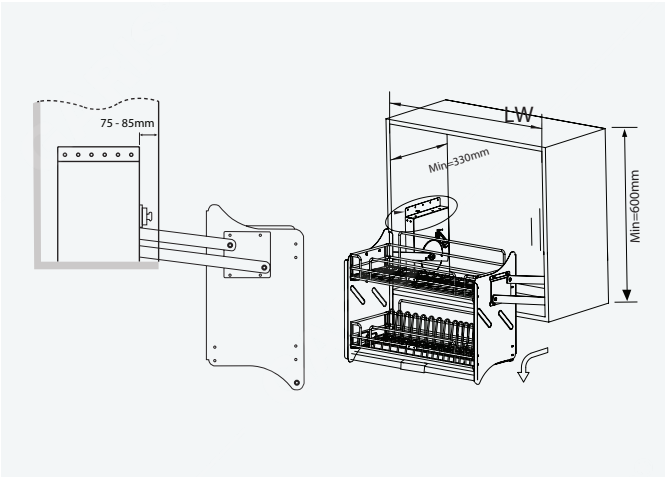


Giá bát đĩa nâng hạ cơ, bằng nhôm màu titan + rổ inox 304 *Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 25 năm
Mặt trước + thanh tay nắm bằng thanh nhôm hàng không AA màu Titan, hộp lực + tay đòn + vách liên kết bằng thép phủ nano 5 lớp
GL06AT



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GL06.70AG	R664*S265*C550	700	664	Bộ	15.390.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06AG với các sản phẩm giá bát đĩa, giá xoong nồi, giá dao thớt, giá vị và sản phẩm khác sau trang 20
GL06.80AG	R764*S265*C550	800	764	Bộ	15.690.000	
GL06.90AG	R864*S265*C550	900	864	Bộ	15.990.000	
GL06.70AT	R664*S265*C550	700	664	Bộ	13.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06AT với các sản phẩm giá bát đĩa, giá xoong nồi, giá dao thớt, giá vị và sản phẩm khác sau trang 20
GL06.80AT	R764*S265*C550	800	764	Bộ	14.090.000	
GL06.90AT	R864*S265*C550	900	865	Bộ	14.390.000	

Giá bát đĩa nâng hạ cơ, rổ nan oval, inox 304 *Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 25 năm
Bề mặt điện hóa bóng gương, 2 tầng, 2 khay hứng nước
ML06V



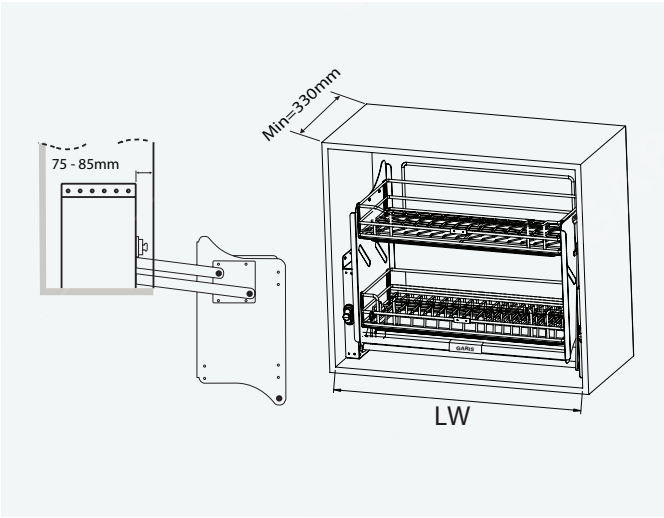
Giá bát đĩa nâng hạ cơ, rổ nan oval, thép phủ nano *Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 10 năm
Bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, 2 tầng, 2 khay hứng nước
ML06N



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
ML06.70V	R664*S265*C550	700	664	Bộ	12.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ ML06V với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 20
ML06.80V	R764*S265*C550	800	764	Bộ	13.190.000	
ML06.90V	R864*S265*C550	900	864	Bộ	13.590.000	
ML06.70N	R664*S280*C550	700	664	Bộ	10.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ ML06N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
ML06.80N	R764*S280*C550	800	764	Bộ	10.890.000	
ML06.90N	R864*S280*C550	900	864	Bộ	11.190.000	

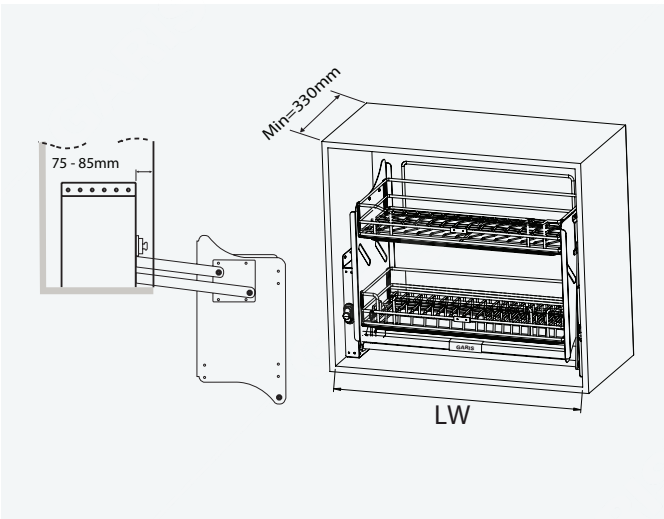
Giá bát đĩa nâng hạ cơ, rổ nan dệt, inox 304
Bề mặt mạ Chrome 5 lớp, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GL06C

*Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 20 năm



Giá bát đĩa nâng hạ cơ, rổ nan dệt, inox 304
Bề mặt điện hóa xước mờ, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GL06E

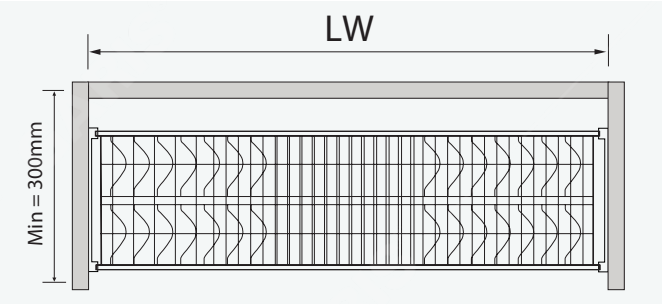
*Bảo hành cơ cấu 3 năm, gỉ rỉ 15 năm



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GL06.60C	R564*S265*C550	600	564	Bộ	10.890.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
GL06.70C	R664*S265*C550	700	664	Bộ	11.290.000	
GL06.80C	R764*S265*C550	800	764	Bộ	11.490.000	
GL06.90C	R864*S265*C550	900	864	Bộ	11.790.000	
GL06.60E	R564*S265*C550	600	564	Bộ	9.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 20
GL06.70E	R664*S265*C550	700	664	Bộ	10.090.000	
GL06.80E	R764*S265*C550	800	764	Bộ	10.390.000	
GL06.90E	R864*S265*C550	900	864	Bộ	10.690.000	

Giá bát đĩa cố định 2 tầng
Nan dệt kết hợp tròn, inox 304, bề mặt điện hóa, 1 khay hứng nước
MB04E

*Bảo hành gỉ rỉ 25 năm



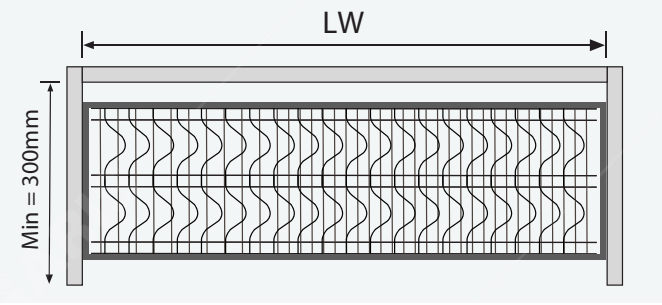
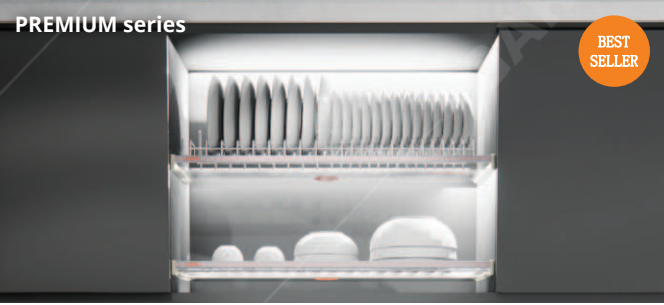
Giá bát đĩa cố định 2 tầng
Nan oval, thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, 1 khay hứng nước
MB04N

*Bảo hành gỉ rỉ 10 năm



Giá bát đĩa cố định 2 tầng
Nan tròn, inox 304, bề mặt mạ Chrome 5 lớp, 2 khay hứng nước
GB04C

*Bảo hành gỉ rỉ 20 năm

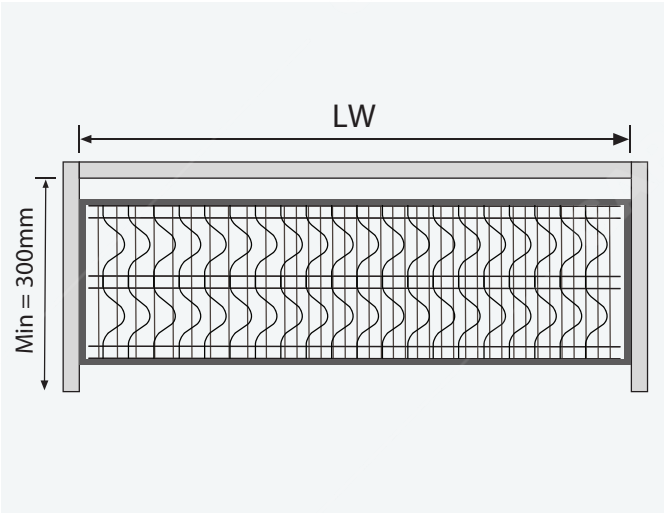


Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MB04.60E	R564*S270*C80/70	600	564	Bộ	3.029.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định MB04E với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 20
MB04.70E	R664*S270*C80/70	700	664	Bộ	3.259.000	
MB04.80E	R764*S270*C80/70	800	764	Bộ	3.529.000	
MB04.90E	R864*S270*C80/70	900	864	Bộ	3.759.000	
MB04.70N	R664*S270*C100/130	700	664	Bộ	2.919.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định MB04N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
MB04.80N	R764*S270*C100/130	800	764	Bộ	3.149.000	
MB04.90N	R864*S270*C100/130	900	864	Bộ	3.379.000	
GB04.60C	R564*S262*C67/155	600	564	Bộ	2.690.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB04C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
GB04.70C	R664*S262*C67/155	700	664	Bộ	2.890.000	
GB04.80C	R764*S262*C67/155	800	764	Bộ	3.190.000	
GB04.90C	R864*S262*C67/155	900	864	Bộ	3.390.000	

Giá bát đĩa cố định 2 tầng

Nan tròn, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 2 khay hứng nước
GB04E

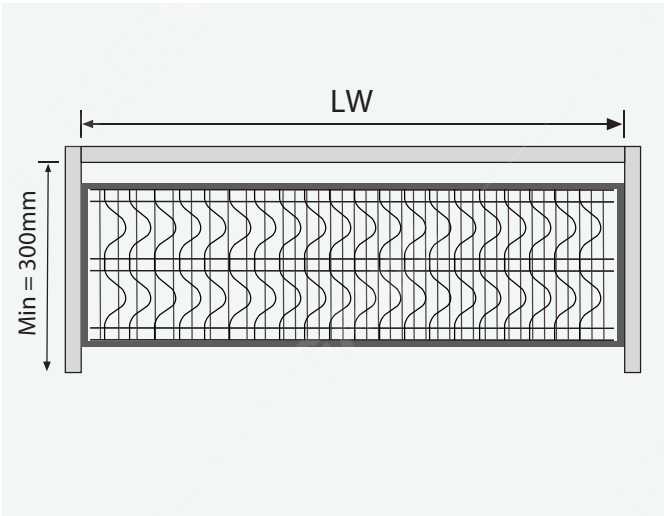
*Bảo hành gỉ rỉ 15 năm



Giá bát đĩa cố định 3 tầng

Nan tròn, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 1 khay hứng nước
GB07E

*Bảo hành gỉ rỉ 15 năm

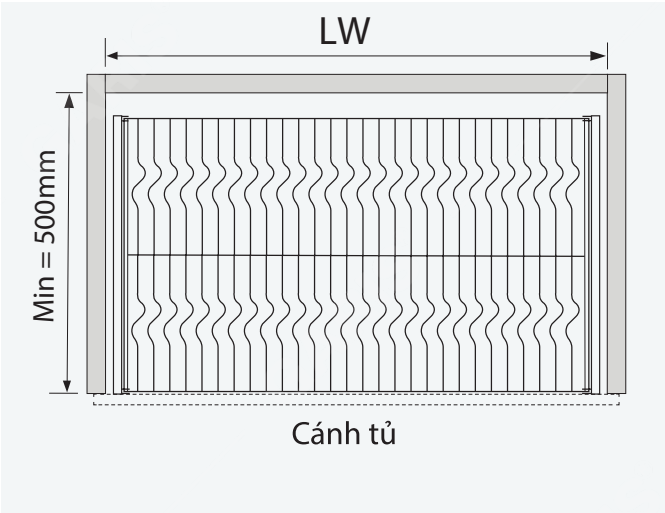


Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GB04.60E	R564*S262*C67/155	600	564	Bộ	2.090.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB04E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 20
GB04.70E	R664*S262*C67/155	700	664	Bộ	2.290.000	
GB04.80E	R764*S262*C67/155	800	764	Bộ	2.590.000	
GB04.90E	R864*S262*C67/155	900	864	Bộ	2.790.000	
GB07.80E	R764*S262*C67/155/67	800	764	Bộ	3.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB07E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 20
GB07.90E	R864*S262*C67/155/67	900	864	Bộ	4.090.000	

Giá xoong nồi vách hộp, rổ nan oval, cánh kéo

Inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, 1 khay hứng nước
MP02V

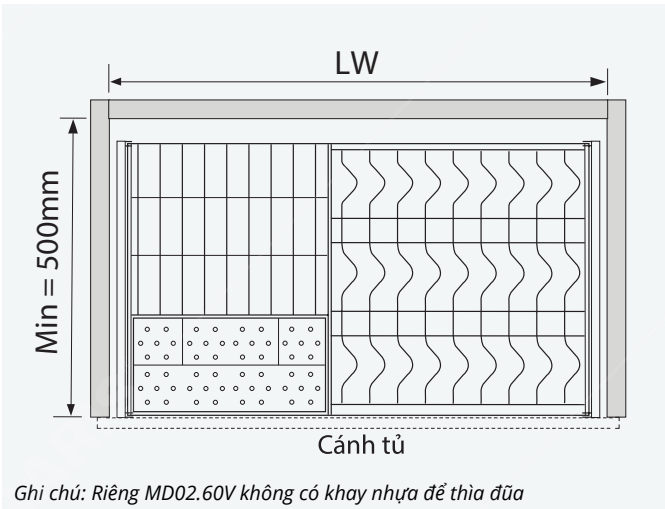
*Bảo hành gỉ rỉ 25 năm



Giá bát đĩa, thìa dũa vách hộp, rổ nan oval, cánh kéo

Inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, 1 khay hứng nước
MD02V

*Bảo hành gỉ rỉ 25 năm

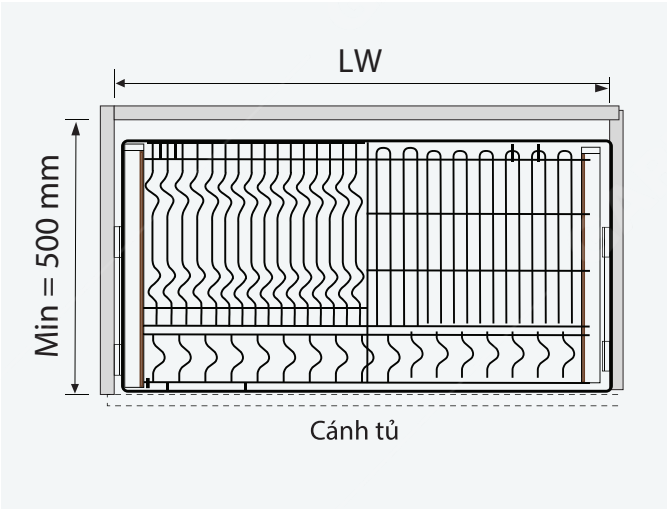


Ghi chú: Riêng MD02.60V không có khay nhựa để thìa dũa

Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MP02.60V	R564*S480*C155	600	564	Bộ	5.690.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá xoong nồi MP02V với MD02V, các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 20
MP02.70V	R664*S480*C155	700	664	Bộ	6.090.000	
MP02.80V	R764*S480*C155	800	764	Bộ	6.290.000	
MP02.90V	R864*S480*C155	900	864	Bộ	6.690.000	
MD02.60V	R564*S480*C155	600	564	Bộ	6.190.000	
MD02.70V	R664*S480*C155	700	664	Bộ	7.190.000	
MD02.80V	R764*S480*C155	800	764	Bộ	7.590.000	
MD02.90V	R864*S480*C155	900	864	Bộ	7.890.000	

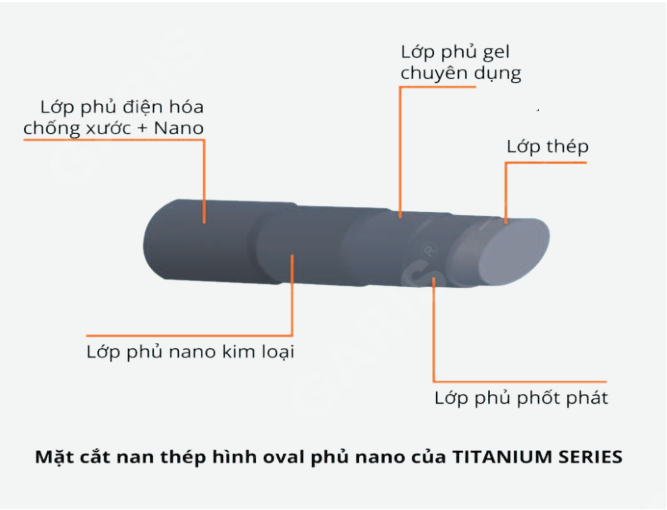
Giá xoong nồi+bát đĩa, rổ nan oval, cánh mở hoặc kéo MD04V
Inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương

*Bảo hành gỉ rỗ 25 năm



Giá xoong nồi+bát đĩa, rổ nan oval, cánh mở hoặc kéo MD04N
Thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan

*Bảo hành gỉ rỗ 10 năm



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MD04.70V	R664*S480*C260	700	664	Bộ	4.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 2 bộ MD04V trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 20
MD04.80V	R764*S480*C260	800	764	Bộ	4.690.000	
MD04.90V	R864*S480*C260	900	864	Bộ	4.890.000	
MD04.70N	R664*S480*C260	700	664	Bộ	3.690.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 2 bộ MD04N trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong Titanium Series
MD04.80N	R764*S480*C260	800	764	Bộ	3.890.000	
MD04.90N	R864*S480*C260	900	864	Bộ	4.090.000	

Giá bát đĩa, rổ nan dẹt, cánh kéo GD02C
Inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp

Giá bát đĩa, rổ nan dẹt, cánh mở GD04C
Inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp



Giá xoong nồi, rổ nan dẹt, cánh kéo GP02C
Inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp

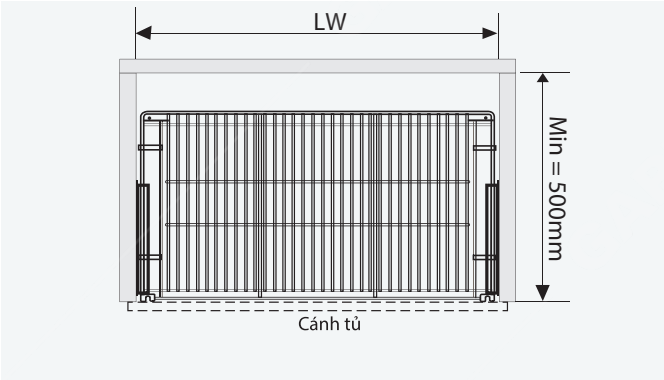
Giá xoong nồi, rổ nan dẹt, cánh mở GP04C
Inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp



Mã đặt hàng	Loại cánh tủ	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GD02.60C	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	564	Bộ	3.630.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá bát đĩa GD02C/GD04C với 01 giá xoong nồi GP02C/GP04C trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
GD02.70C		R664*S485*C190	700	664	Bộ	3.860.000	
GD02.80C		R764*S485*C190	800	764	Bộ	4.200.000	
GD02.90C		R864*S485*C190	900	864	Bộ	4.430.000	
GD04.60C	Cánh mở	R564*S462*C190	600	564	Bộ	3.750.000	
GD04.70C		R664*S462*C190	700	664	Bộ	4.050.000	
GD04.80C		R764*S462*C190	800	764	Bộ	4.350.000	
GD04.90C		R864*S462*C190	900	864	Bộ	4.550.000	
GP02.60C	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	564	Bộ	3.520.000	
GP02.70C		R664*S485*C190	700	664	Bộ	3.750.000	
GP02.80C		R764*S485*C190	800	764	Bộ	3.970.000	
GP02.90C		R864*S485*C190	900	864	Bộ	4.160.000	
GP04.60C	Cánh mở	R564*S462*C190	600	564	Bộ	3.650.000	
GP04.70C		R664*S462*C190	700	664	Bộ	3.880.000	
GP04.80C		R764*S462*C190	800	764	Bộ	4.110.000	
GP04.90C		R864*S462*C190	900	864	Bộ	4.280.000	

*Bảo hành gỉ rỗ 20 năm với các sản phẩm trên

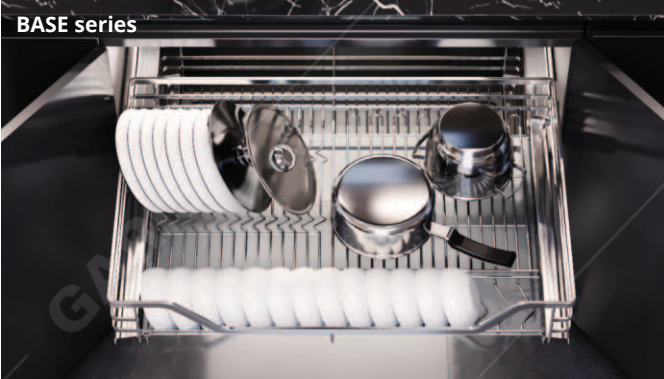
Giá xoong nồi, rổ nan đẹt, cánh kéo GP02E
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



Giá bát đĩa, rổ nan đẹt, cánh kéo GD02E
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



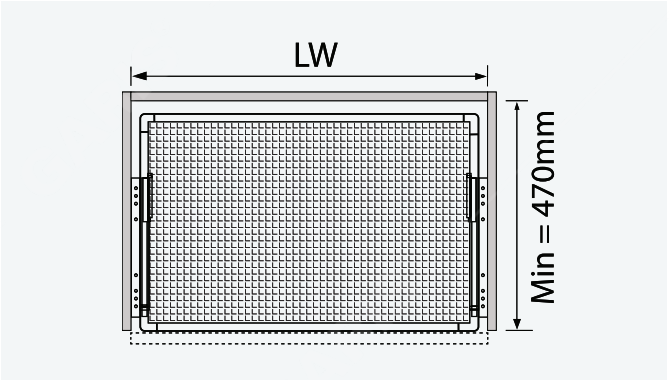
Giá bát đĩa, rổ nan đẹt, cánh mở GD04E
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



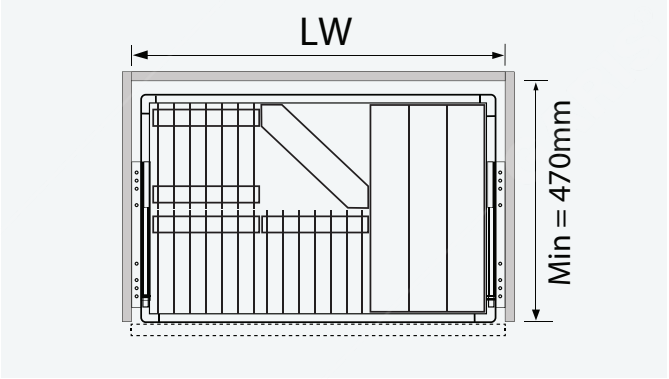
Mã đặt hàng	Loại cánh tủ	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GP02.60E	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	564	Bộ	2.960.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 bộ GP02E với 01 bộ GD02E/GD04E trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 20
GP02.70E		R664*S485*C190	700	664	Bộ	3.190.000	
GP02.75E		R714*S485*C190	750	714	Bộ	3.300.000	
GP02.80E		R764*S485*C190	800	764	Bộ	3.420.000	
GP02.90E		R864*S485*C190	900	864	Bộ	3.650.000	
GD02.60E	Cánh mở	R564*S485*C190	600	564	Bộ	3.080.000	
GD02.70E		R664*S485*C190	700	664	Bộ	3.300.000	
GD02.75E		R714*S485*C190	750	714	Bộ	3.420.000	
GD02.80E		R764*S485*C190	800	764	Bộ	3.650.000	
GD02.90E		R864*S485*C190	900	864	Bộ	3.880.000	
GD04.60E	Cánh mở	R564*S462*C190	600	564	Bộ	3.530.000	
GD04.70E		R664*S462*C190	700	664	Bộ	3.760.000	
GD04.80E		R764*S462*C190	800	764	Bộ	3.990.000	
GD04.90E		R864*S462*C190	900	864	Bộ	4.100.000	

*Bảo hành gỉ rỗ 15 năm với các sản phẩm trên

Giá xoong nồi, cánh kéo GP01
Rổ tạo hình dạng hộp, inox



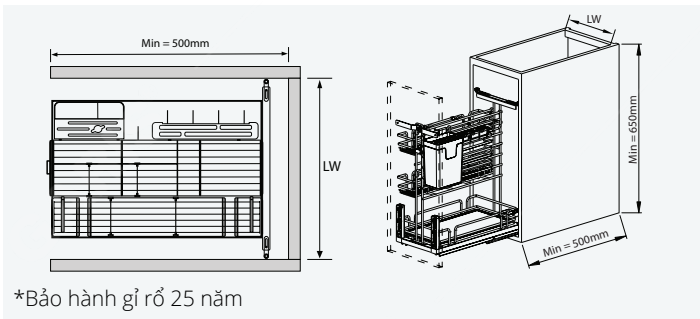
Giá bát đĩa, cánh kéo GD01
Rổ tạo hình dạng hộp, inox



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GP01.60	R564*S450*C175	600	564	Bộ	2.660.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá xoong nồi GP01 với 01 giá bát đĩa GD01 trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 20
GP01.70	R664*S450*C175	700	664	Bộ	2.790.000	
GP01.80	R764*S450*C175	800	764	Bộ	2.920.000	
GP01.90	R864*S450*C175	900	864	Bộ	3.030.000	
GD01.60	R564*S450*C175	600	564	Bộ	3.530.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá bát đĩa GD01 với 01 giá xoong nồi GP01 trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 20
GD01.70	R664*S450*C175	700	664	Bộ	3.750.000	
GD01.80	R764*S450*C175	800	764	Bộ	3.990.000	
GD01.90	R864*S450*C175	900	864	Bộ	4.220.000	

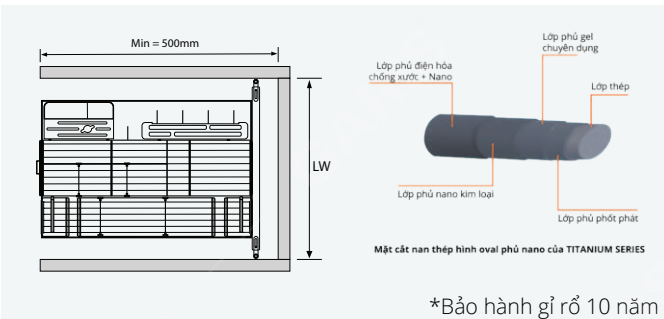
*Bảo hành 24 tháng với các sản phẩm trên

Giá dao thớt, gia vị, chai lọ, cánh kéo, rổ nan oval **MM02V**, rổ nan oval + nan tròn **MK02V**
Inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, đáy dạng nan chống bám bẩn



*Bảo hành gỉ rỗ 25 năm

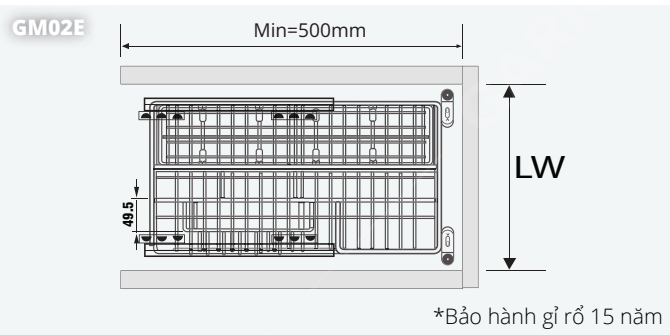
Giá dao thớt, gia vị, chai lọ, cánh kéo, rổ nan oval **MM02N**
Thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, đáy dạng nan chống bám bẩn



*Bảo hành gỉ rỗ 10 năm

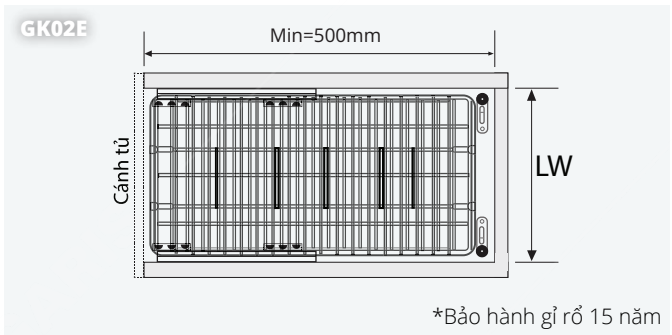
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chiều rộng lọt lòng (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MM02.30V	R250*S485*C550	LW: 260 - 309	Bộ	6.350.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ MM02V/MK02V với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 20
MM02.35V	R300*S485*C550	LW: 310 - 359	Bộ	6.800.000	
MM02.40V	R350*S485*C550	LW ≥ 360	Bộ	7.260.000	
MK02.25V	R189*S485*C465	LW: 199 - 248	Bộ	4.490.000	
MK02.30V	R239*S485*C465	LW: 249 - 298	Bộ	4.690.000	
MK02.35V	R289*S485*C465	LW: 299 - 348	Bộ	4.890.000	
MK02.40V	R339*S485*C465	LW ≥ 349	Bộ	5.090.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ MM02N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
MM02.30N	R250*S485*C550	LW: 260 - 309	Bộ	4.180.000	
MM02.35N	R300*S485*C550	LW: 310 - 359	Bộ	4.290.000	
MM02.40N	R350*S485*C550	LW ≥ 360	Bộ	4.450.000	

Giá dao thớt, gia vị, chai lọ, rổ nan dẹt, cánh kéo **GM02E**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



*Bảo hành gỉ rỗ 15 năm

Giá gia vị, chai lọ, rổ nan dẹt, cánh kéo **GK02E**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



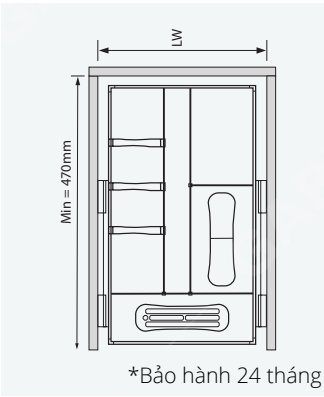
*Bảo hành gỉ rỗ 15 năm

Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GM02.20E	R145*S485*C465	200	155 - 194	Bộ	3.420.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GM02E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm khác sau trang 20
GM02.25E	R190*S485*C465	250	200 - 244	Bộ	3.590.000	
GM02.30E	R235*S485*C465	300	245 - 294	Bộ	3.700.000	
GM02.35E	R285*S485*C465	350	295 - 344	Bộ	3.820.000	
GM02.40E	R335*S485*C465	400	≥ 345	Bộ	3.990.000	
GK02.20E	R150*S485*C495	200	160 - 199	Bộ	3.380.000	
GK02.25E	R190*S485*C495	250	200 - 244	Bộ	3.530.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá chai lọ GK02E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm khác sau trang 20
GK02.30E	R235*S485*C495	300	245 - 299	Bộ	3.650.000	
GK02.35E	R290*S485*C495	350	300 - 344	Bộ	3.720.000	
GK02.40E	R335*S485*C495	400	≥ 345	Bộ	3.880.000	

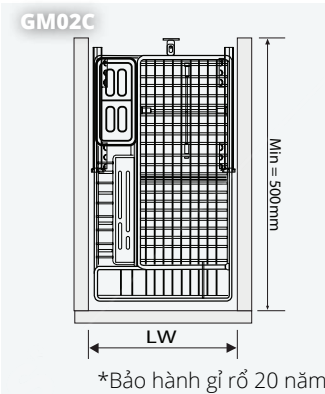
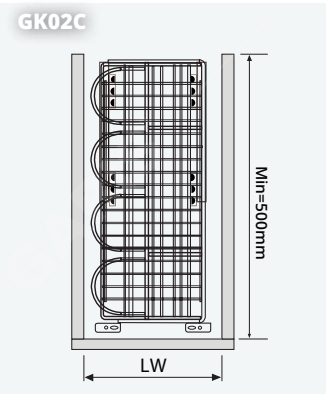
Giá dao thớt, gia vị, chai lọ, rổ nan dệt, cánh kéo GM02C-GK02C
Inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp



Giá dao thớt, gia vị, chai lọ, cánh kéo GK01-GM01
Rổ tạo hình dạng hộp, inox



*Bảo hành 24 tháng



*Bảo hành gỉ rỗ 20 năm



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GK02.25C	R185*S480*C465	250	195 - 244	Bộ	4.100.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GK02C, GM02C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 20
GM02.30C	R235*S480*C465	300	245 - 294	Bộ	4.330.000	
GM02.35C	R285*S480*C540	350	295 - 344	Bộ	4.560.000	
GM02.40C	R335*S480*C540	400	≥ 345	Bộ	4.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GK01, GM01 với các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 20
GK01.20	R155*S450*C490	200	165 - 295	Bộ	3.030.000	
GM01.30	R250*S450*C490	300	260 - 309	Bộ	3.530.000	
GM01.35	R300*S450*C490	350	310 - 359	Bộ	3.760.000	
GM01.40	R350*S450*C490	400	≥ 360	Bộ	3.950.000	

Phụ kiện nhựa để cốc



*Bảo hành 24 tháng

Mã đặt hàng	GD02C
Quy cách (mm)	R45*S380*C70
Mô tả sản phẩm	Chất liệu: nhựa ABS cao cấp Dùng để cài vào 2 bên thành của giá xoong nồi bát đĩa tủ dưới
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ)	120.000

Phụ kiện nhựa để thìa đũa



*Bảo hành 24 tháng

Mã đặt hàng	GD02S
Quy cách (mm)	R100*S380*C75
Mô tả sản phẩm	Chất liệu: nhựa ABS cao cấp Dùng để cài vào 2 bên thành của giá xoong nồi bát đĩa tủ dưới
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ)	210.000

Kệ bát đĩa linh hoạt



*Bảo hành 24 tháng

Mã đặt hàng	GT02G
Quy cách (mm)	R(180-320)*C171
Mô tả sản phẩm	Màu sắc: Xám Dùng để đựng đĩa và đặt trong ngăn kéo tủ bếp.
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ)	1.130.000

Phụ kiện bắt mắt tùy chọn giá xoong nồi bát đĩa

*Bảo hành 24 tháng



Mã đặt hàng	GD04B	GD04SB
Quy cách (mm)	C210	C130
Mô tả sản phẩm	- Inox 304 mạ Chrome - Dùng để chuyển đổi giá xoong nồi bát đĩa cánh mở thành cánh kéo với chiều cao cánh tủ > 300mm	- Thép mạ Chrome - Dùng để chuyển đổi giá xoong nồi bát đĩa cánh mở thành cánh kéo với chiều cao cánh tủ ≤ 300mm
Đơn vị		Cặp
Đơn giá (VNĐ)	260.000	200.000

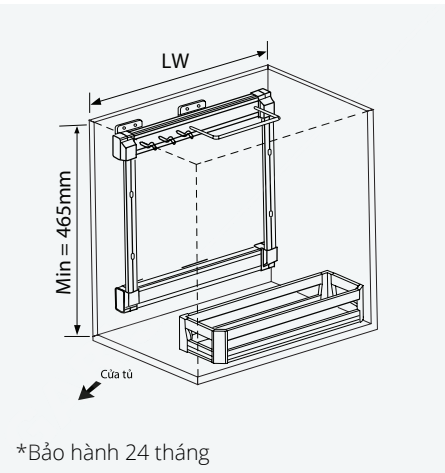
Giá để chai lọ, chất tẩy rửa
Inox hộp, cánh mở, ray bắt hời tủ
GU01.30



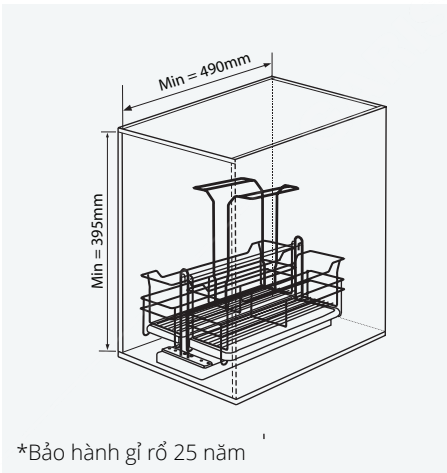
Giá để chai lọ, chất tẩy rửa
Inox 304, điện hóa, nan tròn, cánh mở
MU02.35



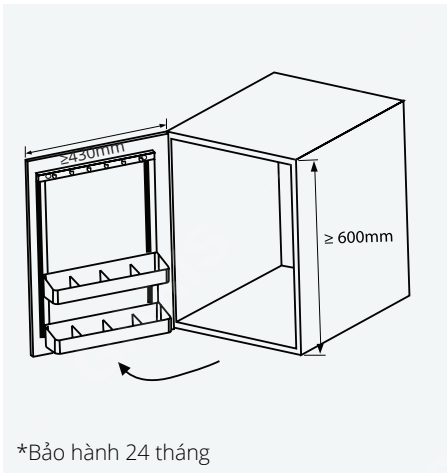
Giá để chai lọ, chất tẩy rửa
Khung thép mạ nano, bắt cánh tủ
MU05.40



*Bảo hành 24 tháng



*Bảo hành gỉ rỉ 25 năm



*Bảo hành 24 tháng

Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Đơn vị	Lưu ý	Đơn giá (VNĐ)
GU01.30	R220*S460*C450	300	Bộ	Chiều cao lọt lòng (LH): 465mm	2.680.000
MU02.35	R280*S470*C385	350	Bộ	Chiều cao lọt lòng (LH): 395mm	4.180.000
MU05.40	R370*S105*C530	≥ 430	Bộ	Đối với cánh tủ có chiều rộng ≤ 430mm thì lưu ý lắp lệch bản lề để tránh vướng sản phẩm	1.530.000

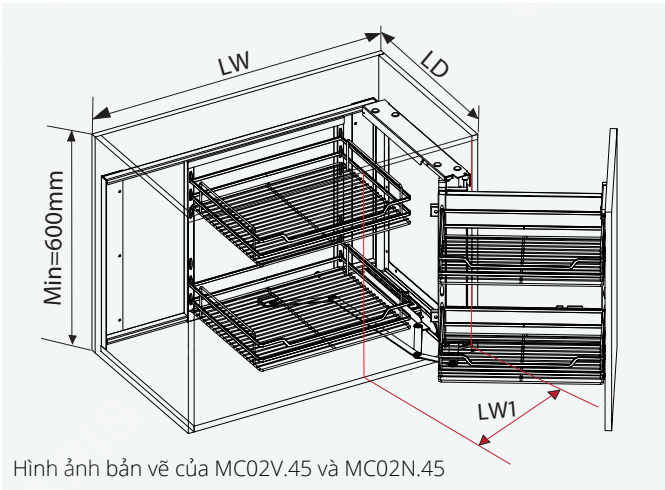
Hệ góc liên hoàn thông minh nan oval điện hóa bóng gương
Inox 304, khung thép, 2 khay hứng nước, lắp được 2 chiều, không phân trái/phải
MC02V.45

*Bảo hành gỉ rỉ 25 năm



Hệ góc liên hoàn thông minh nan oval màu titan
Thép, bề mặt phủ nano màu titan, 4 khay hứng nước, lắp được 2 chiều, không phân trái phải
MC02N.45

*Bảo hành gỉ rỉ 10 năm



Hình ảnh bản vẽ của MC02V.45 và MC02N.45

Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước cánh tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
MC02V.45	R(850-1050)*S550*C540	450	Chiều rộng tủ (LW): 850 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 550 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 380 Lưu ý: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	14.390.000
MC02N.45	R(850-1050)*S550*C540	450	Chiều rộng tủ (LW): 850 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 550 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 380 Lưu ý: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	11.420.000

Hệ góc liên hoàn thông minh nan dẹt *Bảo hành gỉ rỉ 25 năm
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, khung thép mạ nano
MC02E.45L/R

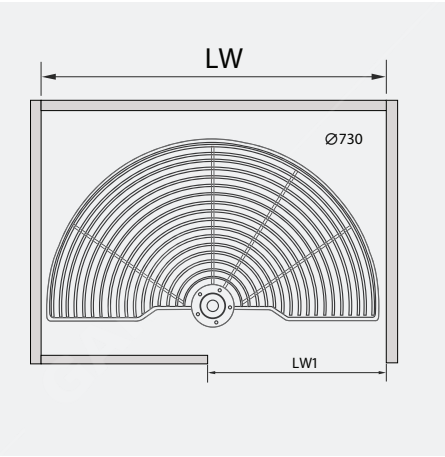


Hệ góc liên hoàn thông minh vách hộp *Bảo hành 24 tháng
Rổ inox hộp, khung thép sơn tĩnh điện
GC01.45L/R



Mâm xoay góc mở 1/2
Nan dẹt, inox 304, xước mờ, có khay hứng nước
GS01.8E

*Bảo hành gỉ rỉ 20 năm



Mâm xoay mở 3/4 phủ nano *Bảo hành gỉ rỉ 10 năm
Nan dẹt, thép phủ nano 5 lớp màu ghi xanh
GS03.80N

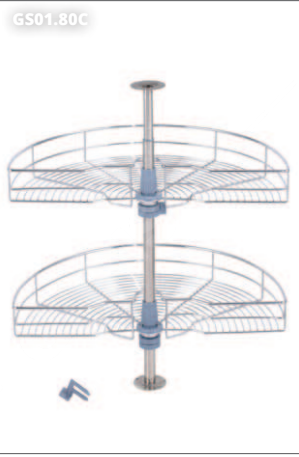


Mâm xoay thông minh hình lá *Bảo hành gỉ rỉ 10 năm
Nan dẹt, thép, phủ nano 5 lớp màu ghi xanh
GS03N.90L/R



Mâm xoay góc mở 1/2-3/4-4/4
Nan tròn, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp
GS01.80C/GS05.80C/GS07.70C

*Bảo hành gỉ rỉ 20 năm



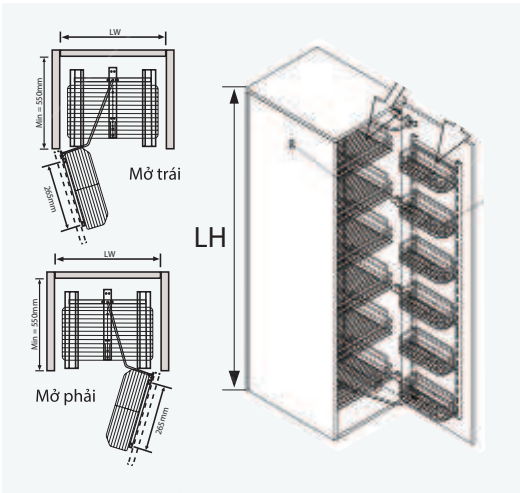
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước cánh tủ tiêu chuẩn (mm)	Góc mở	Đường kính (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MC02E.45L/R	R(850-1050)*S550*C560	450			Chiều rộng tủ (LW): 850 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 550 Khoảng cách đến khung lớn (LD1): 510 - 520 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 350 Lưu ý: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	13.700.000
GC01.45L/R	R(860-1060)*S510*C560	450			Chiều rộng tủ (LW) 860 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 510 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 350 Lưu ý: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	10.500.000
GS03.80N			3/4 (270°)	Ø710	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 555 - 775	Bộ	3.990.000
GS03N.90L/R	R820*S460*C(640-800)		180°		Chiều rộng tủ (LW) ≥ 865 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 415 Chiều sâu (LD) ≥ 520 Chiều cao: 640 - 800	Bộ	8.330.000

Mã đặt hàng	Đặc điểm	Góc mở	Đường kính (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GS01.8E	Nan dẹt điện hóa Có khay hứng nước	1/2 (180°)	Ø730	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775 Lưu ý: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	4.200.000
GS01.80C		1/2 (180°)	Ø730	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	3.420.000
GS05.80C	Nan tròn Mạ chrome Không khay hứng nước	3/4 (270°)	Ø710	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	3.640.000
GS07.70C		4/4 (360°)	Ø600	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 615 Chiều sâu tủ (LD) ≥ 615 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	3.760.000

Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nan oval, cánh mở
Rổ inox 304 điện hóa bóng gương, khung thép phủ nano
MS6.45V



*Bảo hành gỉ rổ 25 năm



Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nan oval, cánh mở
Khung và rổ bằng thép phủ nano
MS6.45N/MS6.60N

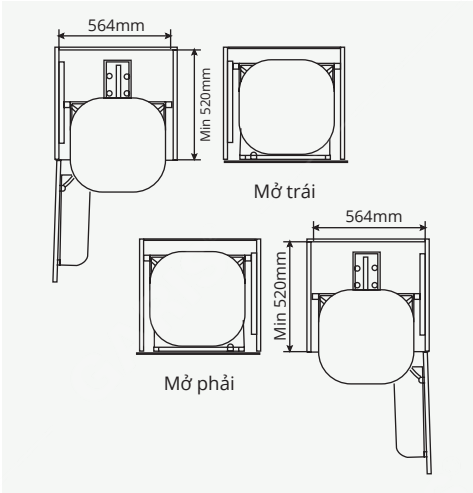


*Bảo hành gỉ rổ 10 năm

Tủ đồ khô 5 tầng, rổ nhôm, cánh mở
Khung và rổ bằng hợp kim nhôm hàng không AA, phủ fluorocarbon gốc nước màu Champagne Rose
GS5.6AG



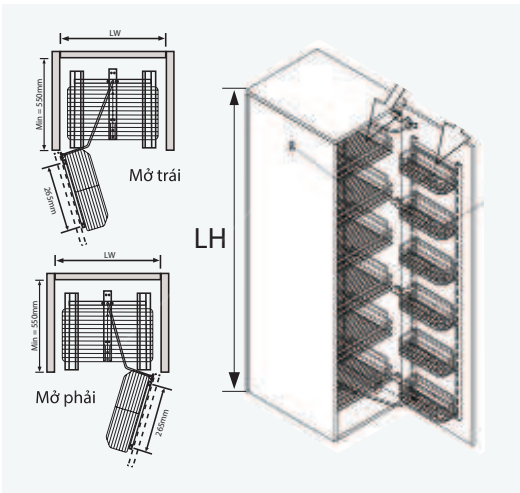
*Bảo hành gỉ rổ 20 năm



Tủ đồ khô 4/6 tầng, rổ nan dẹt, cánh mở
Rổ inox 304, mạ chrome, khung thép phủ nano
GS04.45C/GS06.45C



*Bảo hành gỉ rổ 20 năm



Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nan dẹt, cánh mở
Rổ inox 304, xước mờ, khung thép phủ nano
GS6.45E/GS6.60E

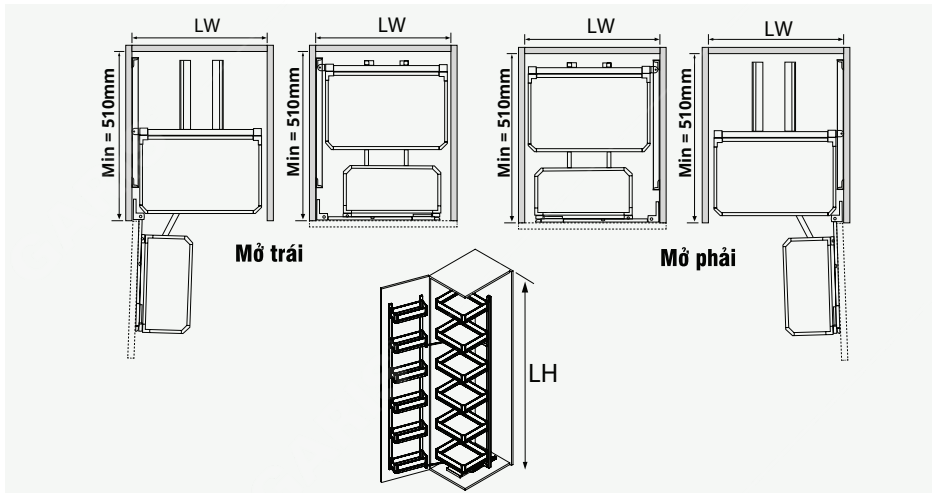


*Bảo hành gỉ rổ 15 năm

Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nhôm vách kính, cánh mở
Đáy inox, vách kính bo viền nhôm, kính sáng hoặc tối
GS6.45A/GS6.60A - GS6.45D/GS6.60D



*Bảo hành gỉ rổ 20 năm



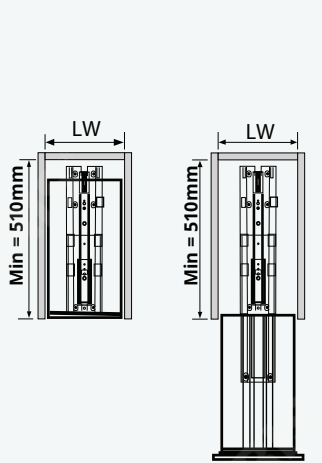
Mã đặt hàng	Số tầng	Chất liệu, bề mặt	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MS6.45V	6	Nan oval, inox 304, Điện hóa bóng gương	R400*S500*C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	15.980.000
MS6.45N	6	Nan oval, thép phủ nano màu titan	R400*S500*C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	9.990.000
MS6.60N	6		R550*S500*C(1595- 1964)	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	12.560.000
GS04.45C	4	Nan dẹt, inox 304, mạ chrome	R400*S500*C(1180- 1564)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1180 - 1564	Bộ	11.420.000
GS06.45C	6		R400*S500*C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	14.730.000
GS6.45E	6	Nan dẹt, inox 304, điện hóa xước mờ	R400*S500*C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	13.590.000
GS6.60E	6		R550*S500*C(1595- 1964)	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	15.300.000

*Bảo hành cơ cấu 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Mã đặt hàng	Màu sắc rổ	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GS5.6AG	Khung và rổ màu champagne rose	R555*S500*C1470	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao ≥ 1480	Bộ	17.990.000
GS6.45A	Viên nhôm bóng, kính trắng	R400*S495*C1750	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	10.730.000
GS6.60A		R550*S495*C1750	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	11.870.000
GS6.45D	Viên nhôm màu titan, kính tối màu	R400*S495*C1750	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	10.290.000
GS6.60D		R550*S495*C1750	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	11.420.000

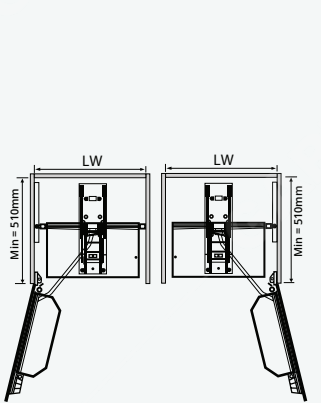
*Bảo hành cơ cấu 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nhôm, cánh rút
Rổ bằng hợp kim nhôm hàng không AA, phủ Flouorocarbon, màu xám bạc
MS6.40GA



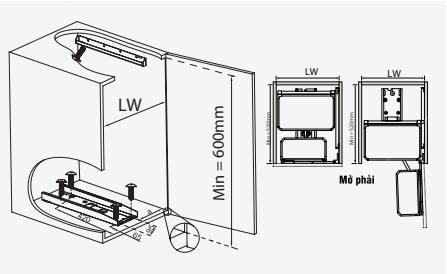
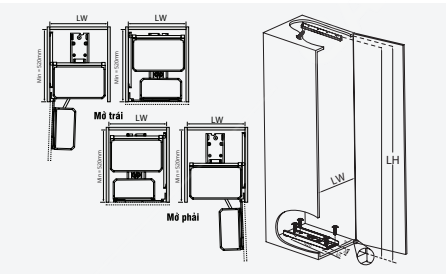
*Bảo hành cơ cấu 24 tháng, gỉ rỉ 20 năm

Tủ đồ khô 6 tầng, rổ nhôm, cánh mở
Rổ bằng hợp kim nhôm hàng không AA, phủ Flouorocarbon, màu xám bạc
MS6.45GA/ MS6.60GA



*Bảo hành cơ cấu 24 tháng, gỉ rỉ 20 năm

Tủ đồ khô 6 tầng, rổ inox hộp
Khung thép sơn tĩnh điện
GS06.60



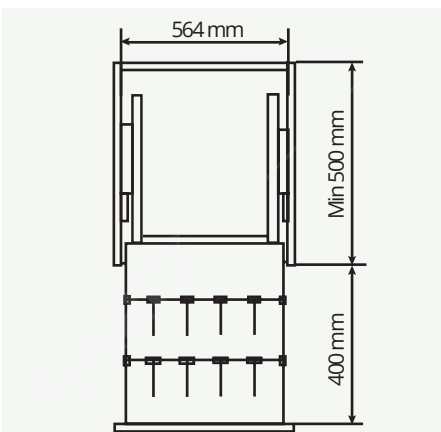
Tủ đồ khô 2 tầng, rổ inox hộp
Khung thép sơn tĩnh điện
GS02.60



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MS6.40GA	R350*S500*C(1660-2060)	400	Chiều rộng (LW) ≥ 364 Chiều cao (LH) ≥ (1660-2060)	Bộ	14.690.000
MS6.45GA	R408*S500*C1625	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH): ≥ 1640	Bộ	13.590.000
MS6.60GA	R558*S500*C1625	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH): ≥ 1640	Bộ	14.990.000
GS06.60	R555*S510*C1780	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH) ≥ 1780	Bộ	13.360.000
GS02.60	R555*S510*C600	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH) ≥ 600	Bộ	6.290.000

*Bảo hành 24 tháng đối với GS06.60 và GS02.60

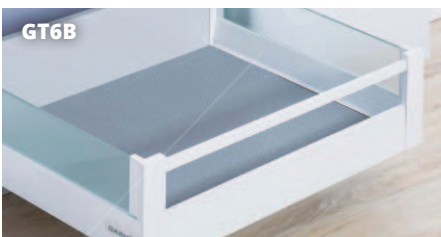
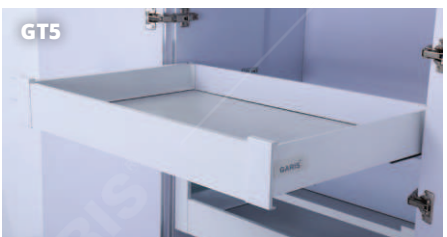
Tủ đồ khô ngăn kéo độc lập
Tùy nhu cầu sử dụng, có thể kết hợp nhiều ngăn kéo thành tủ đồ khô nhiều tầng. Rổ bằng nhôm hàng không AA màu Champagne Rose
GT01.6G



*Bảo hành gỉ rỉ 20 năm

Tủ đồ khô ngăn kéo độc lập (kích thước tùy biến từ 300mm - 1200mm)
Tùy nhu cầu sử dụng, có thể kết hợp nhiều ngăn kéo thành tủ đồ khô nhiều tầng
GT5/GT6A/GT6B/GT9

*Bảo hành 24 tháng



Mã đặt hàng	Mô tả sản phẩm	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Gợi ý kết hợp tủ đồ khô
GT01.6GS	Thành thấp + khay chia	R564*S457*C103	600	564	Bộ	3.790.000	Có thể kết hợp ngăn kéo thành thấp + thành cao để tạo ra một hệ kho độc lập nhiều tầng. Phù hợp với nhu cầu sử dụng
GT01.6GH	Thành cao + khay chia	R564*S457*C151	600	564	Bộ	4.390.000	
GT5	3 mặt thành thấp	R≤1200*S505*C110	336-1236	300-1200	Bộ	2.355.000	- Khách hàng đặt hàng một số lượng nhất định ngăn kéo thành thấp và thành cao để tạo thành tủ đồ khô
GT6A	3 mặt thành cao vách kính + thanh tăng cường	R≤1200*S505*C190	336-1236	300-1200	Bộ	3.410.000	- Nên sử dụng kết hợp với bản lề GH04 góc mở 165°
GT6B	3 mặt thành cao vách kính	R≤1200*S505*C220	336-1236	300-1200	Bộ	3.470.000	- Sản phẩm bao gồm mặt trước dài 1200mm, đơn vị thi công có thể cắt ngắn để tạo thành hệ tủ đồ khô có kích thước khoang tủ tiêu chuẩn từ 300mm - 1200mm
GT9	3 mặt thành cao vách kính + khay chia ô	R≤1200*S505*C220	336-1236	300-1200	Bộ	3.885.000	

Bộ sản phẩm GT5/GT6A/GT6B/GT9 chưa bao gồm hậu và đáy tủ

Thùng gạo mặt gương/kính, 01 khoang, thùng inox 304, nút nhấn thẳng MR08
Tải trọng 15 kg, viền nhựa ABS



Thùng gạo điện tử mặt gương/kính, 01 khoang, viền nhôm vát cạnh, nút nhấn xuống MR06E
Thùng bằng thép, tải trọng 15 kg, khay lấy gạo bo tròn



Thùng gạo mặt gương/kính, 01 khoang, viền nhôm vát cạnh, nút nhấn xuống MR06
Thùng bằng thép, tải trọng 15 kg, khay lấy gạo bo tròn



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Màu sắc	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Kích thước mặt phủ cánh (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
MR08.30B	R300*S400*C650	Kính đen	265	R300 * C650	Chiếc	3.790.000
MR08.30M		Gương			Chiếc	3.690.000
MR06.30BE		Kính đen			Chiếc	3.990.000
MR06.30ME		Gương			Chiếc	3.890.000
MR06.30M		Gương			Chiếc	3.590.000
MR06.30B		Kính đen			Chiếc	3.790.000
MR06.30W		Kính trắng xanh			Chiếc	3.690.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

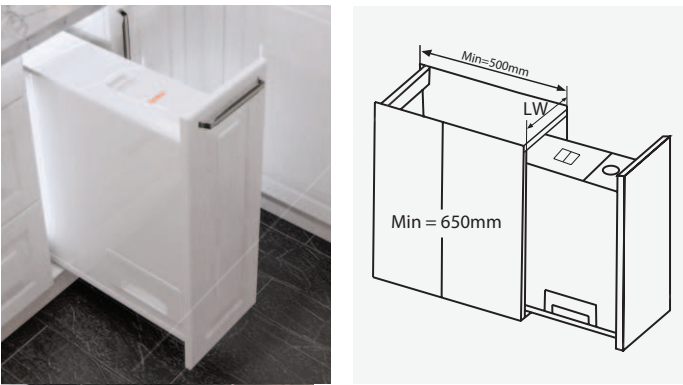
Thùng gạo mặt gương/kính, 02 khoang, viền nhôm vát cạnh MR07
Thùng gạo bằng nhựa ABS, tải trọng 20 kg



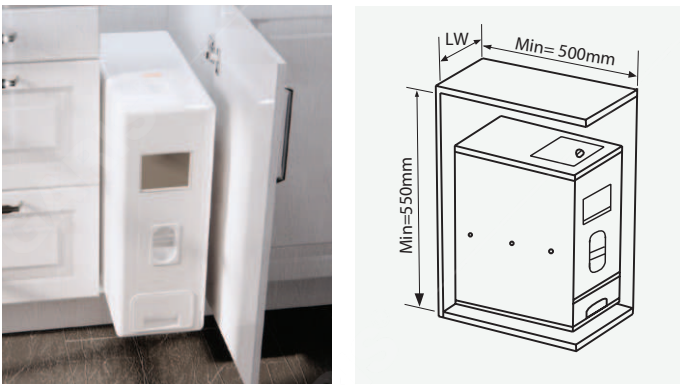
Thùng gạo mặt gương/kính, 01 khoang, viền thép, nút nhấn xuống GR06
Thùng gạo bằng thép, tải trọng 15 kg, khay lấy gạo hình chữ nhật



Thùng gạo 15kg, cánh kéo, KT mặt cánh 200mm GR01.20
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



Thùng gạo 15kg, cánh mở, KT mặt cánh 250mm GR02.25
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Màu sắc	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
MR07.30M	R300*S480*C650	Gương	265	R300*C650	Chiếc	4.490.000
MR07.30B		Kính đen			Chiếc	4.690.000
MR07.30W		Kính trắng xanh			Chiếc	4.590.000
GR06.25B	R250*S400*C650	Kính đen	250	R214*C650	Chiếc	2.390.000
GR06.30B	R300*S400*C650	Kính đen	300	R265*C650	Chiếc	2.490.000
GR06.30M		Gương			Chiếc	2.390.000
GR01.20	R165*S460*C560	Trắng	200	165 - 265	Chiếc	3.090.000
GR02.25	R190*S420*C485	Trắng	250	214 - 264	Chiếc	2.840.000

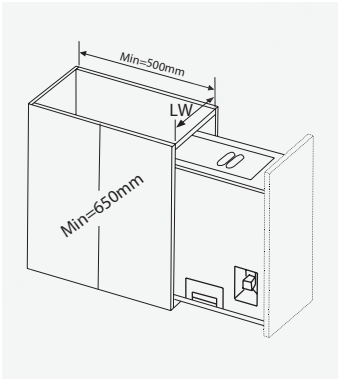
*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Thùng gạo 18kg, cánh mở, KT mặt cánh 300mm **GR13.30/GR23.30**
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



GR13.30: Ray con lăn
GR23.30: Ray âm giảm chấn

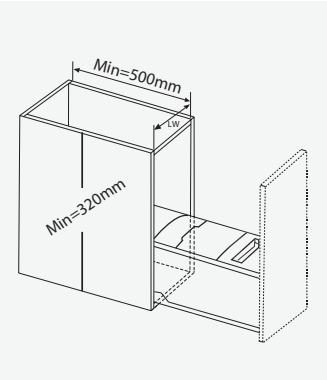
Thùng gạo 25kg, cánh kéo, KT mặt cánh 300mm **GR08.30**
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



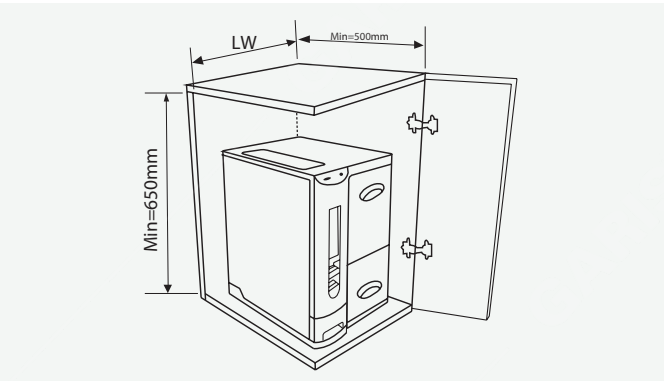
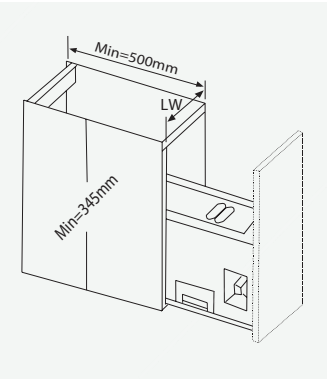
Thùng gạo 30kg, cánh mở, 3 khoang **GR09.45**
KT mặt cánh 450mm, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



Thùng gạo 10kg, cánh mở/kéo, KT mặt cánh 300mm **GR05.30**
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



Thùng gạo 10kg, cánh kéo, KT mặt cánh 300mm **GR04.30**
1 khoang, thùng bằng thép sơn tĩnh điện, mặt nhựa ABS



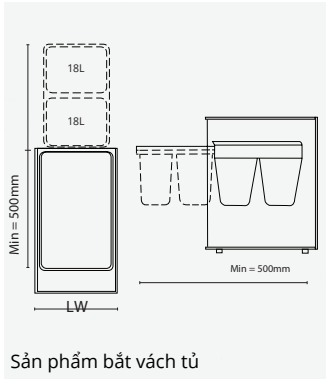
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Loại ray	Màu sắc	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
GR13.30	R260*S390*C475	Ray con lăn	Trắng	300	≥ 264 (Chưa bao gồm chiều dày bản lề)	Chiếc	2.690.000
GR23.30	R230*S400*C490						3.190.000
GR05.30	R265*S490*C240	Ray âm giảm chấn	Trắng	300	≥ 264	Chiếc	3.170.000
GR08.30	R265*S490*C505		Trắng	300	≥ 264	Chiếc	4.560.000
GR04.30	R265*S490*C330		Trắng	300	≥ 264	Chiếc	4.290.000
GR09.45	R400*S490*C545		Trắng	450	≥ 415	Chiếc	7.240.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Thùng rác đôi màu ghi xám/trắng, 30L **GW06.30G/GW06.30W**
Cánh kéo, khung thép, thùng nhựa ABS, KT mặt cánh ≥ 300mm

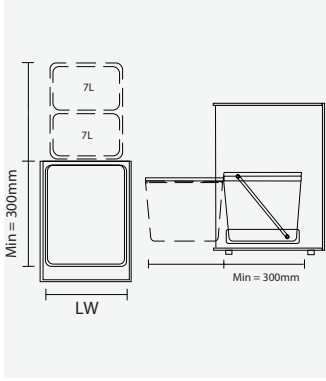


Thùng rác đôi 36L, KT mặt cánh 400mm **GW07.40**
Thùng nhựa ABS màu ghi xám, cánh kéo



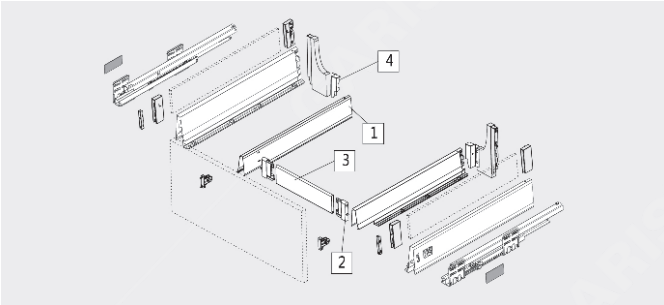
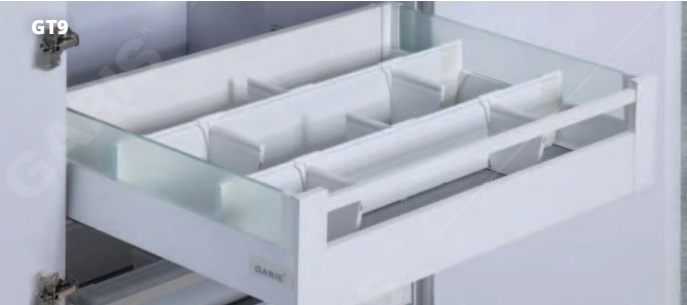
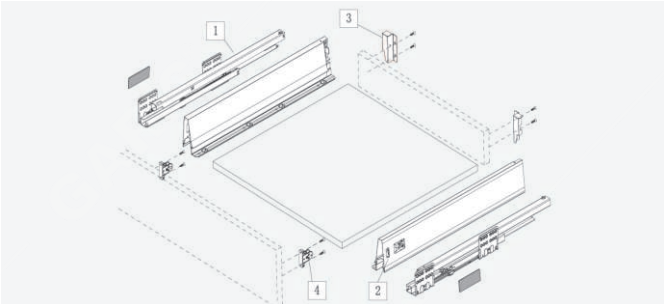
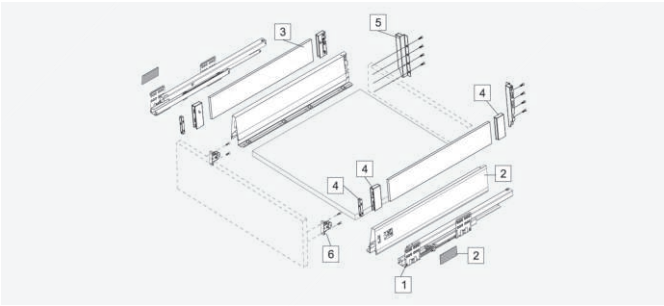
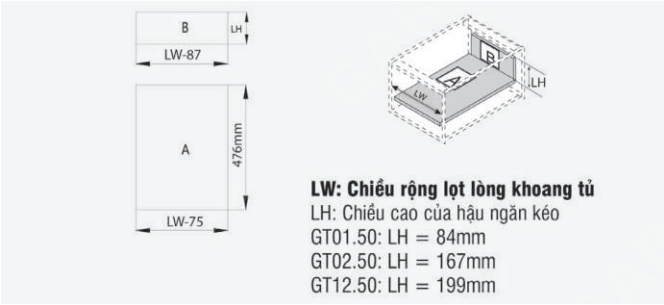
Sản phẩm bắt vách tủ

Thùng rác đôi 14L, KT mặt cánh ≥ 400mm **GW03.14**
Thùng nhựa PP, khung thép sơn tĩnh điện màu xám, cánh mở



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW06.30G	R262*S500*C420	≥ 300	265 - 365	Chiếc	3.640.000
GW06.30W					3.640.000
GW04.21	R205*S170*C285	Cánh ≥ 210	363 - 368	Chiếc	1.130.000
GW04.245	R245*S182*C170	Cánh ≥ 255		Chiếc	560.000
GW07.40	R(362-368)*S500*C506	400	LW ≥ 355	Chiếc	5.700.000
GW05.10	R270*S270*C390	≥ 375	LW ≥ 355	Chiếc	1.480.000
GW05.07	R260*S260*C350	≥ 375	LW ≥ 355	Chiếc	1.370.000
GW03.14	R390*S300*C355	≥ 400	LW ≥ 390	Chiếc	2.970.000
GW03.16	R390*S300*C355	≥ 400	LW ≥ 390	Chiếc	2.800.000

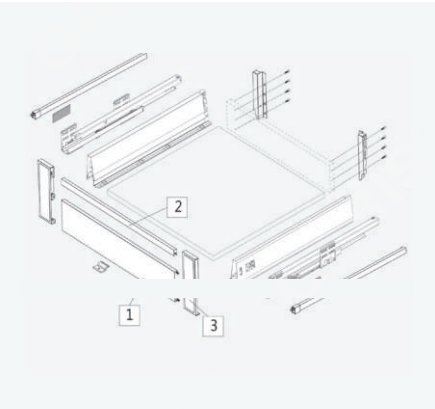
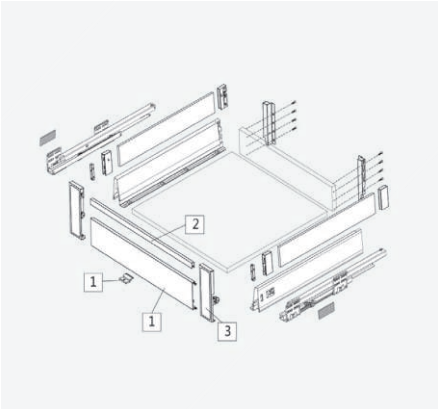
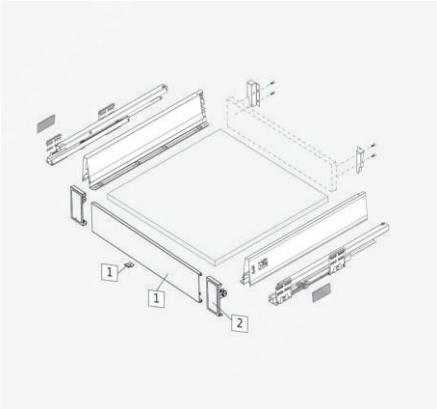
*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên



Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT01.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành thấp	500mm	Bộ ray hộp giảm chấn Gigabox GT01 gồm 2 ray hộp trái/phải	Bộ	1.385.000
GT12.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành cao vách kính	500mm	Bộ ray GT12.50 gồm: - 2 ray hộp trái/phải - 2 vách kính trắng 2 bên	Bộ	2.135.000
GT02.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành cao vách kính, thanh tăng cường	500mm	- 2 ray hộp trái/phải (mã lẻ GT02.50W)	Bộ	1.600.000
			2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT02.50M)		455.000
			Tổng		
GT9	Ngăn kéo chia ô	500mm	1 bộ ray hộp và 2 vách kính 2 bên (mã lẻ GT12.50)	Bộ	2.135.000
			2 thanh chia ô (mã lẻ GT09.1), L=1200mm	Bộ	1.050.000
			6 tấm chia ô (mã lẻ GT09.2)	Tấm	500.000
			2 khớp nối (mã lẻ GT09.3)	Bộ	200.000
			Tổng		

Bộ sản phẩm chưa bao gồm hậu và đáy ngăn kéo.

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên



Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT5	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành thấp	500mm	1 bộ ray hộp 2 mặt thành thấp (mã lẻ GT01.50)	Bộ	1.385.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		800.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT05.2), H = 110mm		170.000
			Tổng		2.355.000
GT6B	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành cao vách kính	500mm	1 bộ ray hộp và 2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT12.50)	Bộ	1.600.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		455.000
			1 thanh nâng cấp trước (mã lẻ GT06.1), L = 1000mm		800.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT06.3), H = 220mm		340.000
			Tổng		215.000
GT6A	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành cao vách kính, thanh tăng cường	500mm	1 bộ ray hộp 2 mặt thành cao (mã lẻ GT02.50W)	Bộ	3.410.000
			2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT02.50M)		2.135.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		800.000
			1 thanh nâng cấp trước (mã lẻ GT06.1), L = 1000mm		340.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT06.2), H = 190mm		195.000
			Tổng		3.470.000

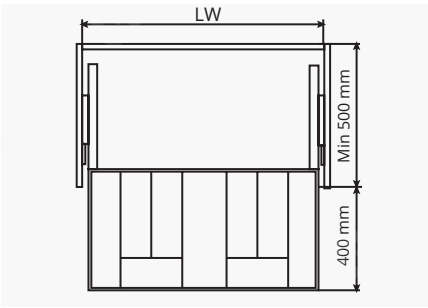
*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Bộ sản phẩm chưa bao gồm hậu và đáy ngăn kéo.

Hệ khay chia thìa dĩa độc lập
GT03AG



*Bảo hành 24 tháng, bảo hành gỉ 20 năm



Khay chia ngăn kéo nhựa cao cấp
GT03



*Bảo hành 24 tháng

Khay chia ngăn kéo inox cao cấp
GT01



*Bảo hành 24 tháng

Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước ngăn kéo tiêu chuẩn(mm)	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT03.6AG	R(564-568)*S423*C85	600	- Thanh chia có thể tháo rời, chỉnh khoảng cách linh hoạt - Chất liệu: khung bằng nhôm hàng không AA (Aviation Aluminium) - Màu sắc: Champagne Rose - Đáy có tấm chống trơn trượt - Tải trọng: 25kg	Cái	3.690.000
GT03.7AG	R(664-668)*S423*C85	700		Cái	3.890.000
GT03.8AG	R(764-768)*S423*C85	800		Cái	4.190.000
GT03.9AG	R(864-868)*S423*C85	900		Cái	4.490.000
GT03.60	R530*S485*C55	600	- Màu sắc: Xám - Dùng đặt trong ngăn kéo tủ bếp, để dao, thìa, đĩa và dụng cụ nhà bếp - Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp	Cái	830.000
GT03.70	R630*S485*C55	700		Cái	900.000
GT03.80	R730*S485*C55	800		Cái	960.000
GT03.90	R830*S485*C55	900		Cái	1.030.000
GT01.2	R200*S473*C70		- Khay chia inox 4 ngăn đựng dao, thìa, đĩa đặt trong ngăn kéo, Inox 304	Bộ	1.930.000
GT01.3	R280*S473*C70		- Khay chia inox 6 ngăn đựng dao, thìa, đĩa đặt trong ngăn kéo, Inox 304	Bộ	2.840.000
GT01.4	R377*S473*C70		- Khay chia inox 8 ngăn đựng dao, thìa, đĩa đặt trong ngăn kéo, Inox 304	Bộ	3.420.000

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Quy cách (Rộng*sâu*cao)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GI05.1	Thanh treo Inox	Ø19	Met	130.000
	GI05.2	Bas suốt 2 đầu	R25*S45*C25	Cặp	190.000
	GI05.3	Bas suốt giữa	R25*S45*C25	Cái	130.000
	GI04.1	Giá treo vung	R210*S110*C370		480.000
	GI04.2	Giá treo gia vị và cuộn giấy	R395*S210*C330		1.130.000
	GI04.3	Giá để gia vị 2 tầng	R320*S200*C335		1.250.000
	GI04.4	Móc treo dụng cụ nấu	R6*S60*C65	Cái	57.000
	GI04.5	Giá treo dao thớt Inox	R250*S150*C390		1.130.000
	GI04.6	Giá treo ly đôi	R220*S350*C75		550.000
	GI04.7	Giá treo ly	R320*S175*C110		450.000
	GI04.8	Giá để cuộn giấy	R330*S135*C365		1.680.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Quy cách (Rộng*sâu*cao)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GI01.8.60	Thanh treo	Dài 600*Cao 40 C = 360	Thanh	530.000
	GI01.8.90		Dài 900*Cao 40 C = 660		690.000
	GI01.8.120		Dài 1200*Cao 40 C = 960		880.000
	GI01.1	Giá để dao và dụng cụ nấu	R333*S115*C200		1.190.000
	GI01.2	Giá để gia vị hai tầng	R335*S115*C300		1.510.000
	GI01.3	Giá để gia vị có thanh chắn	R333*S115*C200		1.120.000
	GI01.4	Giá để gia vị	R333*S115*C200	Cái	950.000
	GI01.5	Móc treo dụng cụ nấu	R166*S45*C70		490.000
	GI01.6	Giá để dụng cụ nấu	R110*S115*C300		840.000
	GI01.7	Giá cài nắp vung	R166*S115*C200		690.000
	MI02	Giá treo để gia vị, dao thớt, dụng cụ nấu ăn	R760*S290*C360	Bộ	2.850.000

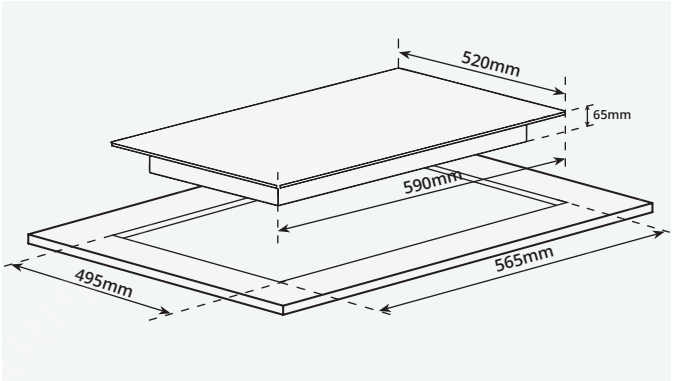
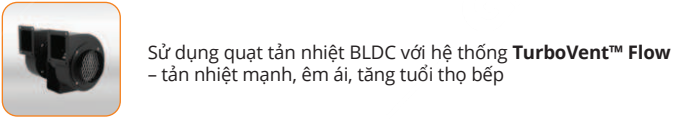
(C là khoảng cách giữa 2 lỗ bắt vít)



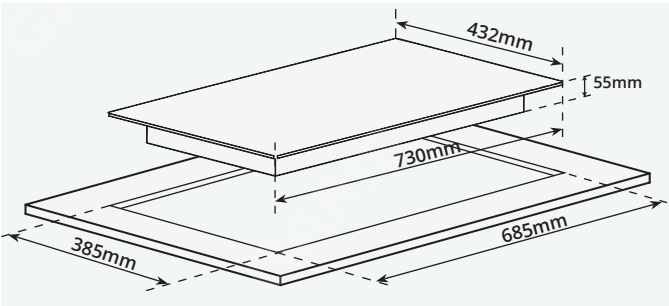
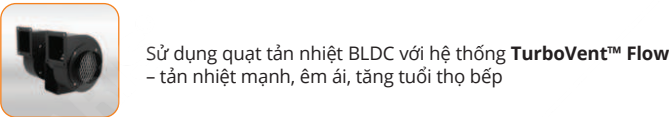
Bếp từ 3 vùng nấu, viền hợp kim nhôm Aviation Shield G1116

Đặc tính sản phẩm
Vùng nấu: 03 vùng nấu cảm ứng từ
Loại mặt kính: Diamond Endurance Glass
Sản phẩm dùng quạt tản nhiệt BLDC Turbo độ ồn <36db
Smart PID Control: kiểm soát nhiệt chính xác tới từng độ C, giữ món ăn luôn hoàn hảo
Multi-layer PCB: Bo mạch đa lớp – vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị
Thermal Monitoring System: Hệ thống làm mát thông minh – hoạt động êm ái, bền bỉ như máy lạnh cao cấp
Công nghệ chống nhiễu EMC – bảo vệ thiết bị điện gia đình, vận hành an toàn tuyệt đối
Sản phẩm được trang bị tấm khử từ Adrian, bảo vệ sức khỏe và gia tăng độ bền cho mâm từ
Chức năng Booster 3 vùng nấu (3000W/2500W/1800W)
Điều khiển trượt cảm ứng 20 levels mức công suất cho 3 vùng nấu độc lập
TurboHeat™ Booster: Tăng nhiệt nhanh gấp 03 lần bếp truyền thống
Tự động tìm nồi nấu Automaticlly find pot và vùng nấu chỉ nóng lên khi có nồi
Chức năng hâm nóng Keep Warm ở nhiệt độ 65°C

Tính năng an toàn
Chức năng cân bằng công suất Power Balance tăng độ bền cho bếp và chống quá tải
Chức năng tạm dừng Pause "stop go"
Chức năng chống trào nước Water Over Flow
Chức năng tự động tắt bếp khi không có nồi
Chức năng khóa trẻ em - Child Lock
Hẹn giờ giới hạn thời gian hoạt động lên tới 9.9 giờ (594 phút)
Bảo vệ quá nhiệt (cảm biết nhiệt độ tích hợp trong từng vùng nấu)
Chỉ báo nhiệt dư "H" cảnh báo nhiệt độ trên 60 độ C tránh gây bỏng da
Đơn giá: 12.190.000



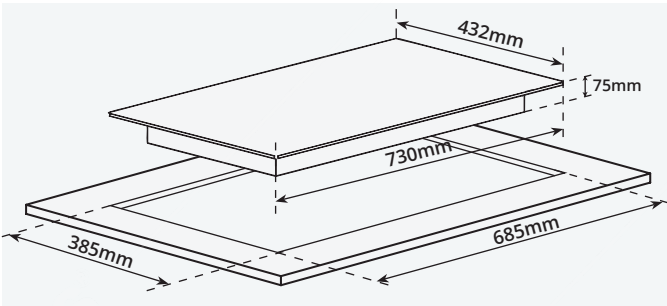
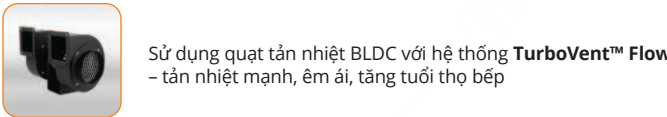
Thông số kỹ thuật
Kiểu lắp đặt: Âm bàn đá
Kích thước cắt đá: R565*S495mm
Quy cách sản phẩm: R590*S520*C65mm
Công suất 3 vùng nấu: 2800W + 2200W + 1500W
Điện áp: 220-240V/50-60Hz



Thông số kỹ thuật
Kiểu lắp đặt: Âm bàn đá
Kích thước cắt đá: R685*S385mm
Quy cách sản phẩm: R730*S432*C55mm
Công suất vùng nấu trái/phải: 2800W (booster 3000W)
Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Đơn giá: 16.990.000

Bếp từ 2 vùng nấu, kính vát 4 cạnh, viền hợp kim nhôm Aviation Shield G1416

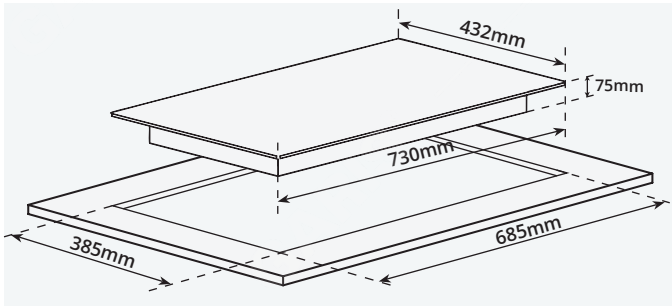
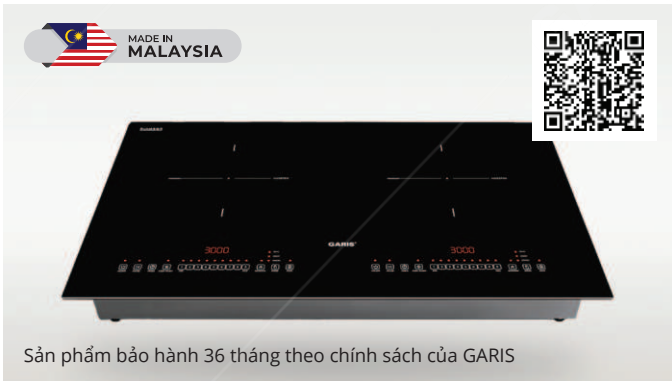
Đặc tính sản phẩm
Vùng nấu: 02 vùng nấu cảm ứng từ Chế độ nấu: 05 chế độ
Loại mặt kính: Diamond Endurance Glass
Half-Bridge Inverter: Công nghệ biến tần đun nấu giữ nhiệt ko tắt mở, tiết kiệm đến 50% điện năng
IGBT cao cấp từ Infineon (Đức): Chịu tải cao, bền bỉ với thời gian
Sản phẩm dùng quạt tản nhiệt BLDC Turbo độ ồn <36db
Smart PID Control: kiểm soát nhiệt chính xác tới từng độ C, giữ món ăn luôn hoàn hảo
Multi-layer PCB: Bo mạch đa lớp – vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị
Thermal Monitoring System: Hệ thống làm mát thông minh – hoạt động êm ái, bền bỉ như máy lạnh cao cấp
Công nghệ chống nhiễu EMC – bảo vệ thiết bị điện gia đình, vận hành an toàn tuyệt đối
Sản phẩm được trang bị tấm khử từ Adrian, bảo vệ sức khỏe và gia tăng độ bền cho mâm từ
Chức năng Booster 2 vùng nấu riêng biệt max 3000W
Điều khiển trượt cảm ứng 9 levels mức công suất cho 2 vùng nấu độc lập
TurboHeat™ Booster: Tăng nhiệt nhanh gấp 03 lần bếp truyền thống
Tự động tìm nồi nấu Automaticlly find pot và vùng nấu chỉ nóng lên khi có nồi
Chức năng hâm nóng Keep Warm ở nhiệt độ 65°C
Chức năng chiên rán Frying với mức nhiệt độ từ 170-180°C
Chức năng đun sôi Steam ở nhiệt độ 100°C
Chức năng hầm Stewing ở nhiệt độ 80°C
Chức năng rã đông Defrost với mức nhiệt độ từ 50-60°C
Tính năng an toàn
Chức năng cân bằng công suất Power Balance tăng độ bền cho bếp và chống quá tải
Chức năng tạm dừng Pause "stop go"
Chức năng chống trào nước Water Over Flow
Chức năng tự động tắt bếp khi không có nồi
Chức năng khóa trẻ em - Child Lock
Hẹn giờ giới hạn thời gian hoạt động lên tới 99 phút
Bảo vệ quá nhiệt (cảm biết nhiệt độ tích hợp trong từng vùng nấu)
Chỉ báo nhiệt dư "H" cảnh báo nhiệt độ trên 60 độ C tránh gây bỏng da
Tính năng chia sẻ công suất của 2 vùng nấu tối đa 3700W



Thông số kỹ thuật
Kiểu lắp đặt: Âm bàn đá hoặc dương bàn đá
Kích thước cắt đá: R685*S385mm
Quy cách sản phẩm: R730*S432*C75mm
Công suất vùng nấu trái/phải: 2800W (booster 3000W)
Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Đơn giá: 10.190.000

Bếp từ 2 vùng nấu, kính vát 4 cạnh G1211

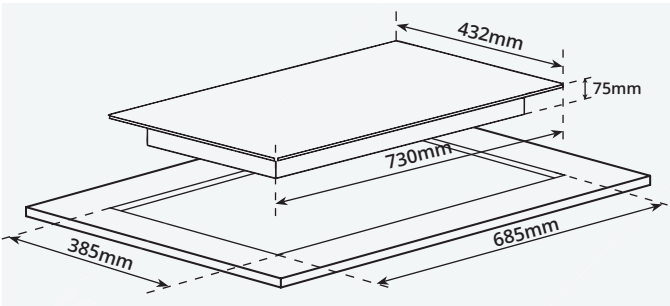
Đặc tính sản phẩm
Vùng nấu: 02 vùng nấu cảm ứng từ Chế độ nấu: 04 chế độ
Loại mặt kính: Diamond Endurance Glass
Half-Bridge Inverter: Công nghệ biến tần đun nấu giữ nhiệt ko tắt mở, tiết kiệm đến 50% điện năng
IGBT cao cấp từ Infineon (Đức) : Chịu tải cao, bền bỉ với thời gian
Sản phẩm dùng quạt tản nhiệt BLDC độ ồn <36db
Smart PID Control: kiểm soát nhiệt chính xác tới từng độ C, giữ món ăn luôn hoàn hảo
Multi-layer PCB: Bo mạch đa lớp – vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị
Thermal Monitoring System: Hệ thống làm mát thông minh – hoạt động êm ái, bền bỉ như máy lạnh cao cấp
Công nghệ chống nhiễu EMC – bảo vệ thiết bị điện gia đình, vận hành an toàn tuyệt đối
Sản phẩm được trang bị tấm khử từ Adrian , bảo vệ sức khỏe và gia tăng độ bền cho mâm từ
Chức năng Booster 2 vùng nấu riêng biệt max 3000W
Điều khiển trượt cảm ứng 9 levels mức công suất cho 2 vùng nấu độc lập
TurboHeat™ Booster: Tăng nhiệt nhanh gấp 03 lần bếp truyền thống
Tự động tìm nồi nấu Automaticlly find pot và vùng nấu chỉ nóng lên khi có nồi
Chức năng hâm nóng Keep Warm ở nhiệt độ 60°C
Chức năng chiên rán Frying ở nhiệt độ từ 200°C
Chức năng đun sôi Steam ở nhiệt độ 100°C
Chức năng hầm Stewing ở nhiệt độ 80°C
Tính năng an toàn
Chức năng cân bằng công suất Power Balance tăng độ bền cho bếp và chống quá tải
Chức năng tạm dừng Pause "stop go"
Chức năng chống trào nước Water Over Flow
Chức năng tự động tắt bếp khi không có nồi
Chức năng khóa trẻ em - Child Lock
Hẹn giờ giới hạn thời gian hoạt động lên tới 99 phút
Bảo vệ quá nhiệt (cảm biết nhiệt độ tích hợp trong từng vùng nấu)
Chỉ báo nhiệt dư "H" cảnh báo nhiệt độ trên 60 độ C tránh gây bỏng da
Tính năng chia sẻ công suất của 2 vùng nấu tối đa 3700W



Thông số kỹ thuật
Kiểu lắp đặt: Âm bàn đá hoặc dương bàn đá
Kích thước cắt đá: R685*S385mm
Quy cách sản phẩm: R730*S432*C75mm
Công suất vùng nấu trái/phải: 2800W (booster 3000W)
Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Đơn giá: 10.690.000

Bếp từ 2 vùng nấu, kính vát 4 cạnh, viền hợp kim nhôm Aviation Shield G1214

Đặc tính sản phẩm
Vùng nấu: 02 vùng nấu cảm ứng từ Chế độ nấu: 04 chế độ
Loại mặt kính: Diamond Endurance Glass
Half-Bridge Inverter: Công nghệ biến tần đun nấu giữ nhiệt ko tắt mở, tiết kiệm đến 50% điện năng
IGBT cao cấp từ Infineon (Đức): Chịu tải cao, bền bỉ với thời gian
Sản phẩm dùng quạt tản nhiệt BLDC độ ồn <36db
Smart PID Control: kiểm soát nhiệt chính xác tới từng độ C, giữ món ăn luôn hoàn hảo
Multi-layer PCB: Bo mạch đa lớp – vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị
Thermal Monitoring System: Hệ thống làm mát thông minh – hoạt động êm ái, bền bỉ như máy lạnh cao cấp
Công nghệ chống nhiễu EMC – bảo vệ thiết bị điện gia đình, vận hành an toàn tuyệt đối
Sản phẩm được trang bị tấm khử từ Adrian, bảo vệ sức khỏe và gia tăng độ bền cho mâm từ
Chức năng Booster 2 vùng nấu riêng biệt max 3000W
Điều khiển trượt cảm ứng 9 levels mức công suất cho 2 vùng nấu độc lập
TurboHeat™ Booster: Tăng nhiệt nhanh gấp 03 lần bếp truyền thống
Tự động tìm nồi nấu Automaticlly find pot và vùng nấu chỉ nóng lên khi có nồi
Chức năng hâm nóng Keep Warm ở nhiệt độ 60°C
Chức năng chiên rán Frying ở nhiệt độ từ 200°C
Chức năng đun sôi Steam ở nhiệt độ 100°C
Chức năng hầm Stewing ở nhiệt độ 80°C
Tính năng an toàn
Chức năng cân bằng công suất Power Balance tăng độ bền cho bếp và chống quá tải
Chức năng tạm dừng Pause "stop go"
Chức năng chống trào nước Water Over Flow
Chức năng tự động tắt bếp khi không có nồi
Chức năng khóa trẻ em - Child Lock
Hẹn giờ giới hạn thời gian hoạt động lên tới 99 phút
Bảo vệ quá nhiệt (cảm biết nhiệt độ tích hợp trong từng vùng nấu)
Chỉ báo nhiệt dư "H" cảnh báo nhiệt độ trên 60 độ C tránh gây bỏng da
Tính năng chia sẻ công suất của 2 vùng nấu tối đa 3700W



Thông số kỹ thuật
Kiểu lắp đặt: Âm bàn đá hoặc dương bàn đá
Kích thước cắt đá: R685*S385mm
Quy cách sản phẩm: R730*S432*C75mm
Công suất vùng nấu trái/phải: 2800W (booster 3000W)
Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Đơn giá: 11.190.000

Bếp từ 2 vùng nấu, viền hợp kim nhôm Aviation Shield màu titan G1216

Đặc tính sản phẩm
Vùng nấu: 02 vùng nấu cảm ứng từ Chế độ nấu: 04 chế độ
Loại mặt kính: Diamond Endurance Glass
Half-Bridge Inverter: Công nghệ biến tần đun nấu giữ nhiệt ko tắt mở, tiết kiệm đến 50% điện năng
IGBT cao cấp từ Infineon (Đức): Chịu tải cao, bền bỉ với thời gian
Sản phẩm dùng quạt tản nhiệt BLDC độ ồn <36db
Smart PID Control: kiểm soát nhiệt chính xác tới từng độ C, giữ món ăn luôn hoàn hảo
Multi-layer PCB: Bo mạch đa lớp – vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị
Thermal Monitoring System: Hệ thống làm mát thông minh – hoạt động êm ái, bền bỉ như máy lạnh cao cấp
Công nghệ chống nhiễu EMC – bảo vệ thiết bị điện gia đình, vận hành an toàn tuyệt đối
Sản phẩm được trang bị tấm khử từ Adrian, bảo vệ sức khỏe và gia tăng độ bền cho mâm từ
Chức năng Booster 2 vùng nấu riêng biệt max 3000W
Điều khiển trượt cảm ứng 9 levels mức công suất cho 2 vùng nấu độc lập
TurboHeat™ Booster: Tăng nhiệt nhanh gấp 03 lần bếp truyền thống
Tự động tìm nồi nấu Automaticlly find pot và vùng nấu chỉ nóng lên khi có nồi
Chức năng hâm nóng Keep Warm ở nhiệt độ 60°C
Chức năng chiên rán Frying ở nhiệt độ từ 200°C
Chức năng đun sôi Steam ở nhiệt độ 100°C
Chức năng hầm Stewing ở nhiệt độ 80°C
Tính năng an toàn
Chức năng cân bằng công suất Power Balance tăng độ bền cho bếp và chống quá tải
Chức năng tạm dừng Pause "stop go"
Chức năng chống trào nước Water Over Flow
Chức năng tự động tắt bếp khi không có nồi
Chức năng khóa trẻ em - Child Lock
Hẹn giờ giới hạn thời gian hoạt động lên tới 99 phút
Bảo vệ quá nhiệt (cảm biết nhiệt độ tích hợp trong từng vùng nấu)
Chỉ báo nhiệt dư "H" cảnh báo nhiệt độ trên 60 độ C tránh gây bỏng da
Tính năng chia sẻ công suất của 2 vùng nấu tối đa 3700W



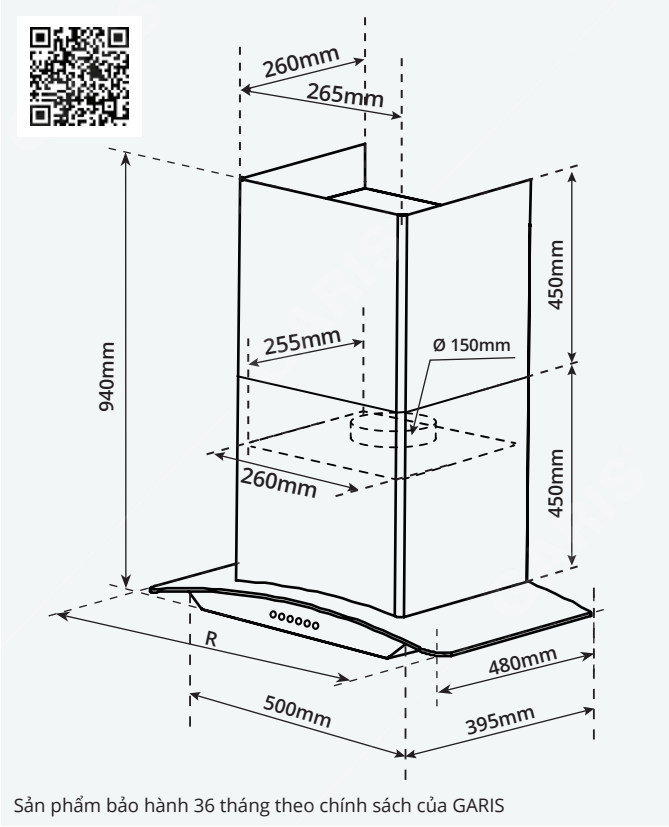
Hút mùi kính cong, phím điều khiển cơ
G3117/G3119

- Đặc tính sản phẩm
- Công nghệ TurboPulse™ AC Engine: động cơ xoay chiều mạnh mẽ, lực hút ổn định, phù hợp mọi gian bếp
- Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
- Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, dễ tháo rửa, chống tắc luồng khí
- Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Phím điều khiển dạng cơ, nút nhấn bằng inox

Cấp độ hút: 3 cấp độ hút

Thông số kỹ thuật	
Công suất động cơ: AC - 1x160W Điện áp: 220-240V/50-60Hz	
Quy cách sản phẩm G3117: R692*S480*C350mm Quy cách sản phẩm G3119: R892*S480*C350mm	
Công suất hút: ±1000 m3/h	
Độ ồn: ±55db	
Hệ thống lọc: 02 tấm lọc nhôm 05 lớp và 1 tấm lọc than hoạt tính	
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm	
Chất liệu: thép + kính	
Đơn giá	G3117: 5.390.000
	G3119: 5.490.000



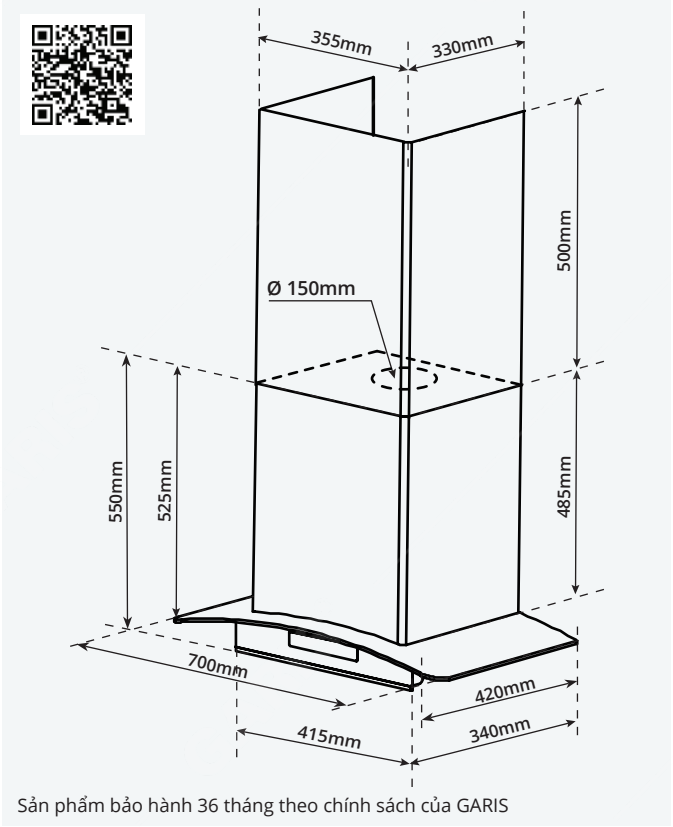
Hút mùi kính cong, điều khiển cảm ứng chạm/vẩy tay
G3127

- Đặc tính sản phẩm
- Công nghệ TurboPulse™ AC Engine: động cơ xoay chiều mạnh mẽ, lực hút ổn định, phù hợp mọi gian bếp
- Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
- Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, chống tắc luồng khí
- Công nghệ HeatWash™ System: Tự làm sạch khoang hút bằng nhiệt (auto clean) mà không cần vệ sinh thủ công
- Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẩy tay

Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm

Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Thông số kỹ thuật	
Công suất động cơ: AC - 1x200W Điện áp: 220-240V/50-60Hz	
Quy cách sản phẩm: R700*S420*C550mm	
Công suất hút: ±1200 m3/h	
Độ ồn: ±50db	
Hệ thống lọc: 01 tấm lọc thép và 01 tấm lọc than hoạt tính	
Cửa thoát gió: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm	
Chất liệu: thép + kính	
Tính năng bổ sung: hẹn giờ	
Kèm theo: khay hứng dầu	
Đơn giá: 10.290.000	





BEST
SELLER



Hút mùi âm tủ, ra vào cơ, điều khiển cảm ứng chạm/vẫy tay
G3227

Đặc tính sản phẩm

Công nghệ TurboPulse™ AC Engine: động cơ xoay chiều mạnh mẽ, lực hút ổn định, phù hợp mọi gian bếp

Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài

Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, dễ tháo rửa, chống tắc luồng khí

Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẫy tay

Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm

Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Cấp độ hút: 3 cấp độ hút

Thông số kỹ thuật

Công suất động cơ: AC - 2x100W | Điện áp: 220-240V/50-60Hz

Quy cách sản phẩm: R700*S305*C178mm

Công suất hút: ±1000 m3/h

Độ ồn: 50db

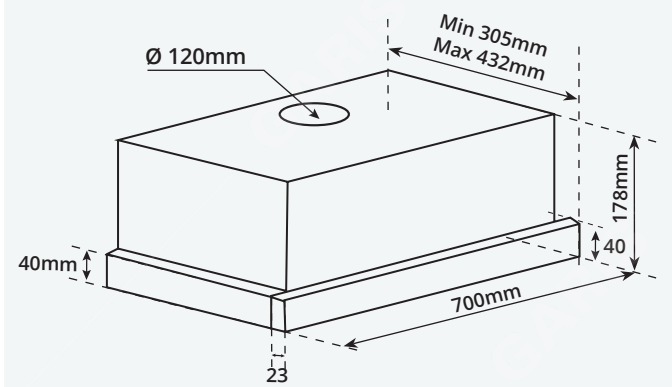
Hệ thống lọc: 02 tấm lọc nhôm 3 lớp và 02 tấm lọc than hoạt tính

Cửa thoát khí: 01 ống (nhôm) x Ø 120mm

Chất liệu: thép + kính

Tính năng bổ sung: hẹn giờ

Đơn giá: 7.090.000



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS



NEW



Hút mùi âm tủ, ra vào tự động, điều khiển cảm ứng chạm/vẫy tay
G3247

Đặc tính sản phẩm

Công nghệ SilentForce™ BLDC Engine: động cơ không chổi than, tiết kiệm đến 40% điện năng, vận hành mượt mà, giảm tiếng ồn

Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài

Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, dễ tháo rửa, chống tắc luồng khí

Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẫy tay

Sản phẩm tích hợp hệ chuyển động Autodor system Motion đóng mở cửa hút tự động

Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm

Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Cấp độ hút: 3 cấp độ hút + chế độ Booster

Thông số kỹ thuật

Công suất động cơ: BLDC - 1x90W | Điện áp: 220-240V/50-60Hz

Quy cách sản phẩm: R700*S315*C330mm

Công suất hút: ±1200 m3/h

Độ ồn: ±50db

Hệ thống lọc: 01 tấm lọc thép và 01 tấm lọc than hoạt tính

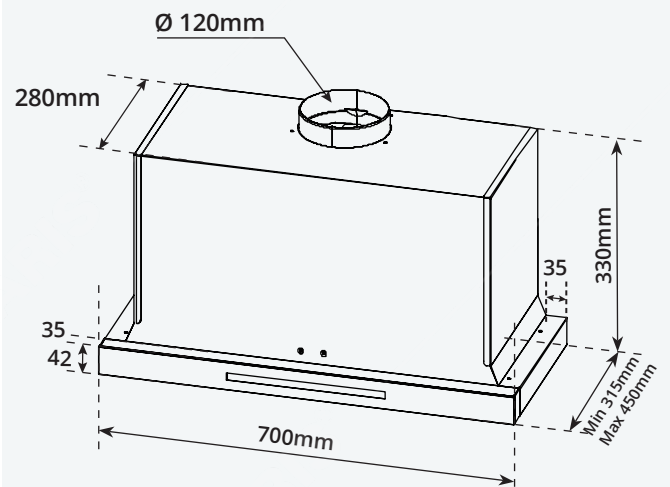
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 120mm

Chất liệu: thép + kính

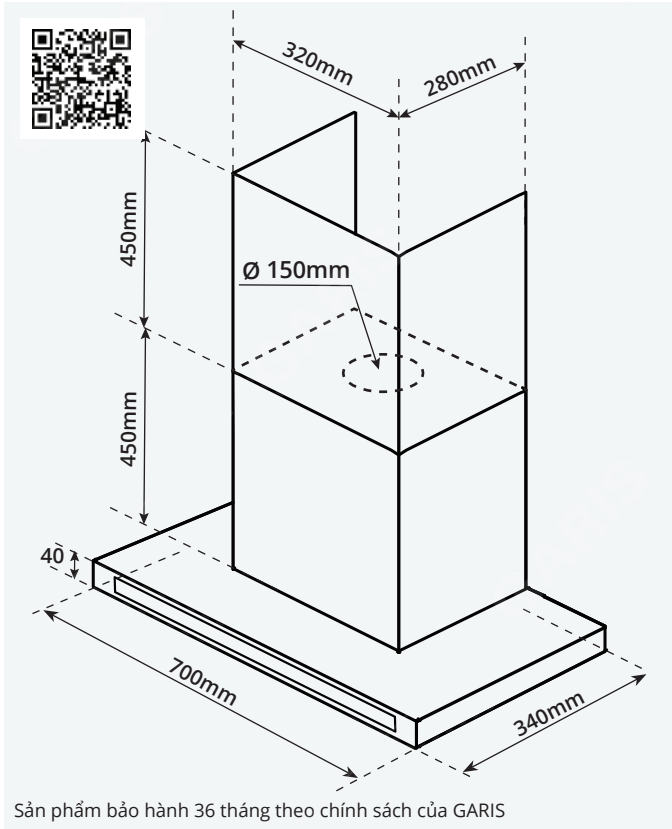
Tính năng bổ sung: hẹn giờ

Kèm theo: khay hứng dầu

Đơn giá: 10.090.000



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS



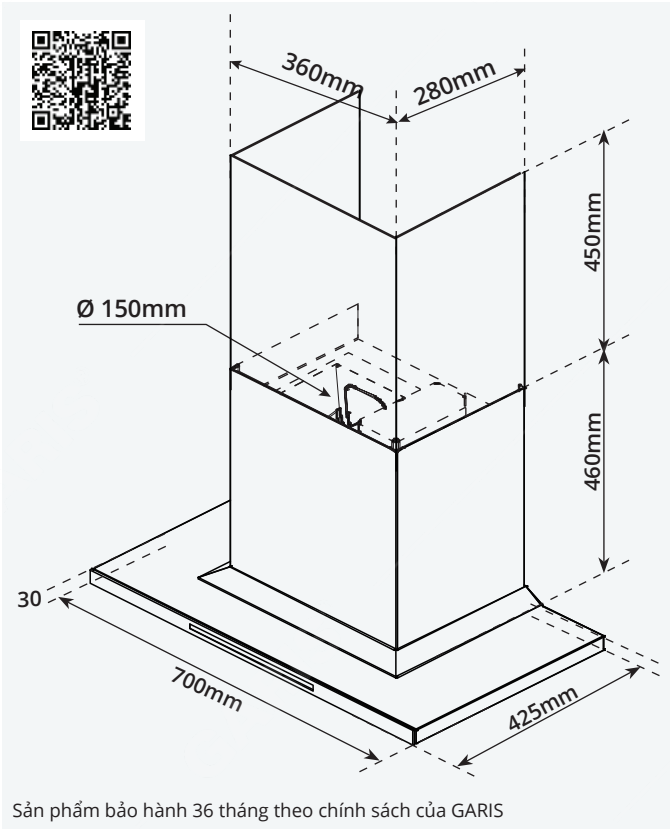
Hút mùi chữ T, điều khiển cảm ứng chạm/vẩy tay
G3457

Đặc tính sản phẩm
Công nghệ SilentForce™ BLDC Engine: động cơ không chổi than, tiết kiệm đến 40% điện năng, vận hành mượt mà, giảm tiếng ồn
Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, chống tắc luồng khí
Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẩy tay
Công nghệ HeatWash™ System: Tự làm sạch khoang hút bằng nhiệt (auto clean) mà không cần vệ sinh thủ công
Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm
Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài, thân bằng inox chống gỉ sét và gia tăng thẩm mỹ

Cấp độ hút: 8 cấp độ hút + chế độ Booster

Thông số kỹ thuật
Công suất động cơ: BLDC 150W Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Quy cách sản phẩm: R700*S340*C450mm
Công suất hút: ±1700 m3/h
Độ ồn: ±50db
Hệ thống lọc: 02 tấm lọc (1 lớp inox + 3 lớp nhôm), 01 tấm lọc than hoạt tính
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm
Chất liệu: inox + kính
Tính năng bổ sung: hẹn giờ, hiển thị thời gian thực
Kèm theo: khay hứng dầu

Đơn giá: 11.090.000



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS



Hút mùi chữ T, điều khiển cảm ứng chạm/vẩy tay, mặt điều khiển mỏng nhất Việt Nam (30mm)
G3427

Đặc tính sản phẩm
Công nghệ TurboPulse™ AC Engine: động cơ xoay chiều mạnh mẽ, lực hút ổn định, phù hợp mọi gian bếp
Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, chống tắc luồng khí
Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẩy tay
Công nghệ HeatWash™ System: Tự làm sạch khoang hút bằng nhiệt (auto clean) mà không cần vệ sinh thủ công
Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm
Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Cấp độ hút: 3 cấp độ hút + chế độ Booster

Thông số kỹ thuật
Công suất động cơ: AC - 1x200W Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Quy cách sản phẩm: R700*S425*C490mm
Công suất hút: ±1200 m3/h
Độ ồn: ±50db
Hệ thống lọc: 01 tấm lọc thép, 01 tấm lọc than hoạt tính
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm
Chất liệu: thép + kính
Tính năng bổ sung: hẹn giờ
Kèm theo: khay hứng dầu

Đơn giá: 9.990.000



Hút mùi kính thẳng, điều khiển cảm ứng chạm/vẩy tay
G3327

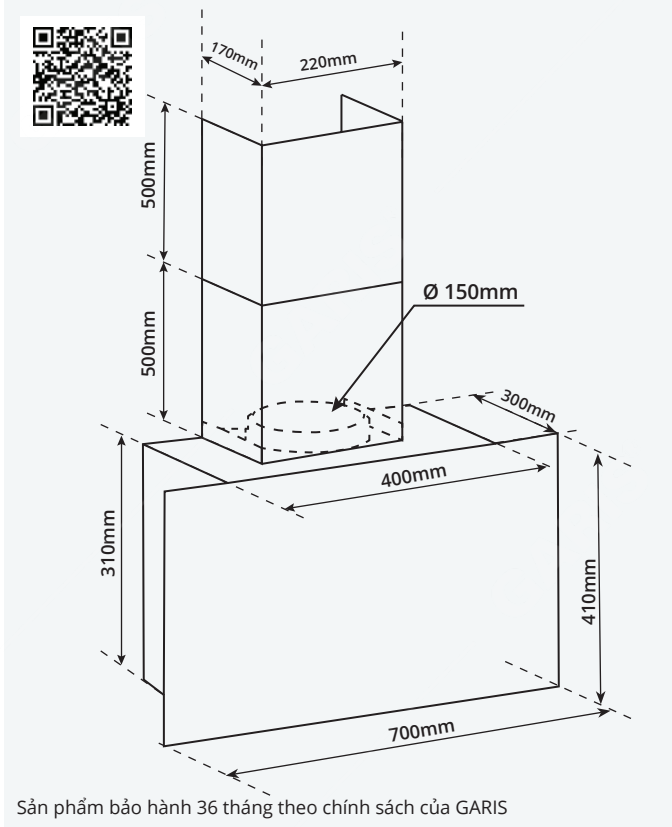
Đặc tính sản phẩm
Công nghệ PowerCore™ DC Motor: động cơ mạnh mẽ, vận hành mượt mà, bền bỉ, giảm tiếng ồn
Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, dễ tháo rửa, chống tắc luồng khí
Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẩy tay

Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm

Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Cấp độ hút: 8 cấp độ hút + chế độ Booster

Thông số kỹ thuật
Công suất động cơ: DC - 1x75W Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Quy cách sản phẩm: R700*S300*C410mm
Công suất hút: ±1000 m3/h
Độ ồn: ±50db
Hệ thống lọc: 01 tấm lọc 5 lớp (4 lớp nhôm và 1 lớp inox), 02 tấm lọc than hoạt tính
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm
Chất liệu: thép + kính
Tính năng bổ sung: hẹn giờ
Đơn giá: 9.590.000



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS



Hút mùi kính vát, điều khiển cảm ứng chạm/vẩy tay
G3527

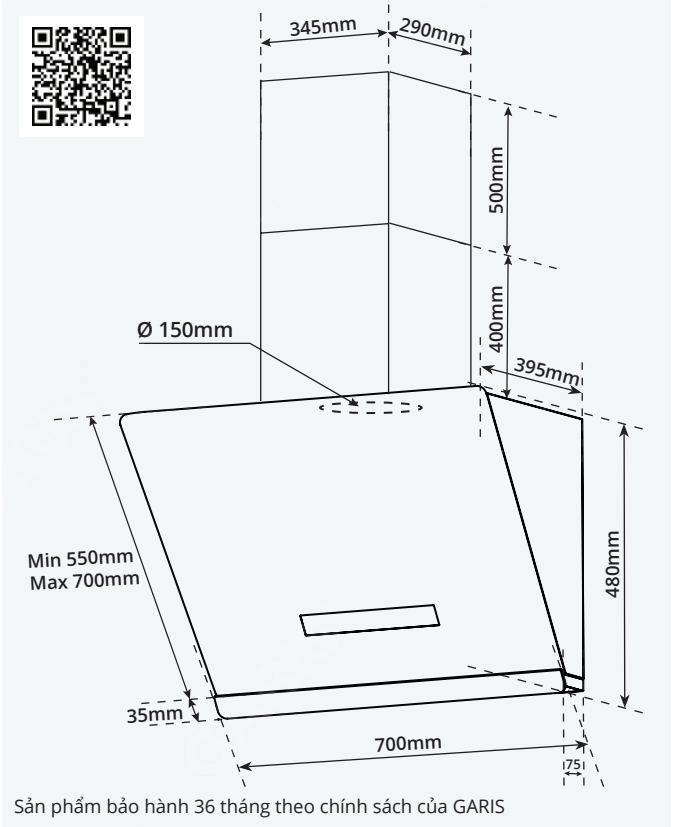
Đặc tính sản phẩm
Công nghệ SilentForce™ BLDC Engine: động cơ không chổi than, tiết kiệm đến 40% điện năng, vận hành mượt mà, giảm tiếng ồn
Công nghệ 3D SmokeLock™: công nghệ khoang hút 3D, giúp gom khói nhanh hơn và không lan ra ngoài
Công nghệ OilTrapX™ Tech: Lưới lọc dầu mỡ thông minh, giữ dầu mỡ hiệu quả, chống tắc luồng khí
Công nghệ AirSense™ Gesture: Điều khiển bằng cảm ứng chuyển động vẩy tay
Công nghệ HeatWash™ System: Tự làm sạch khoang hút bằng nhiệt (auto clean) mà không cần vệ sinh thủ công

Màn hình hiển thị và điều khiển CrystalGuard Panel™ – Công nghệ tấm nền tinh thể lỏng Twisted Nematic, cảm ứng điện dung đa điểm chạm, bền bỉ trong môi trường bếp nóng ẩm

Mặt kính cường lực đen siêu mỏng, chống trầy xước, phủ Nano OilShield chống bám dầu mỡ giúp dễ dàng vệ sinh và duy trì độ sáng bóng lâu dài

Cấp độ hút: 10 cấp độ hút + chế độ Booster

Thông số kỹ thuật
Công suất động cơ: BLDC 200W Điện áp: 220-240V/50-60Hz
Quy cách sản phẩm: R700*S395*C670mm
Công suất hút: ±1700 m3/h
Độ ồn: ±50db
Hệ thống lọc: 01 tấm lọc thép, 01 tấm lọc than hoạt tính
Cửa thoát khí: 01 ống (nhựa) x Ø 150mm
Chất liệu: inox + kính
Tính năng bổ sung: hẹn giờ, nhận diện người đứng gần (màn hình tự động sáng lên)
Kèm theo: khay hứng dầu
Đơn giá: 14.990.000



Sản phẩm bảo hành 36 tháng theo chính sách của GARIS

Giới thiệu công nghệ chậu rửa GARIS

Cấu tạo bề mặt vân linen

- Lớp vân Linen chống xước
- Lớp gốm kim loại chống oxi hóa
- Lớp màng oxit chống các phản ứng hóa học
- Lớp phủ polymer chịu nhiệt
- Lớp Inox 304

Siphon Z-Flow™ Structure

Cấu trúc chống mùi

Siphon FlipSeal™

Van tự động chống mùi

Ảnh thực tế

Các lớp lọc của Siphon Z-Flow™ Structure

Chậu rửa 2 hố lệch có máy rửa cốc, chén **MS22.96**
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước, 4 lớp lọc rác, nút nhấn siphon vận xả trên thành chậu

Chậu rửa 1 hố to có máy rửa cốc, chén **MS11.82**
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước, 4 lớp lọc rác, nút nhấn siphon vận xả trên thành chậu

Vân linen

*Bảo hành gỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm

Vân linen + thớt nhựa trắng

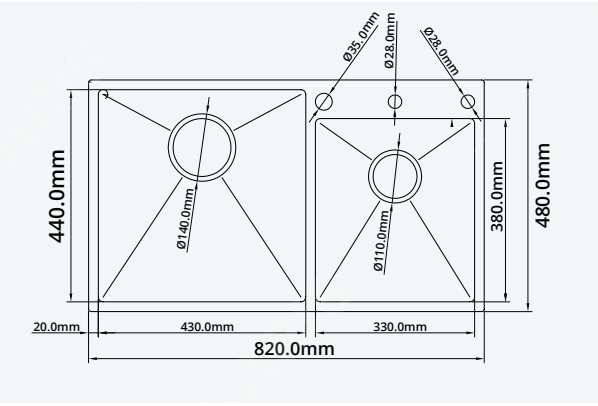
*Bảo hành gỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm

Mã đặt hàng	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu) mm	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MS22.96	2	D960*R500*S230	385*430 300*370	dương bàn đá, âm bàn đá hoặc bán âm	Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	930*470	Bộ	17.120.000
MS11.82	1	D820*R480*S230	580*440		Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	790*450	Bộ	13.390.000

Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước thép phủ nano, máy rửa cốc, chén (không dùng điện/pin)

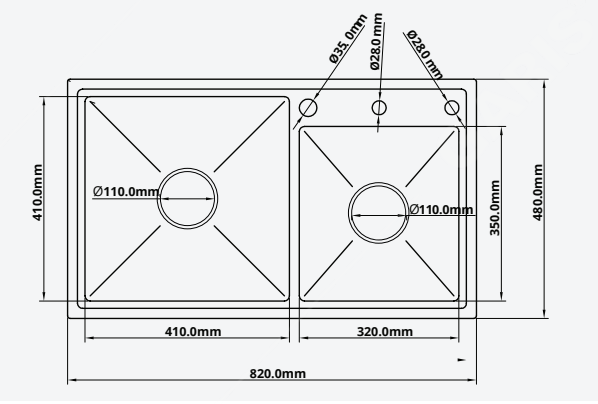
Chậu rửa 2 hố lệch thoát tròn **GS21.82**
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước

Vân linen + Siphon FlipSeal™



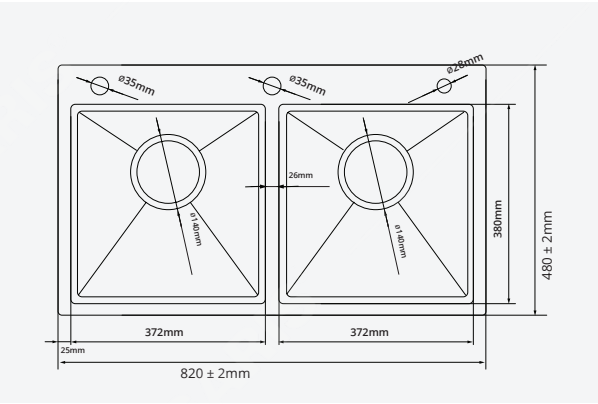
Chậu rửa 2 hố lệch thoát tròn **GS22.82**
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước

Vân linen + Siphon FlipSeal™



Chậu rửa 2 hố cân **GS23.82**
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước

Vân linen + Siphon FlipSeal™



Mã đặt hàng	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu/mm)	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GS22.82	2	D820*R480*S230	410*410 320*350	dương bàn đá, âm bàn đá hoặc bán âm	Thành chậu = 1.2 Viên mép = 3.0	790*450	Bộ	9.890.000
GS23.82		D820*R480*S230	372*380 372*380	dương bàn đá hoặc bán âm		790*450	Bộ	8.990.000
GS21.82		D820*R480*S230	430*440 330*380			790*450	Bộ	7.990.000

Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước inox 304

*Bảo hành gỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm

Chậu rửa 1 hố to tích hợp hố phụ rời **GS11.75**
Inox 304, vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước, phủ nano màu titan



Chậu rửa 1 hố nhỏ **GS11.58**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ



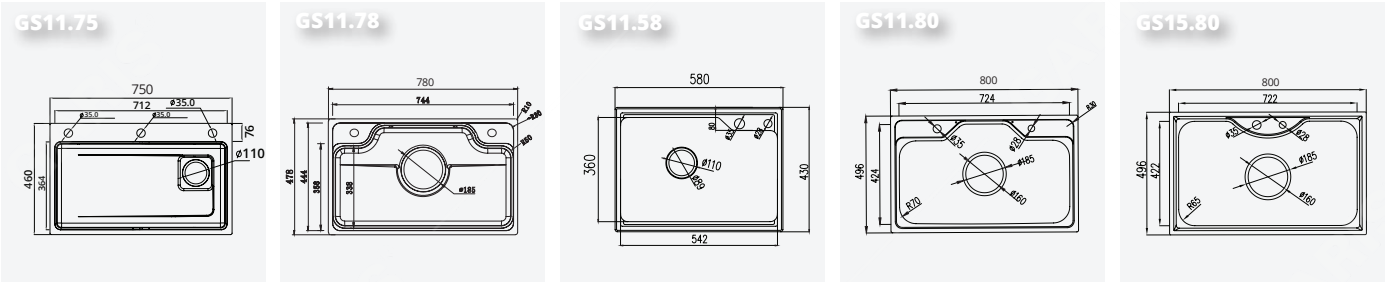
Chậu rửa 1 hố to phủ nano màu titan **GS11.78**
Inox 304, vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước, phủ nano màu titan



Chậu rửa 1 hố to kiểu nhật **GS11.80**
Inox 304, vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước



Chậu rửa 1 hố to kiểu nhật **GS15.80**
Inox 304, vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước



Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước inox 304 (GS11.80/GS15.80/GS11.58), hố phụ rời phủ nano (GS11.75/GS11.78)

Mã đặt hàng	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu/mm)	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GS11.75	1	D750*R460*S220	712*364	dương bàn đá hoặc âm bàn		720*430	Bộ	7.490.000
GS11.78	1	D780*R480*S230	744*444			750*450	Bộ	8.190.000
GS11.58	1	D580*R430*S210	542*360		1.2	560*400	Bộ	4.090.000
GS11.80	1	D800*R500*S230	724*424	dương bàn đá hoặc âm bàn đá		770*470	Bộ	6.490.000
GS15.80	1	D800*R500*S230	722*422			770*470	Bộ	6.190.000

*Bảo hành gỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm

Chậu rửa 2 hố cân âm bàn đá
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước **GS21.81D**



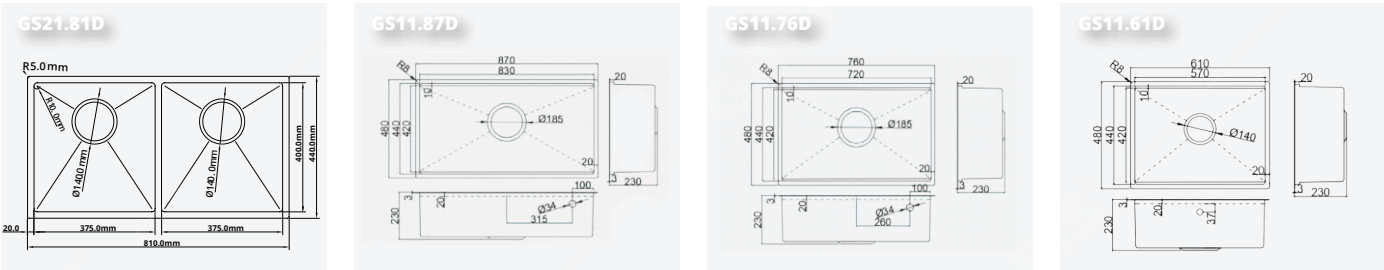
Chậu rửa 1 hố âm bàn đá
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước **GS11.76D**



Chậu rửa 1 hố âm bàn đá
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước **GS11.87D**



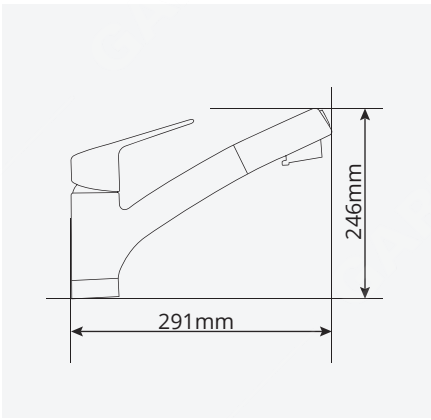
Chậu rửa 1 hố âm bàn đá
Inox 304, bề mặt vân LinenShield-X™ Ultra Defense chống xước **GS11.61D**



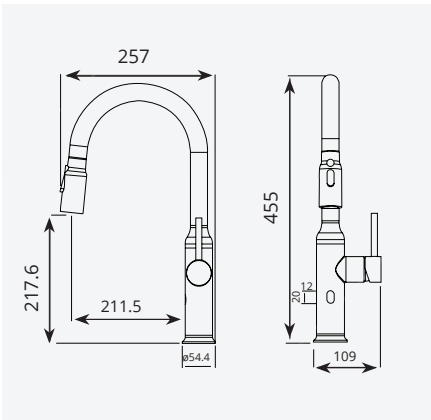
Mã đặt hàng	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu/mm)	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GS21.81D	2	D810*R440*S220	375*400 375*400			770*400	Bộ	9.190.000
GS11.87D	1	D870*R480*S230	830*420			830*440	Bộ	11.990.000
GS11.76D	1	D760*R480*S230	720*420	âm bàn đá	Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	720*440	Bộ	11.590.000
GS11.61D	1	D610*R480*S230	570*420			570*440	Bộ	10.490.000

*Bảo hành gỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm

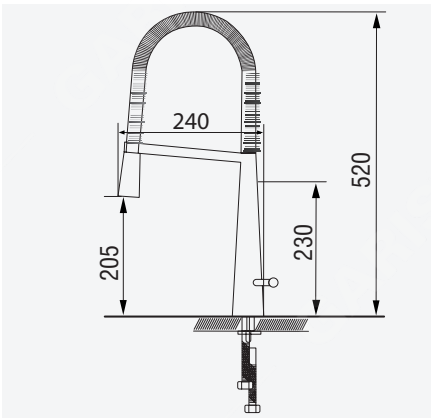
Vòi rửa bát Nhật Bản MF81C



Vòi rửa cảm ứng điện tử MF01M, không dùng điện



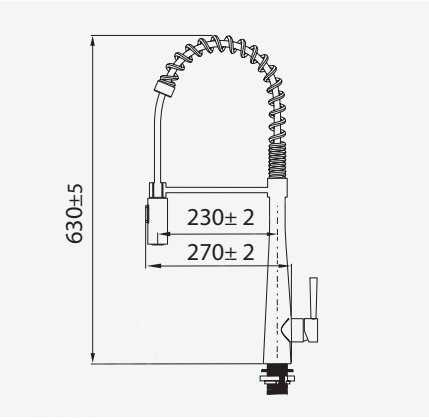
Vòi rửa cao cấp MF03P



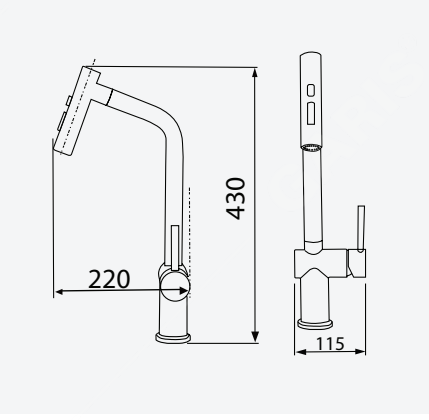
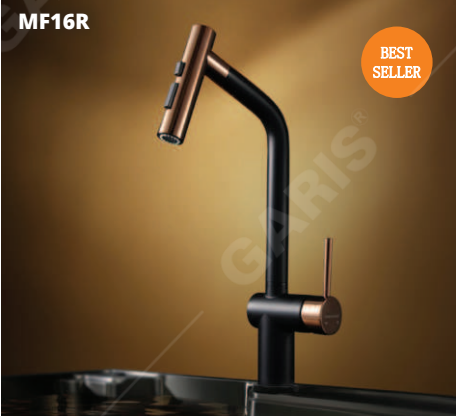
Mã đặt hàng	Quy cách (Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MF81C	S291*C246	Đồng nguyên sinh	Phủ Nickel		NSF	Sứ (Ceramic)	Có dây rút		Bộ	15.990.000
MF01M	S257*C455	Inox 304	Đánh bóng	Neoperl Thụy Sĩ	Neoperl Thụy Sĩ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút, điều khiển cảm ứng	Nóng + Lạnh	Bộ	8.690.000
MF03P	S240*C520	Đồng	Mạ PVD bóng mờ				Không dây rút		Bộ	8.900.000

*Bảo hành gí vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm

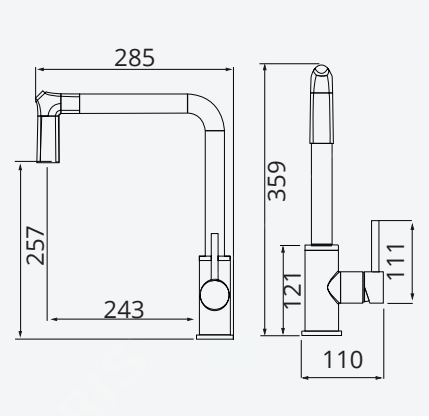
Vòi rửa cao cấp MF04E



Vòi rửa cao cấp MF16R/MF16E



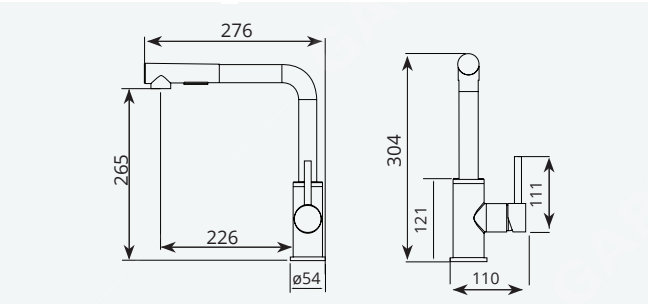
Vòi rửa cao cấp MF17E



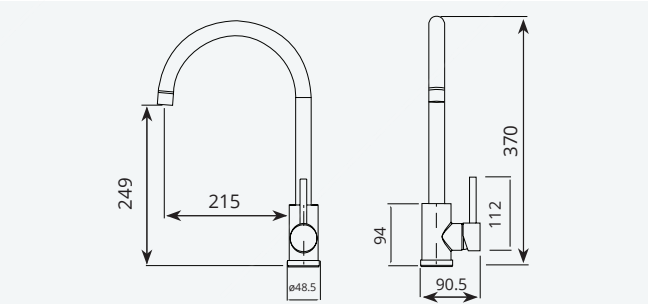
Mã đặt hàng	Quy cách (Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MF04E	S270*C630	Inox 304	Xước mờ						Bộ	6.350.000
MF16R	S220*C430	Đồng	Mạ PVD vàng hồng + đen nhám	Neoperl Thụy Sĩ	Neoperl Thụy Sĩ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	5.790.000
MF16E	S220*C430								Bộ	5.050.000
MF17E	S285*C359	Inox 304	Xước mờ						Bộ	4.100.000

*Bảo hành gí vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm

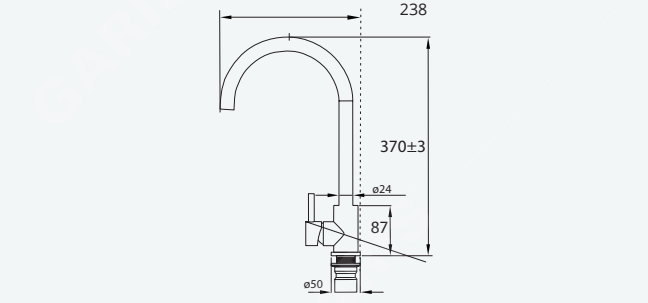
Vòi rửa cao cấp MF02M



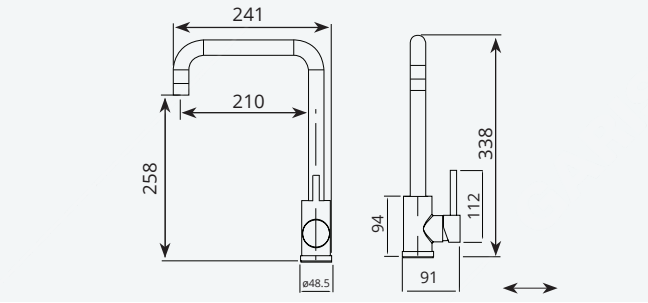
Vòi rửa cao cấp MF05M



Vòi rửa cao cấp MF05E



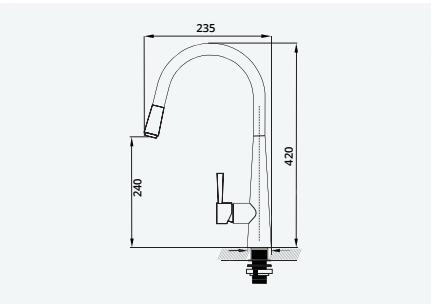
Vòi rửa cao cấp MF06M



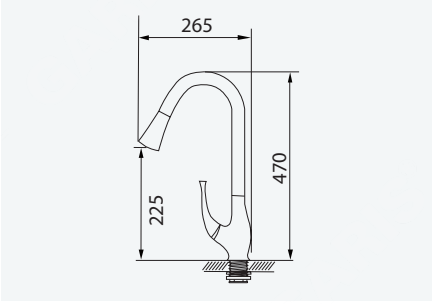
Mã đặt hàng	Quy cách (Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MF02M	S276*C304	Inox 304	Đánh bóng	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	4.590.000
MF05M	S250*C370						Bộ		2.500.000	
MF05E	S238*C370		Xước mờ				Không dây rút		Bộ	2.090.000
MF06M	S241*C338		Đánh bóng						Bộ	2.650.000

*Bảo hành gỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm

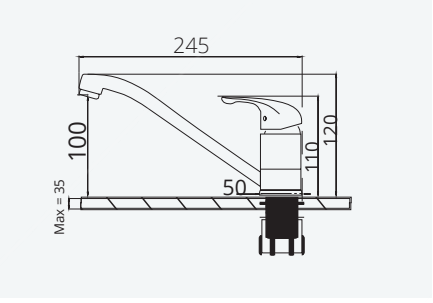
Vòi rửa cao cấp MF11C



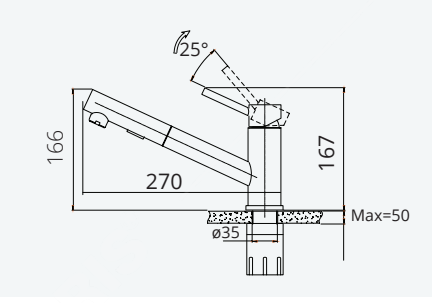
Vòi rửa cao cấp MF12P



Vòi rửa cao cấp cổ thấp MF07M

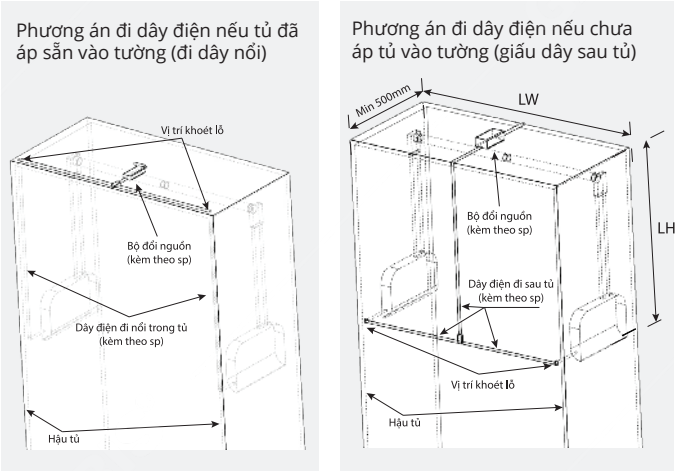


Vòi rửa cao cấp cổ thấp MF08M



Mã đặt hàng	Quy cách (Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)			
MF11C	S235*C420	Đồng	Mạ chrome bóng	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	5.950.000			
MF12P	S265*C470		Mạ PVD bóng mờ						Bộ	7.350.000			
MF07M	S245*C120	Inox 304	Đánh bóng				Không dây rút		Bộ	3.450.000			
MF08M	S270*C167						Có dây rút		Bộ	4.590.000			

*Bảo hành gỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm



Suốt nâng hạ treo quần áo điện tử, chiều rộng vượt tiêu chuẩn
GW34GE

Khung hợp kim nhôm cường lực cao cấp phủ nhựa ABS, hộp lực bọc da màu trắng sữa tăng vẻ sang trọng cho không gian tủ

Điện áp định mức: 220V-50/60Hz (Kèm theo bộ đổi nguồn)

Động cơ điện PowerLift DC Motor™ (56W x 2) mạnh mẽ, hạn chế tiếng ồn, tải trọng lên đến 15kg

Công nghệ LiftSync™ Dual-Control System: điều khiển đồng bộ hóa 2 chiều (cả trên tay đòn và hộp lực), dễ dàng điều khiển nâng hạ mà không cần phải với cao hoặc cúi người

Cơ chế SafeMotion™ Technology: Hạn chế rung lắc, giúp chuyển động êm ái và cho phép tự động hãm an toàn tại bất kỳ điểm nào trên hành trình.

Đèn led strip ánh sáng 2 bên thanh đòn: 4500K

Lưu ý quan trọng: Trong trường hợp lọt lòng khoang tủ nhỏ hơn 930mm, thợ lắp đặt có thể cắt ngắn đồng đều thanh đòn ngang 2 bên để sản phẩm vừa khoang tủ (áp dụng cho cả sản phẩm GW34GE và GW34GM)

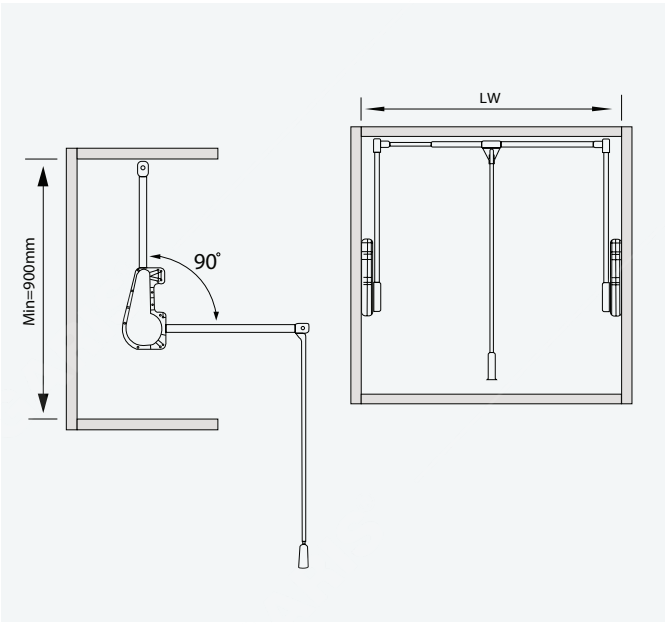
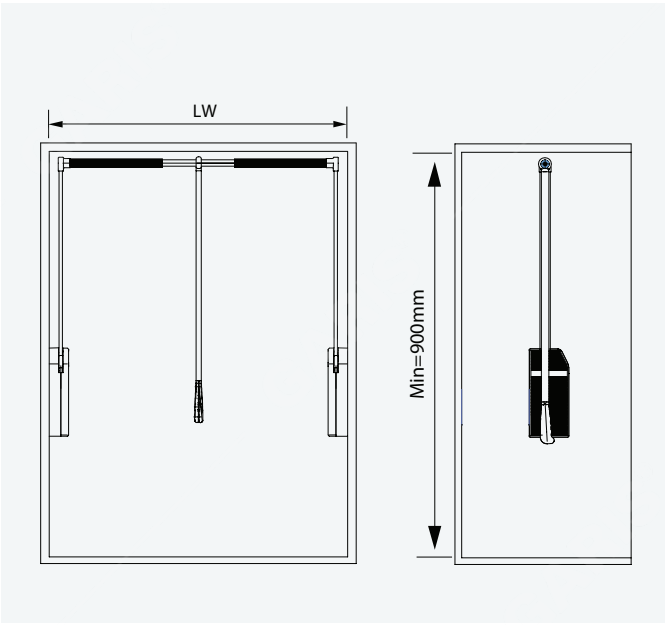
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW34GE	R(930-1500)*S320*C700	966-1536	Chiều rộng lọt lòng (LW): 930-1500 Chiều cao lọt lòng (LH): ≥750	Bộ	17.990.000
GW34GM	R(960-1500)*S320*C825	966-1536	Chiều rộng lọt lòng (LW): ≥ 960-1500 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 860	Bộ	5.690.000

*Bảo hành 36 tháng đối với các sản phẩm trên

Suốt nâng hạ treo quần áo cơ, màu xám xanh
Càng và suốt bằng nhôm, hộp lực bằng nhựa ABS, tải trọng 10kg
GW34E



Suốt nâng hạ treo quần áo cơ, màu trắng
Càng và suốt bằng thép, hộp lực bằng nhựa ABS, tải trọng 10kg
GW14



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW34E	R(764-1064)*S115*C835	800-1100	Chiều rộng lọt lòng (LW): 764-1064 Chiều cao lọt lòng (LH): ≥900	Bộ	2.990.000
GW14	R(764-1064)*S150*C800	800 - 1100	Chiều rộng lọt lòng (LW): 764 - 1064 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 900	Bộ	3.690.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Suốt nâng hạ treo quần áo cơ, màu đỏ Carnelian
Càng và suốt bằng thép, hộp lực bằng nhựa ABS, tải trọng 10kg
GW34R



Thanh suốt treo quần áo, hợp kim nhôm
GW30.AR



Bộ giá treo quần áo cố định, hợp kim nhôm, lưng da
GW30.90S



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW34R	R(764-1064)*S185*C875	800 - 1100	Chiều rộng lọt lòng (LW): 764 - 1064 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 900	Bộ	3.990.000
GW30.AR	3m (bán nguyên cây)		Có thể cắt theo kích thước thực tế của tủ	Cây	870.000
GW30.BR	R12*S26*C82			Cặp	230.000
GW30.90S	D864*S26*C90	≥ 900	864 bắt hồi tủ	Bộ	870.000
GW30.90L	D864*S26*C90	Nếu < 900mm có thể cắt ngắn	> 864 bắt trần tủ < 864 cắt theo kích thước tủ thực tế	Bộ	2.500.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

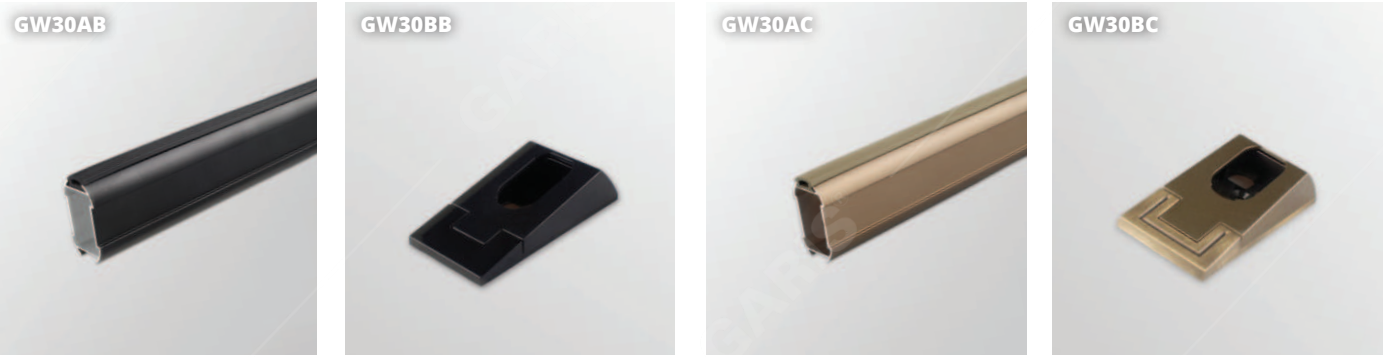
Bộ giá treo quần áo cố định GW26, GW27, màu nhôm mờ



Bộ giá treo quần áo cố định GW30A/30B, màu trắng



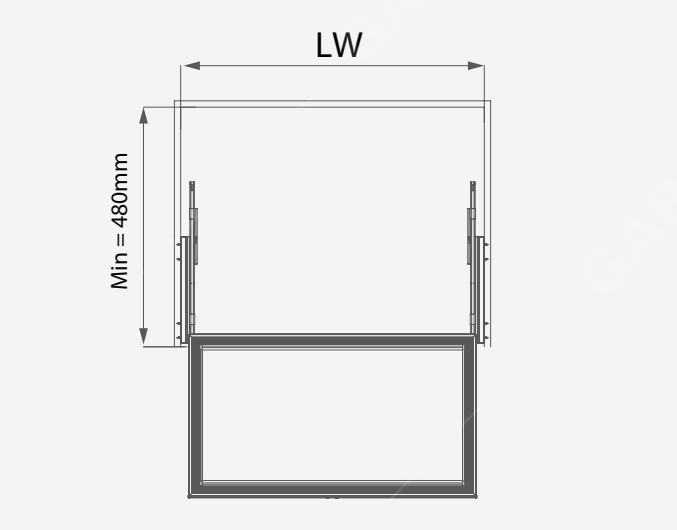
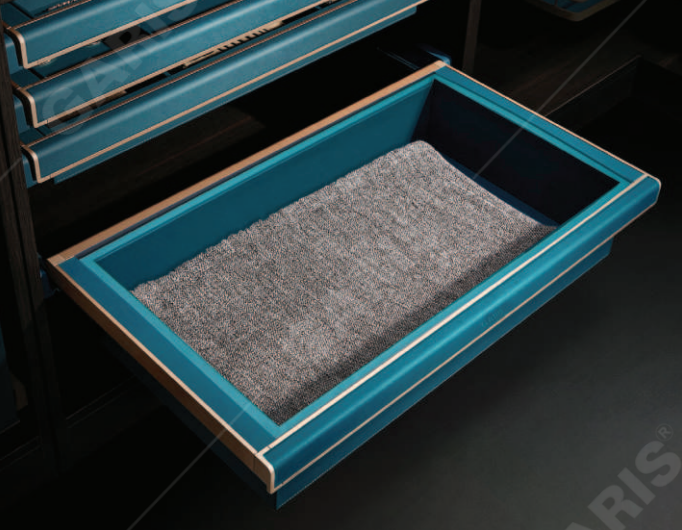
Bộ giá treo quần áo cố định GW30AB/30BB (màu đen), GW30AC/30BC (màu đồng)



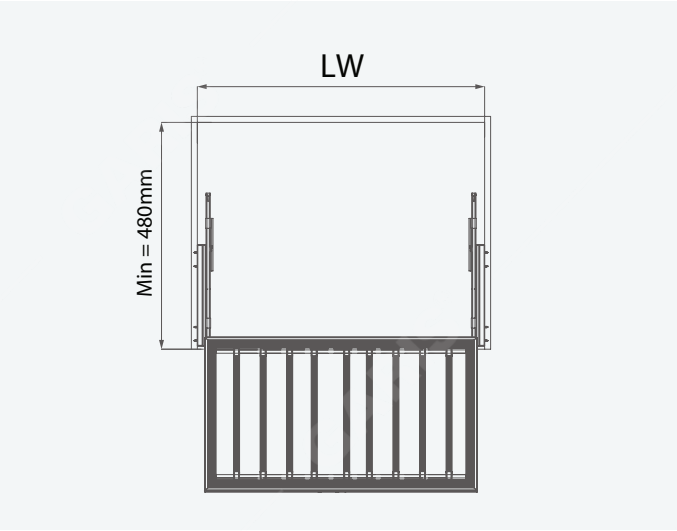
Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW26	Thanh treo quần áo màu nhôm	3m	Cây	570.000
GW27.1	Cặp bas treo màu nhôm	R20*S12*C40	Cặp	25.000
GW27.2	Bas treo tủ góc màu nhôm	R33*S33*C72	Cái	80.000
GW27.3	Bas treo giữa màu nhôm	R50*S12*C71	Cái	60.000
GW30A	Thanh treo quần áo màu trắng	3m	Cây	870.000
GW30B	Cặp bas treo màu trắng	R40*S20*C63	Cặp	125.000
GW30AB	Thanh treo quần áo màu đen	3m	Cây	770.000
GW30BB	Cặp bas treo màu đen	R40*S19*C83	Cặp	103.000
GW30AC	Thanh treo quần áo màu đồng	3m	Cây	660.000
GW30BC	Cặp bas treo màu đồng	R40*S19*C83	Cặp	80.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Ngăn kéo để đồ gấp GW02E, khung nhôm, bọc da



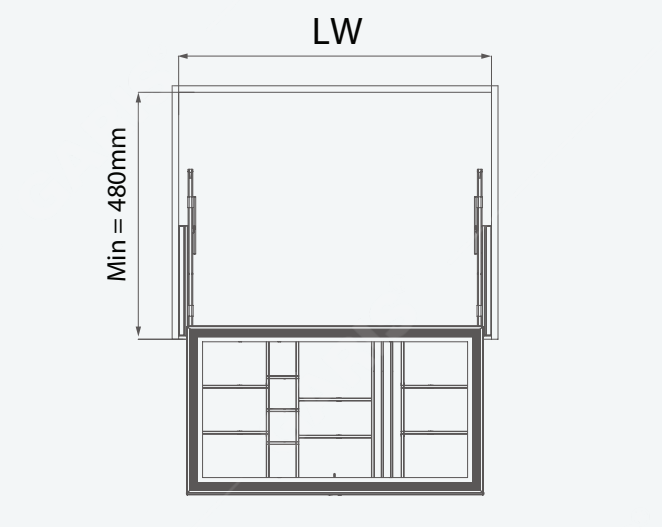
Giá treo quần áo GW04E, khung nhôm, bọc da



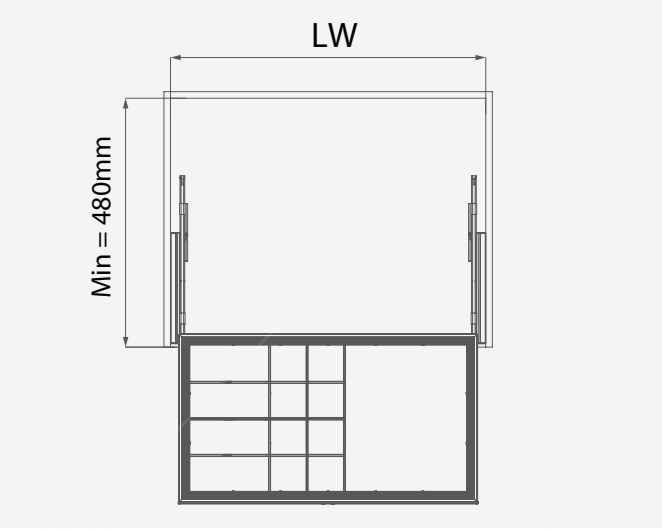
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW02.6E	R564*S450*C200	600	564	Bộ	5.100.000
GW02.7E	R664*S450*C200	700	664	Bộ	5.300.000
GW02.8E	R764*S450*C200	800	764	Bộ	5.500.000
GW02.9E	R864*S450*C200	900	864	Bộ	5.900.000
GW04.6E	R564*S450*C60	600	564	Bộ	3.100.000
GW04.7E	R664*S450*C60	700	664	Bộ	3.300.000
GW04.8E	R764*S450*C60	800	764	Bộ	3.550.000
GW04.9E	R864*S450*C60	900	864	Bộ	3.750.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Ngăn kéo đựng đồ trang sức GW07E, khung nhôm, bọc da



Ngăn kéo chia ô để đồ lót GW08E, khung nhôm, bọc da



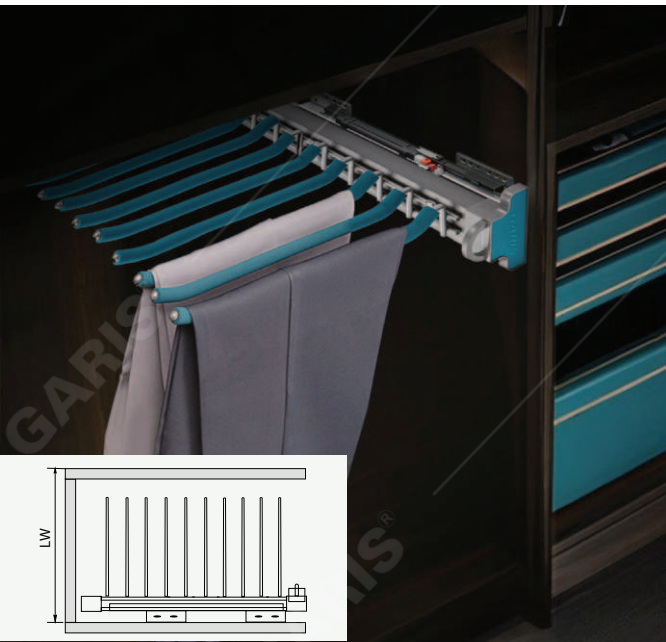
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW07.6E	R564*S450*C60	600	564	Bộ	4.500.000
GW07.7E	R664*S450*C60	700	664	Bộ	5.000.000
GW07.8E	R764*S450*C60	800	764	Bộ	5.250.000
GW07.9E	R864*S450*C60	900	864	Bộ	5.590.000
GW08.6E	R564*S450*C105	600	564	Bộ	5.350.000
GW08.7E	R664*S450*C105	700	664	Bộ	5.700.000
GW08.8E	R764*S450*C105	800	764	Bộ	5.900.000
GW08.9E	R864*S450*C105	900	864	Bộ	6.150.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá treo quần âu đôi GW35E



Giá treo quần âu đơn lệch phải GW37E



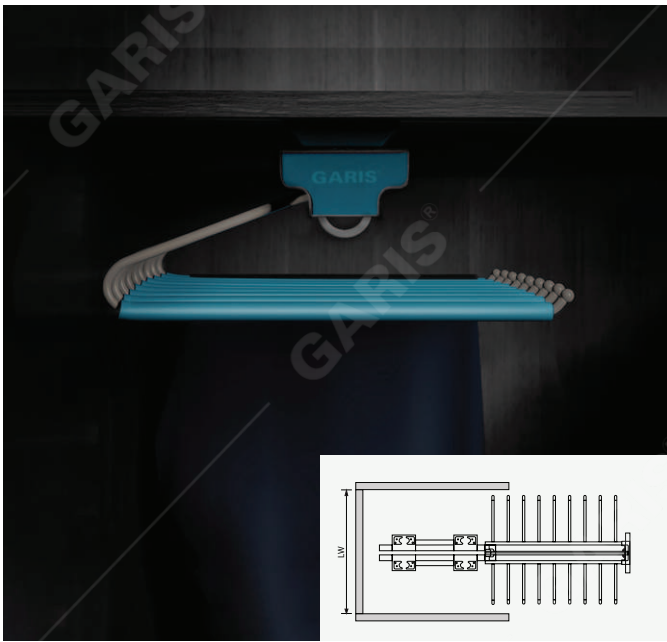
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW35E	R635*S460*C95	700	≥ 665	Bộ	2.950.000
GW36E	R110*S470*C120	456	≥ 420	Bộ	1.800.000
GW37E	R380*S475*C120	430	≥ 394	Bộ	1.900.000
GW38E	R330*S470*C150	400	≥ 365	Bộ	2.300.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá treo mắc áo 7 nút GW36E



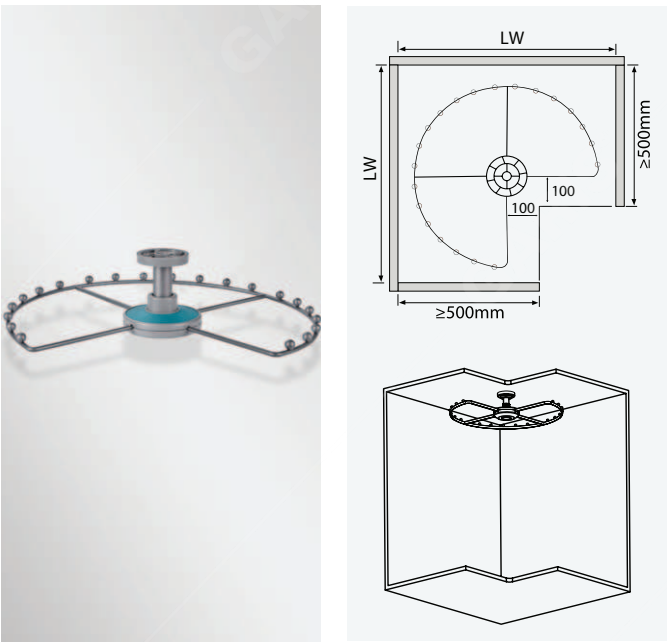
Giá treo quần âu đơn cân GW38E



Giá xoay GW33E, treo góc tủ quần áo, 3 tầng



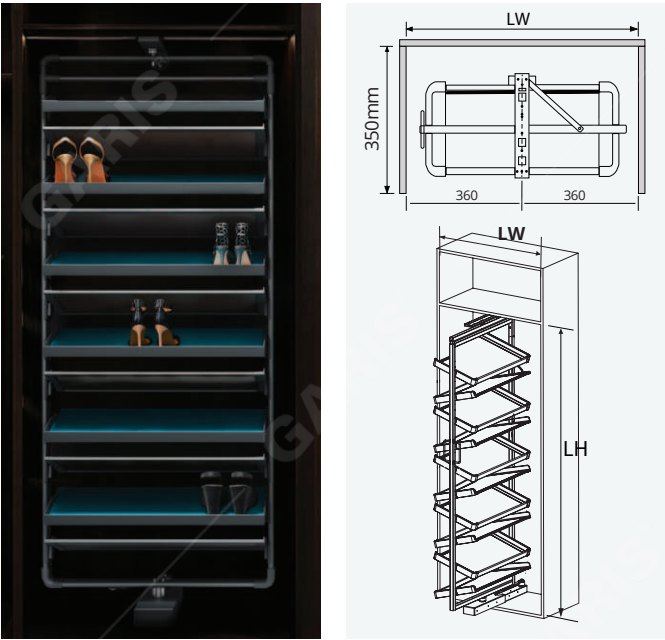
Giá xoay GW32E, treo trần góc tủ quần áo, 1 tầng



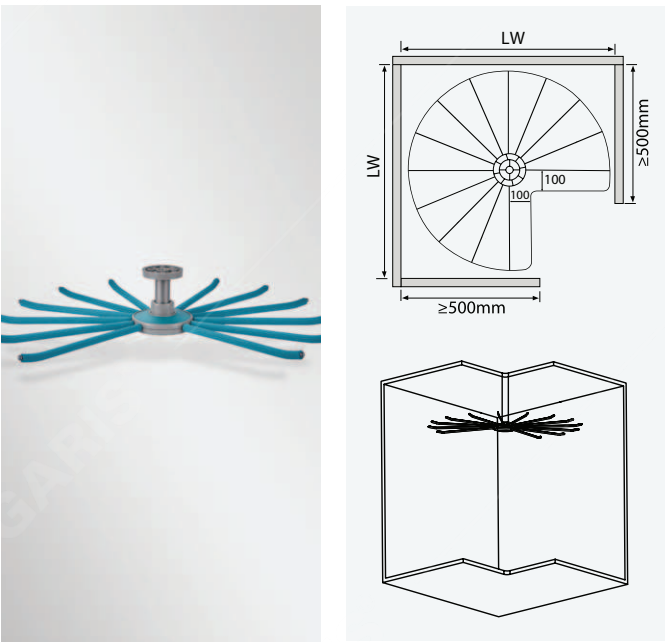
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW44E	R620*S300*C(1904-2104)	≥ 760	Chiều rộng lọt lòng (LW): ≥ 720 Chiều cao lọt lòng (LH): ≥ 1904 - 2104	Bộ	13.700.000
GW32E	Φ510*138	800	LW ≥ 764	Bộ	1.580.000
GW33E	Φ710*H1900-2100mm	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	6.850.000
GW42E	Φ720*138	800	LW ≥ 764	Bộ	2.200.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

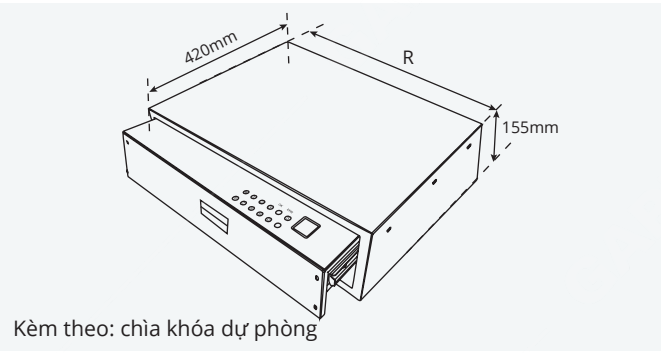
Giá để giày GW44E, xoay 360°, khay bọc da, 12 tầng



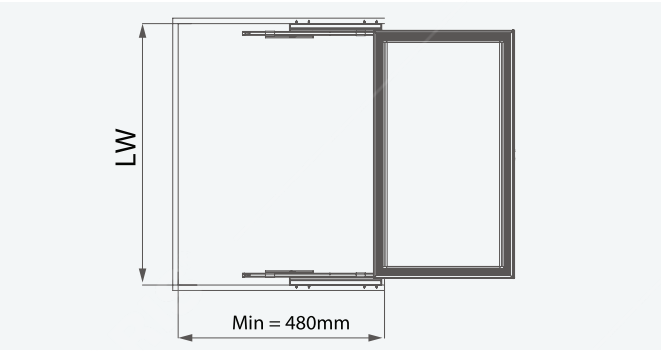
Giá xoay GW42E, treo trần góc tủ quần áo, 1 tầng



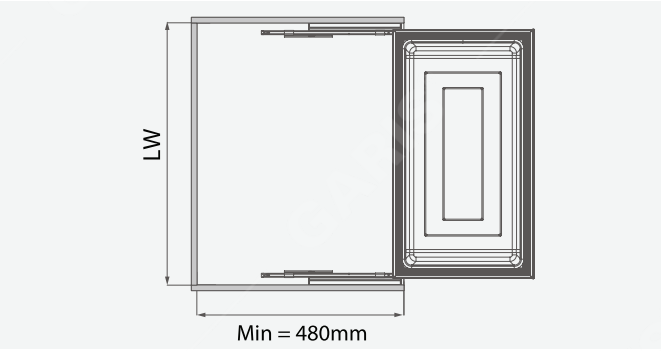
Kết sắt ngăn kéo âm tủ, khóa vân tay/mật mã, GWS, thùng bằng thép, mặt trước và mặt trên bọc da màu đỏ Carnelian



Ngăn kéo để đồ gấp GW02R, khung nhôm, bọc da



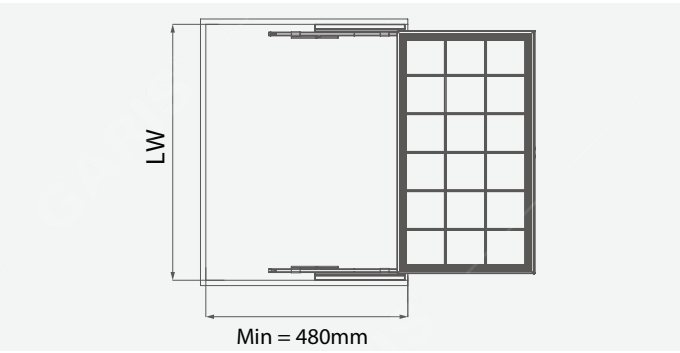
Ngăn kéo để đồ gấp GW06R, khung nhôm, khay lưới thép



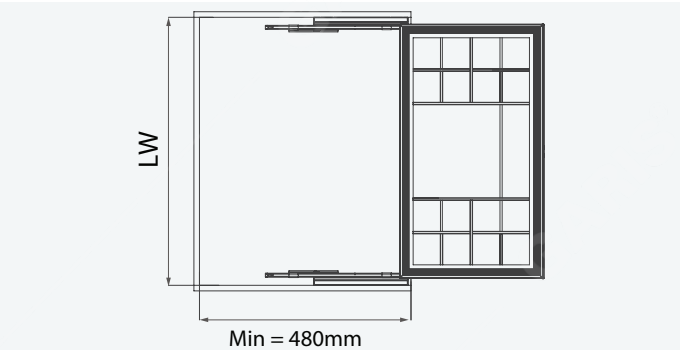
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GWS47	R664*S420*C155	700	664	Bộ	11.990.000
GWS48	R764*S420*C155	800	764	Bộ	12.990.000
GW02.6R	R564*S469*C169	600	564	Bộ	5.200.000
GW02.7R	R664*S469*C169	700	664	Bộ	5.310.000
GW02.8R	R764*S469*C169	800	764	Bộ	5.540.000
GW02.9R	R864*S469*C169	900	864	Bộ	5.810.000
GW06.6R	R564*S469*C184	600	564	Bộ	3.530.000
GW06.7R	R664*S469*C184	700	664	Bộ	3.870.000
GW06.8R	R764*S469*C184	800	764	Bộ	4.170.000
GW06.9R	R864*S469*C184	900	864	Bộ	4.280.000

*Bảo hành 36 tháng đối với GWS, 24 tháng với các sản phẩm còn lại

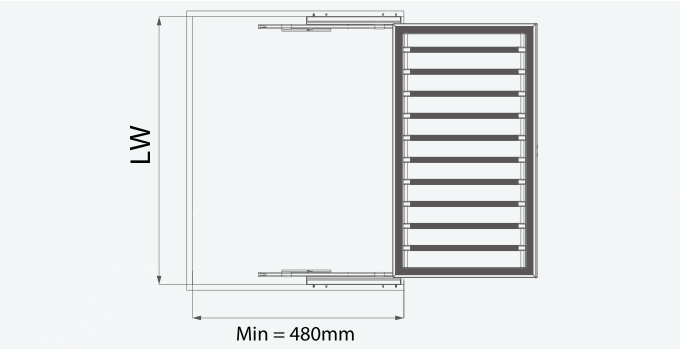
Ngăn kéo đựng đồ trang sức GW07R, khung nhôm, bọc da



Ngăn kéo chia ô để đồ lót GW08R, khung nhôm, bọc da



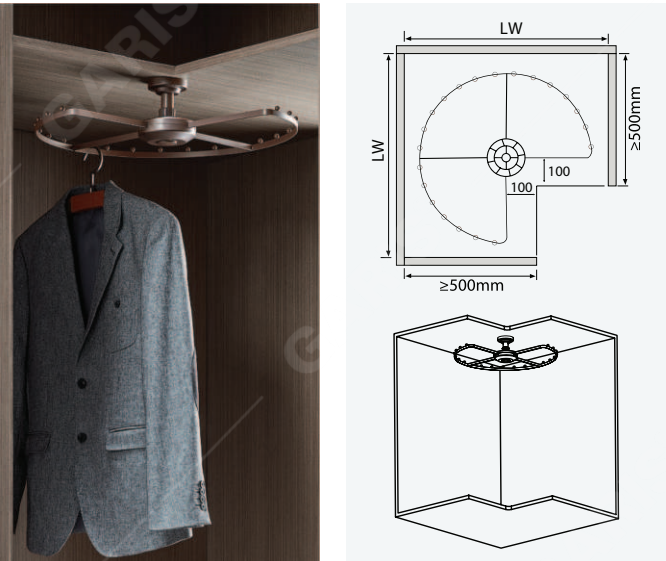
Giá treo quần âu GW04R



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW07.6R	R564*S469*C65	600	564	Bộ	3.870.000
GW07.7R	R664*S469*C65	700	664	Bộ	4.050.000
GW07.8R	R764*S469*C65	800	764	Bộ	4.280.000
GW07.9R	R864*S469*C65	900	864	Bộ	4.550.000
GW08.6R	R564*S469*C85	600	564	Bộ	5.540.000
GW08.7R	R664*S469*C85	700	664	Bộ	5.810.000
GW08.8R	R764*S469*C85	800	764	Bộ	6.050.000
GW08.9R	R864*S469*C85	900	864	Bộ	6.340.000
GW04.6R	R564*S469*C65	600	564	Bộ	3.020.000
GW04.7R	R664*S469*C65	700	664	Bộ	3.140.000
GW04.8R	R764*S469*C65	800	764	Bộ	3.410.000
GW04.9R	R864*S469*C65	900	864	Bộ	3.640.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá xoay GW32R, treo trần góc tủ quần áo, 1 tầng



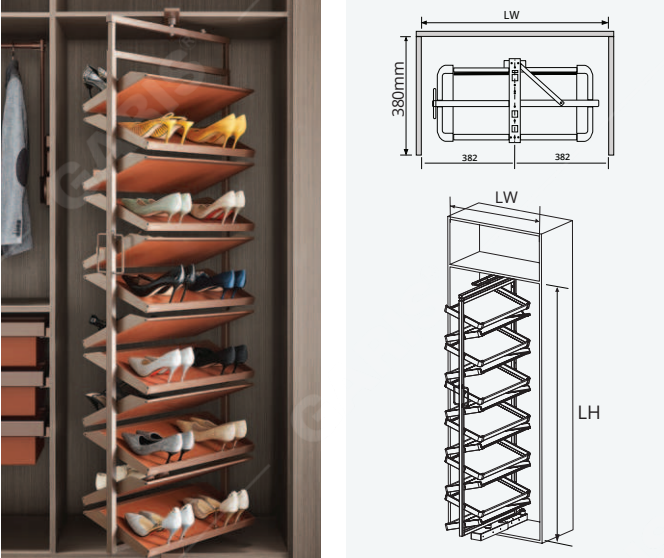
Giá xoay GW33R, treo góc tủ quần áo, 3 tầng



Gương treo âm tủ khung nhôm GW31



Giá để giày GW44R, xoay 360°, khay bọc da, 12 tầng



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW32R	Φ520*H125	800	LW ≥ 764	Bộ	1.640.000
GW33R	Φ710*H1910-2110mm	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	6.320.000
GW31	R45*S350*C1000	300	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 300 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 1070	Bộ	2.550.000
GW44R	R700*S360*C(1910-2110)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW): ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 1910 - 2110	Bộ	14.450.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá treo mắc áo 8 nút GW36R



Móc gỗ treo khăn GW01.1



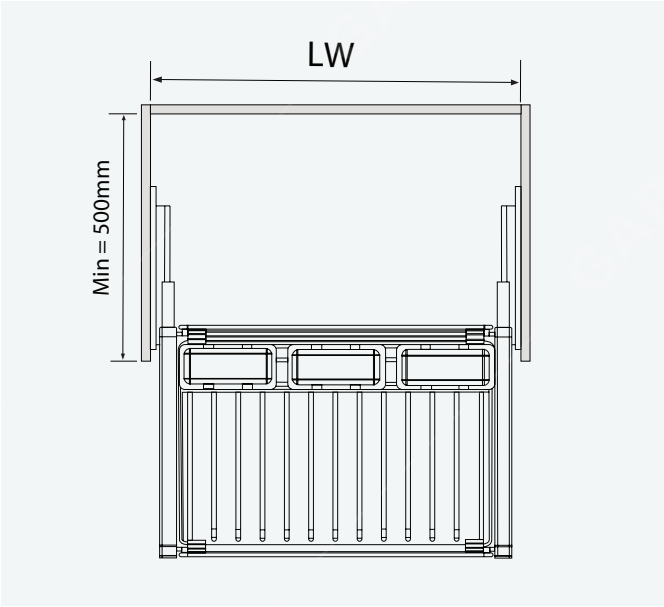
Cây treo cà vạt bọc da GW01.3



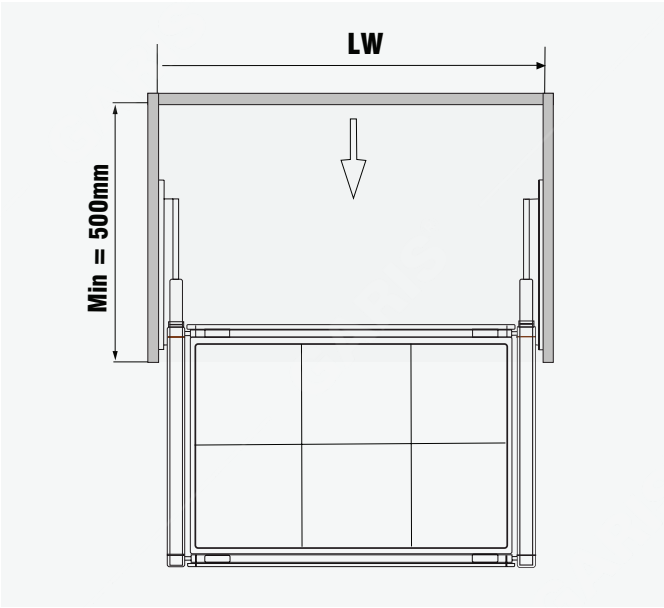
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW36R	R92*S460*C126	420	≥ 420	Bộ	1.640.000
GW38R	R335*S460*C126	350	≥ 360	Bộ	2.270.000
GW01.1	R20*Φ105*C210			Cái	460.000
GW01.2	48*70*209			Cái	730.000
GW01.3	R215*S215*C975			Cái	1.770.000
GW01.4	R400*S120*C65			Cái	1.240.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá treo quần âu đa năng kết hợp khay đựng đồ GW04



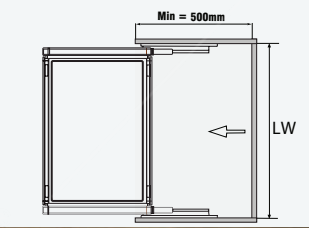
Ngăn kéo vách mây để đồ gấp GW06



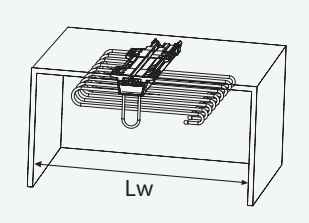
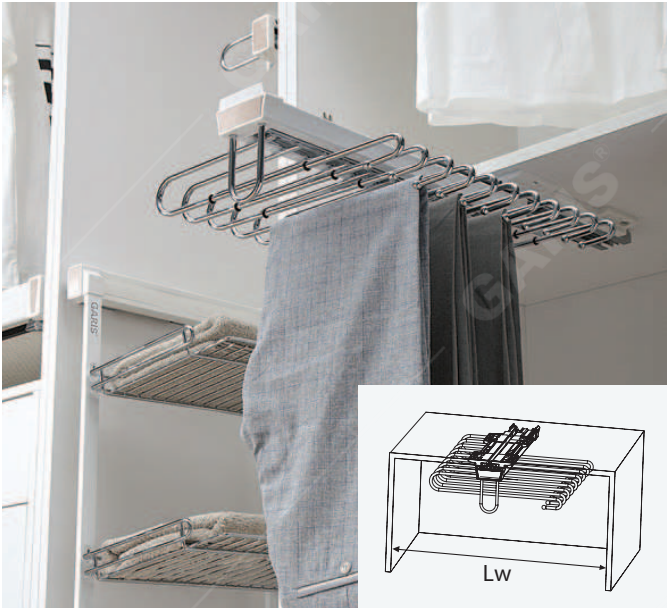
Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW04.60	R(564-660)*S480*C125	600	564 - 660	Bộ	3.650.000
GW04.70	R(664-760)*S480*C125	700	664 - 760	Bộ	3.890.000
GW04.80	R(764-860)*S480*C125	800	764 - 860	Bộ	4.090.000
GW04.90	R(864-960)*S480*C125	900	864 - 960	Bộ	4.380.000
GW06.60	R(564-660)*S480*C175	600	564 - 660	Bộ	4.150.000
GW06.70	R(664-760)*S480*C175	700	664 - 760	Bộ	4.320.000
GW06.80	R(764-860)*S480*C175	800	764 - 860	Bộ	4.560.000
GW06.90	R(864-960)*S480*C175	900	864 - 960	Bộ	4.790.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Ngăn kéo vách kính để đồ gấp GW02



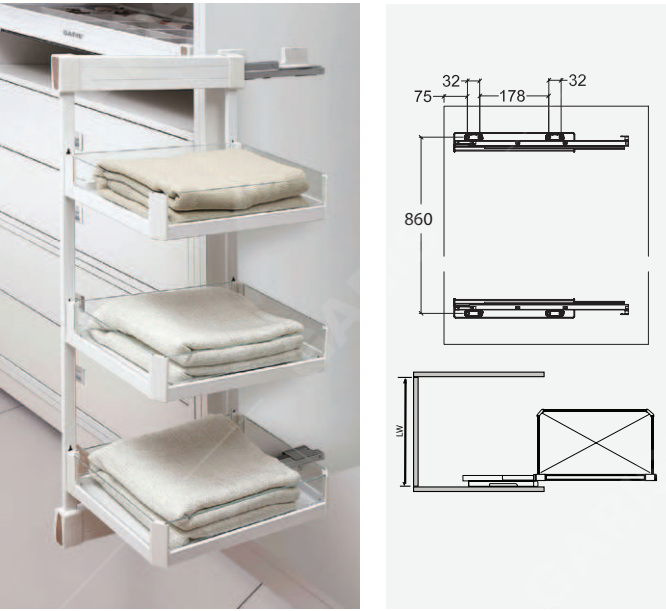
Giá treo quần âu đơn cân GW18



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW02.60	R(564-660)*S480*C170	600	564 - 660	Bộ	3.650.000
GW02.70	R(664-760)*S480*C170	700	664 - 760	Bộ	3.770.000
GW02.80	R(764-860)*S480*C170	800	764 - 860	Bộ	4.050.000
GW02.90	R(864-960)*S480*C170	900	864 - 960	Bộ	4.310.000
GW07.60	R(564-660)*S480*C80	600	564 - 660	Bộ	4.560.000
GW07.70	R(664-760)*S480*C80	700	664 - 760	Bộ	4.690.000
GW07.80	R(764-860)*S480*C80	800	764 - 860	Bộ	4.960.000
GW07.90	R(864-960)*S480*C80	900	864 - 960	Bộ	5.200.000
GW18	R360*S455*C135	400	≥ 365	Bộ	2.160.000
GW19	R640*S465*C135	700	≥ 665	Bộ	2.920.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá để đồ đa năng 3 tầng GW15



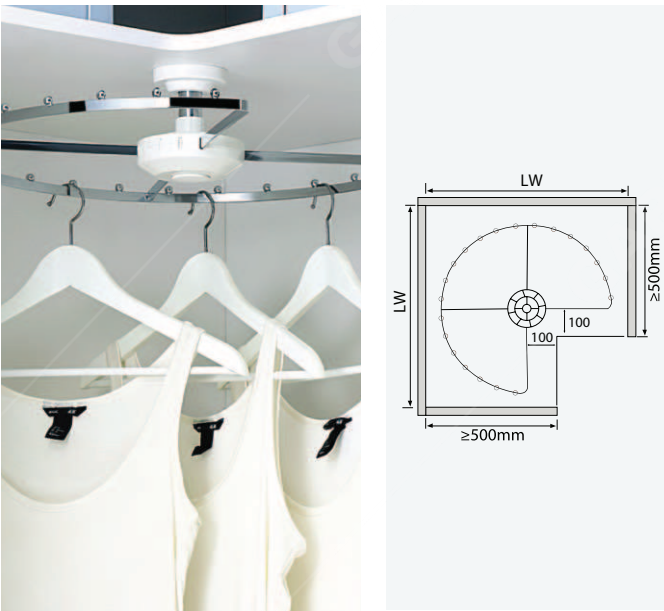
Giá xoay GW23, treo góc tủ quần áo, 3 tầng



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW22	Φ520*H125	800	LW ≥ 764	Bộ	1.650.000
GW23	Φ710*H1900-2100mm	800	Rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	6.210.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá xoay GW22, treo trần góc tủ quần áo, 1 tầng

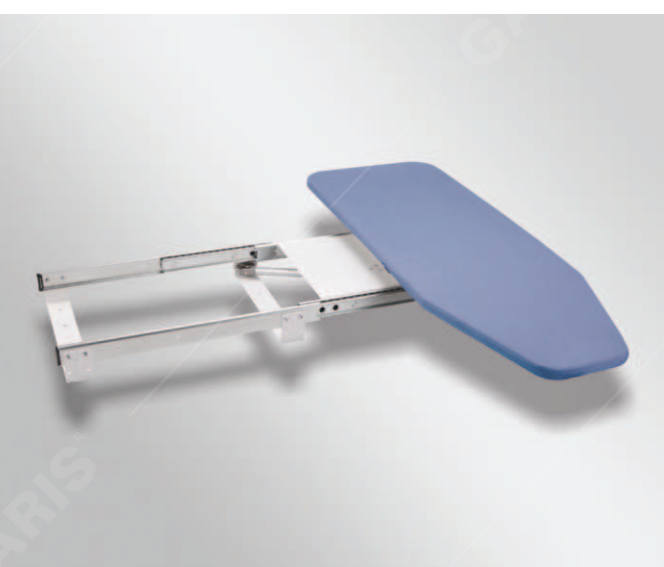


Giá treo mắc áo 8 nút GW16



Mã đặt hàng	Quy cách (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (LW)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW16	R120*S465*C135	≥ 420	Bộ	1.550.000
GW17	R140*S465*C70	≥ 165	Bộ	1.250.000

Cầu là gấp GW20, âm tủ, xoay 180°



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW20	R300*S430*C145	400	LW ≥ 365	Bộ	3.170.000
GW21	R250*S430*C1280		LW ≥ 315 LH (cao) ≥ 1350	Bộ	4.670.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá để giày **GW24**, xoay 360°, 12 tầng

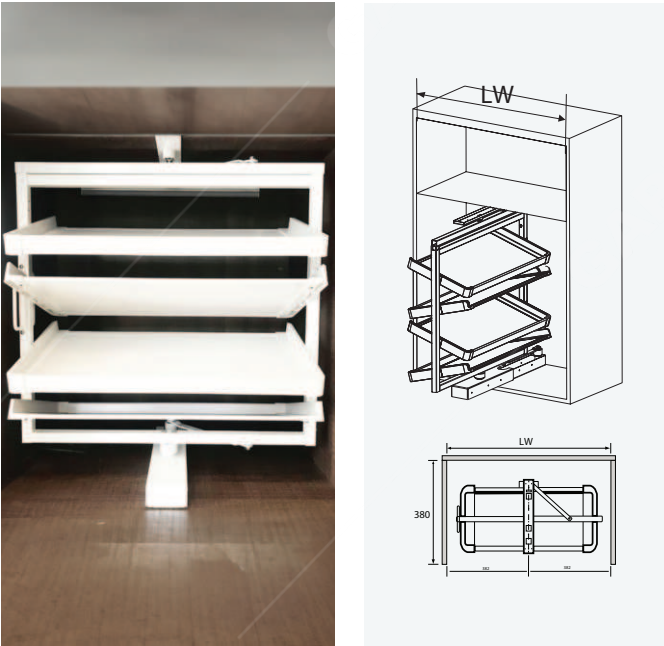


Giỏ để đồ giặt đơn **GW28**, 48L



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GW24	R720*S360*C(1910-2110)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1910 - 2110	Bộ	13.930.000
GW25	R720*S360*C(790-990)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 790 - 990	Bộ	8.890.000
GW28	R(412-418)*S506*C545	450	412 - 418	Bộ	5.010.000
GW29	R(562-568)*S506*C570	600	562 - 568	Bộ	5.430.000

Giá để giày **GW25**, xoay 360°, 4 tầng



Giỏ để đồ giặt đôi **GW29**, 70L

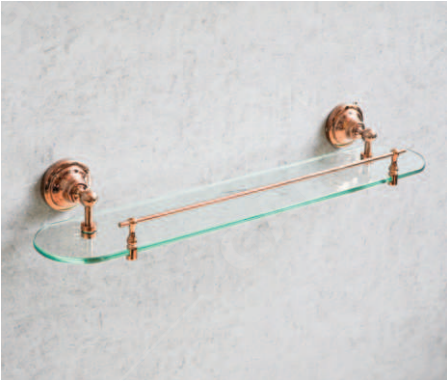


*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Giá để khăn tắm 1 ngăn
GBR1.R1



Kệ Kính bồn rửa
GBR1.G1



Khay để xà phòng bồn rửa
GBR1.S1



Giá để khăn tắm 2 ngăn
GBR1.R2



Móc treo khăn phòng tắm
GBR1.H1



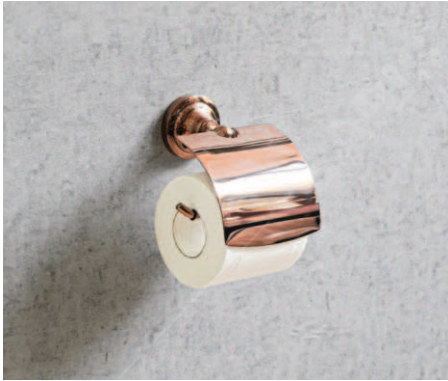
Khay để xà phòng bồn rửa
GBR1.S2



Giá để khăn tắm 3 ngăn
GBR1.R3



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBR1.T1



Kệ ly đôi bồn rửa
GBR1.F1



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBR1.R1	R665*S65*C65	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	2.160.000
GBR1.R2	R665*S115*C120	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	3.300.000
GBR1.R3	R665*S230*C115	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	4.460.000
GBR1.G1	R600*S125*C90	Inox 304 + đồng + kính	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	2.000.000
GBR1.H1	R80*S65*C65	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	670.000
GBR1.T1	R140*S90*C160	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	1.550.000
GBR1.F1	R165*S90*C100	Inox 304 + đồng + kính	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	1.590.000
GBR1.S1	R140*S145*C65	Inox 304 + đồng	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	1.315.000
GBR1.S2	R115*S145*C65	Inox 304 + đồng + kính	Mạ PVD màu vàng hồng	Cái	1.020.000

Giá để khăn tắm 1 ngăn
GBC1.R1



Giá để khăn tắm 2 ngăn
GBC1.R2



Giá để khăn tắm 3 ngăn
GBC1.R3



Kệ Kính bồn rửa
GBC1.G1



Móc treo khăn phòng tắm
GBC1.H1



Khay để xà phòng bồn rửa
GBC1.S1



Kệ ly đôi bồn rửa
GBC1.F1



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBC1.T1



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBC1.R1	R665*S75*C60	Inox 304 + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.430.000
GBC1.R2	R665*S135*C102	Inox 304 + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.885.000
GBC1.R3	R665*S234*C120	Inox 304 + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	2.460.000
GBC1.G1	R596*S140*C85	Kính + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.250.000
GBC1.H1	R65*S116*C93	Kẽm + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	675.000
GBC1.F1	R180*S115*C100	Kẽm + kính + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.130.000
GBC1.S1	R145*S160*C65	Inox 304 + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.015.000
GBC1.T1	R135*S100*C148	Inox 304 + sứ + đồng	Phủ chrome	Cái	1.130.000

Giá để khăn tắm 1 ngăn
GGB1.R1



Giá để khăn tắm 2 ngăn
GGB1.R2



Giá để khăn tắm 3 ngăn
GGB1.R3



Kệ Kính bồn rửa
GGB1.G1



Móc treo khăn phòng tắm
GGB1.H1



Móc treo khăn phòng tắm
GGB1.T1



Khay để xà phòng bồn rửa
GGB1.S1



Kệ ly đôi bồn rửa
GGB1.F1



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GGB1.T2



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GGB1.R1	R615*S75*C60	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	2.610.000
GGB1.R2	R615*S120*C60	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	3.750.000
GGB1.R3	R615*S220*C140	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	4.900.000
GGB1.G1	R595*S120*C80	Đồng + kính	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	2.230.000
GGB1.H1	R100*S63*C60	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	855.000
GGB1.T1	R220*S75*C155	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	1.430.000
GGB1.T2	R220*S75*C155	Đồng	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	790.000
GGB1.S1	R140*S120*C60	Đồng + kính	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	1.245.000
GGB1.F1	R220*S95*C115	Đồng + kính	Mạ điện di ED màu đen nhám	Cái	1.700.000

Giá để khăn tắm 1 ngăn
GBP1.R1



Giá để khăn tắm 2 ngăn
GBP1.R2



Giá để khăn tắm 3 ngăn
GBP1.R3



Kệ Kính bồn rửa
GBP1.G1



Móc treo khăn phòng tắm
GBP1.H1



Khay để xà phòng bồn rửa
GBP1.S1



Kệ ly đôi bồn rửa
GBP1.F1



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBP1.T1



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBP1.R1	R605*S75*C60	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.240.000
GBP1.R2	R605*S140*C60	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.450.000
GBP1.R3	R605*S208*C125	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.815.000
GBP1.G1	R508*S120*C80	Inox 304 + kính	Đánh bóng	Cái	1.360.000
GBP1.H1	R95*S75*C58	Inox 304	Đánh bóng	Cái	515.000
GBP1.F1	R175*S100*C100	Inox 304 + kính	Đánh bóng	Cái	1.015.000
GBP1.S1	R130*S110*C58	Inox 304 + kính	Đánh bóng	Cái	670.000
GBP1.T1	R136*S100*C138	Inox 304	Đánh bóng	Cái	675.000

Giá để khăn tắm 1 ngăn
GBP2.R1



Giá để khăn tắm 2 ngăn
GBP2.R2



Giá để khăn tắm 3 ngăn
GBP2.R3



Kệ Kính bồn rửa
GBP2.G1



Móc treo khăn phòng tắm
GBP2.H1



Khay để xà phòng bồn rửa
GBP2.S1



Kệ ly đôi bồn rửa
GBP2.F1



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBP2.T1



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBP2.R1	R622*S73*C29	Inox 304	Đánh bóng	Cái	2.275.000
GBP2.R2	R622*S146*C29	Inox 304	Đánh bóng	Cái	3.415.000
GBP2.R3	R622*S235*C150	Inox 304	Đánh bóng	Cái	4.560.000
GBP2.G1	R600*S120*C55	Inox 304 + kính	Đánh bóng	Cái	1.815.000
GBP2.H1	R95*S80*C68	Inox 304	Đánh bóng	Cái	790.000
GBP2.F1	R175*S110*C68	Inox 304 + kính	Đánh bóng	Cái	1.360.000
GBP2.S1	R114*S115*C22	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.015.000
GBP2.T1	R135*S110*C135	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.015.000

Kệ góc hình tam giác
GBCB.01



Kệ góc hình trái tim
GBCB.02



Kệ góc hình chữ nhật
GBCB.03



Kệ góc hình oval
GBCB.04



Hộp đựng nước rửa tay treo tường
GBOA.01



Hộp đựng nước rửa tay treo tường
GBOA.02



Hộp đựng giấy vệ sinh inox âm tường
GBOA.03



Hộp đựng giấy vệ sinh nhựa tròn cỡ lớn
GBOA.04



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBCB.01	R230*S230*C90	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.360.000
GBCB.02	R250*S250*C85	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.315.000
GBCB.03	R370*S120*C75	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.245.000
GBCB.04	R350*S120*C90	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.360.000
GBOA.01	R120*S95*C245 (dung tích: 350ml)	Inox 304 + nhựa abs	Xước mờ + nhựa	Cái	1.245.000
GBOA.02	R125*S120*C295 (dung tích: 1000ml)	Nhựa abs	Nhựa	Cái	740.000
GBOA.03	R160*S70*C160	Inox 304	Đánh bóng	Cái	1.130.000
GBOA.04	R273*S125*C280	Nhựa HIPS	Nhựa	Cái	545.000

Giá treo khăn tắm điện tử có sấy khô
GBOA.HR1



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBOA.06



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBOA.07



Móc treo cuộn giấy vệ sinh
GBOA.08



Mã đặt hàng	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao/mm)	Chất liệu	Bề mặt	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GBOA.HR1	R500*S240*C615	Inox 304	Đánh bóng	Cái	7.990.000
GBOA.06	R138*S115*C100	Inox 304	Đánh bóng	Cái	970.000
GBOA.07	R138*S100*C95	Inox 304	Đánh bóng	Cái	790.000
GBOA.08	R180*S92*C80	Inox 304	Đánh bóng	Cái	510.000

Bản lề Hamburg GH09, inox 304, piston đồng, giảm chấn, tháo lắp nhanh



Bản lề Hamburg GH10, inox 201, piston đồng, giảm chấn, tháo lắp nhanh



Bản lề Hamburg GH07, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, điều chỉnh 3D (3 hướng)



Mã đặt hàng	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GH09A	Thẳng (trùm cả)	Cái	74.000
GH09B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	74.000
GH09C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	74.000
GH10A	Thẳng (trùm cả)	Cái	45.000
GH10B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	45.000
GH10C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	45.000
GH07A	Thẳng (trùm cả)	Cái	48.000
GH07B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	48.000
GH07C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	48.000

*Bảo hành cơ cấu 5 năm đối với các sản phẩm trên, bảo hành gỉ 5 năm đối với GH09

Bản lề Hamburg GH08, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, đầu vuông



Bản lề Hamburg GH22, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, đầu bo tròn



Bản lề Hamburg GH23, thép mạ NICKEL, giảm chấn, không tháo lắp nhanh



Mã đặt hàng	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GH08A	Thẳng (trùm cả)	Cái	39.000
GH08B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	39.000
GH08C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	39.000
GH22A	Thẳng (trùm cả)	Cái	27.000
GH22B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	27.000
GH22C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	27.000
GH23A	Thẳng (trùm cả)	Cái	20.000
GH23B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	20.000
GH23C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	20.000

*Bảo hành cơ cấu 5 năm đối với các sản phẩm trên

Bản lề Hamburg GH04, góc mở 165 °, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh



Bản lề nối cánh Hamburg GH03, góc mở 135 °, thép mạ NICKEL



Bản lề khung nhôm Hamburg GH30, thép mạ NICKEL, giảm chấn



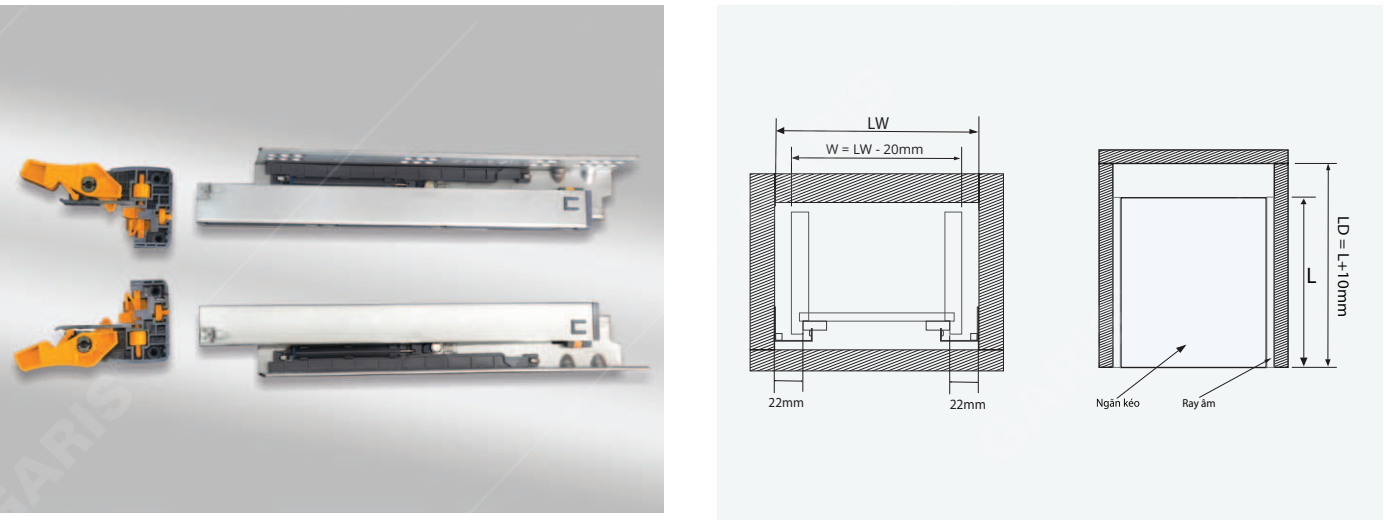
Bản lề khung nhôm/gỗ âm Hamburg GH31, thép mạ NICKEL, giảm chấn



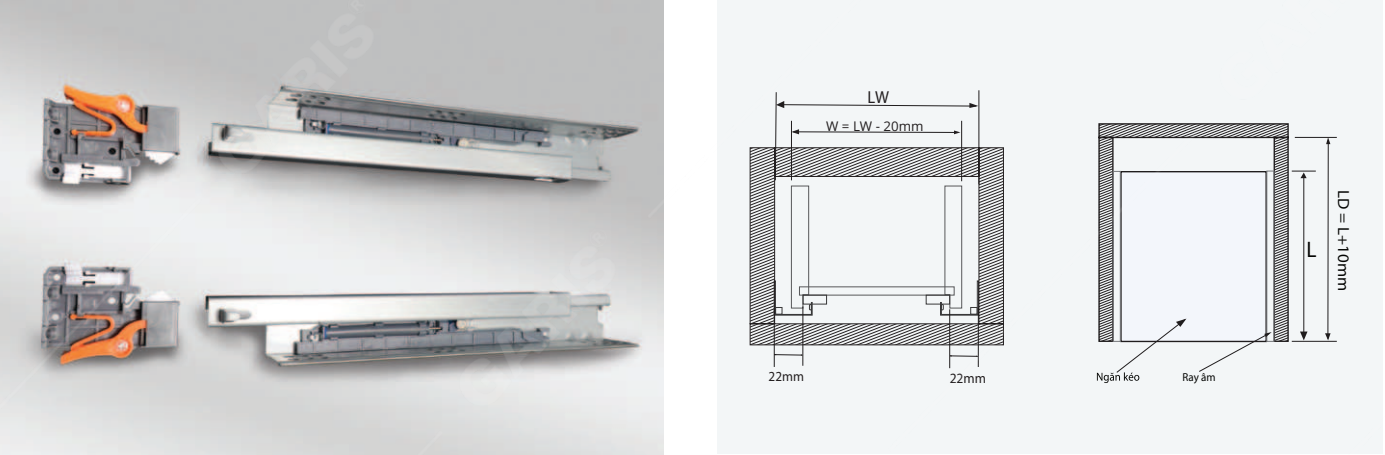
Mã đặt hàng	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GH04A	Thẳng (trùm cả)	Cái	110.000
GH04B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	110.000
GH04C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	110.000
GH03	Bản lề góc nối 2 cánh góc vuông	Cái	58.000
GH30A	Thẳng (trùm cả)	Cái	50.000
GH30B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	50.000
GH30C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	50.000
GH31		Cặp (trái + phải)	990.000

*Bảo hành cơ cấu 5 năm đối với các sản phẩm trên

Ray âm Dresden GT03, mở toàn phần, thép mạ kẽm, khóa cam 3D (điều chỉnh 3 hướng)



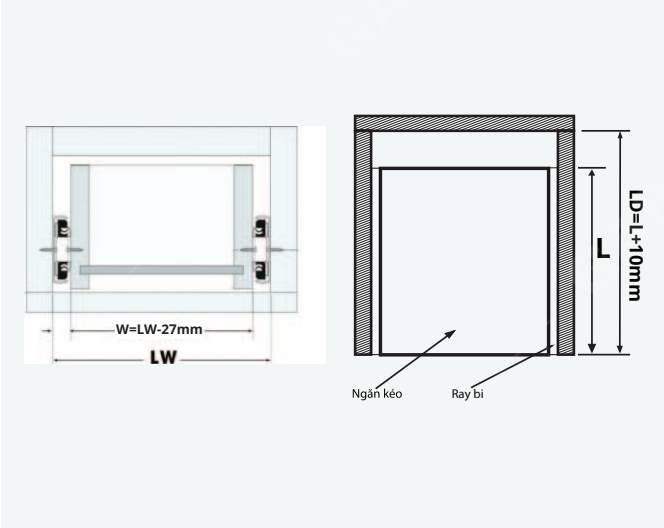
Ray âm Dresden GT05, mở 3/4, thép mạ kẽm



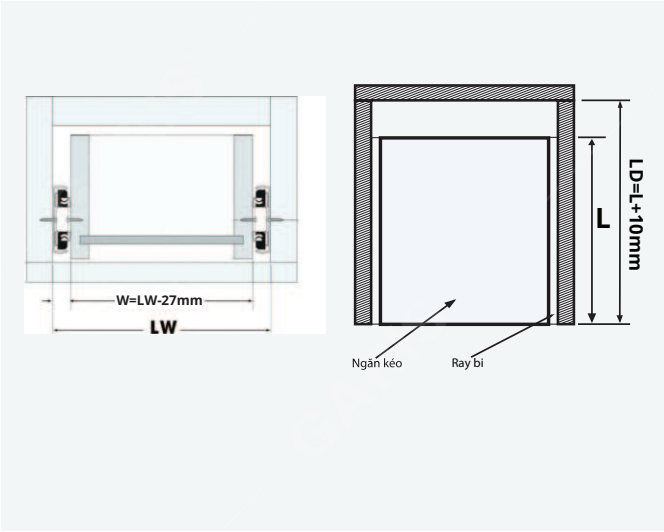
Mã đặt hàng	Chiều dài (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT03.25	L250mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	340.000
GT03.30	L300mm			Bộ	355.000
GT03.35	L350mm			Bộ	380.000
GT03.40	L400mm			Bộ	400.000
GT03.45	L450mm			Bộ	425.000
GT03.50	L500mm	42	1,5*1,5	Bộ	455.000
GT05.25	L250mm			Bộ	240.000
GT05.30	L300mm			Bộ	245.000
GT05.35	L350mm			Bộ	260.000
GT05.40	L400mm			Bộ	270.000
GT05.45	L450mm			Bộ	280.000
GT05.50	L500mm			Bộ	300.000

*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

Ray bi giảm chấn liền Bremen GT04SC.Z, 3 lớp, thép mạ kẽm



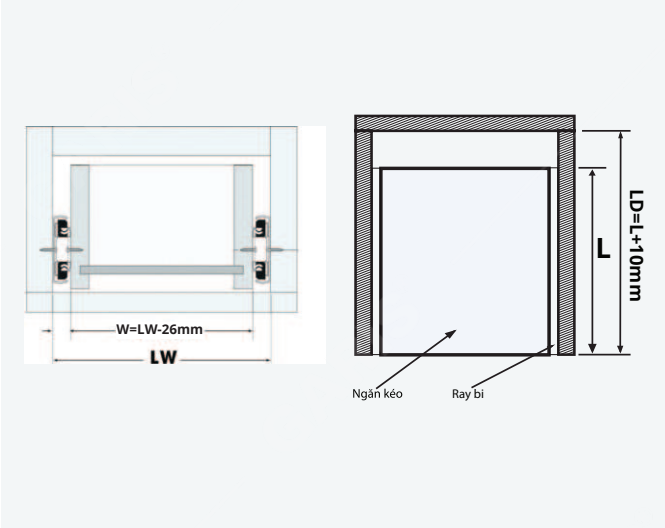
Ray bi giảm chấn liền Bremen GT04SC, 3 lớp, thép sơn tĩnh điện



Mã đặt hàng	Chiều dài ray (L)mm	Chiều rộng ray (mm)	Độ dày ray (mm)	Chiều sâu lọt lòng tủ LD(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT04SC.Z25	250	45	1,2*1,2*1,5	260	Bộ	165.000
GT04SC.Z30	300			310	Bộ	190.000
GT04SC.Z35	350			360	Bộ	220.000
GT04SC.Z40	400			410	Bộ	245.000
GT04SC.Z45	450			460	Bộ	265.000
GT04SC.Z50	500			510	Bộ	285.000
GT04SC.25	250			260	Bộ	160.000
GT04SC.30	300			310	Bộ	185.000
GT04SC.35	350			360	Bộ	215.000
GT04SC.40	400			410	Bộ	240.000
GT04SC.45	450			460	Bộ	260.000
GT04SC.50	500			510	Bộ	280.000

*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

Ray bi không giảm chấn Bremen GT04, 3 lớp



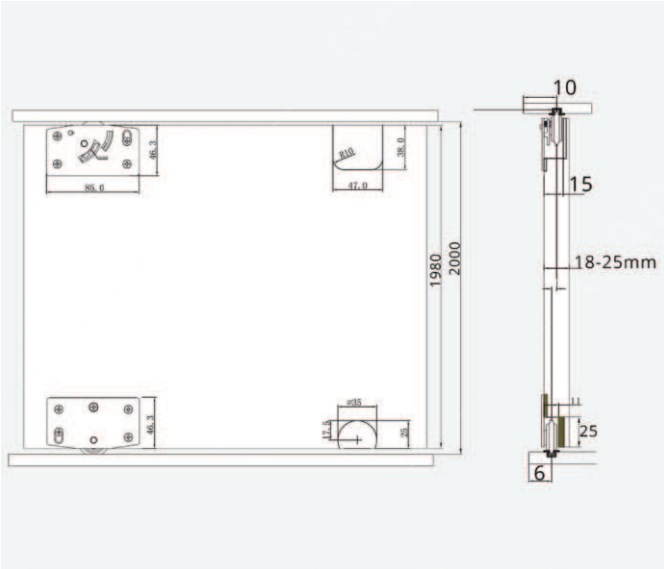
Giảm chấn rời Koln G04S, nhựa abs cao cấp, màu trắng



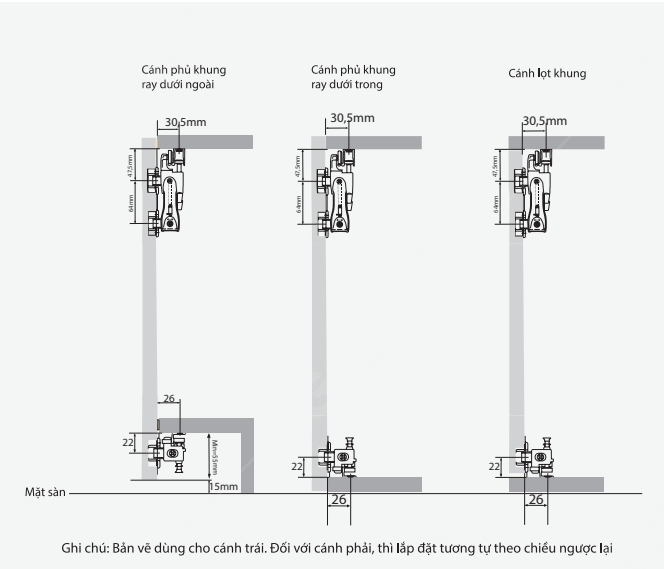
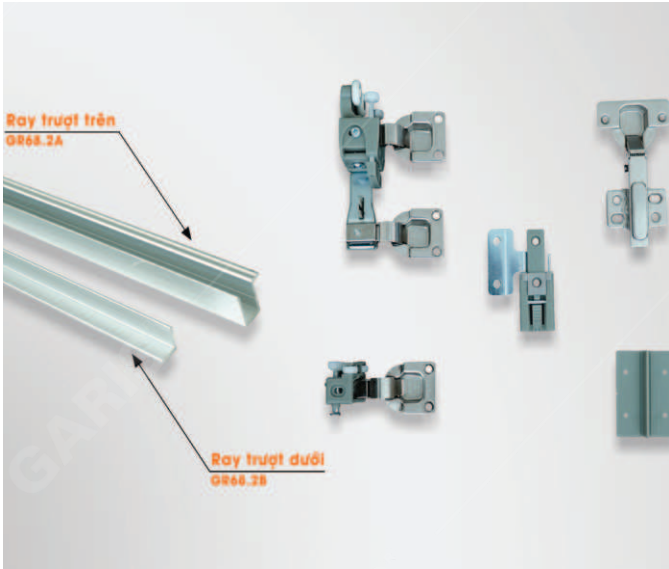
Mã đặt hàng	Chiều dài ray (L)mm	Chiều rộng ray (mm)	Độ dày ray (mm)	Chiều sâu lọt lòng tủ LD(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GT04.20	200	45	1,0*1,0*1,2	210	Bộ	60.000
GT04.25	250			260	Bộ	60.000
GT04.30	300			310	Bộ	75.000
GT04.35	350			360	Bộ	85.000
GT04.40	400			410	Bộ	95.000
GT04.45	450			460	Bộ	105.000
GT04.50	500			510	Bộ	120.000
G04S	Giảm chấn rời Koln, nhựa ABS cao cấp, màu trắng					100.000

*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

Ray trượt cửa lùa thông dụng GR67 - cánh lọt khung



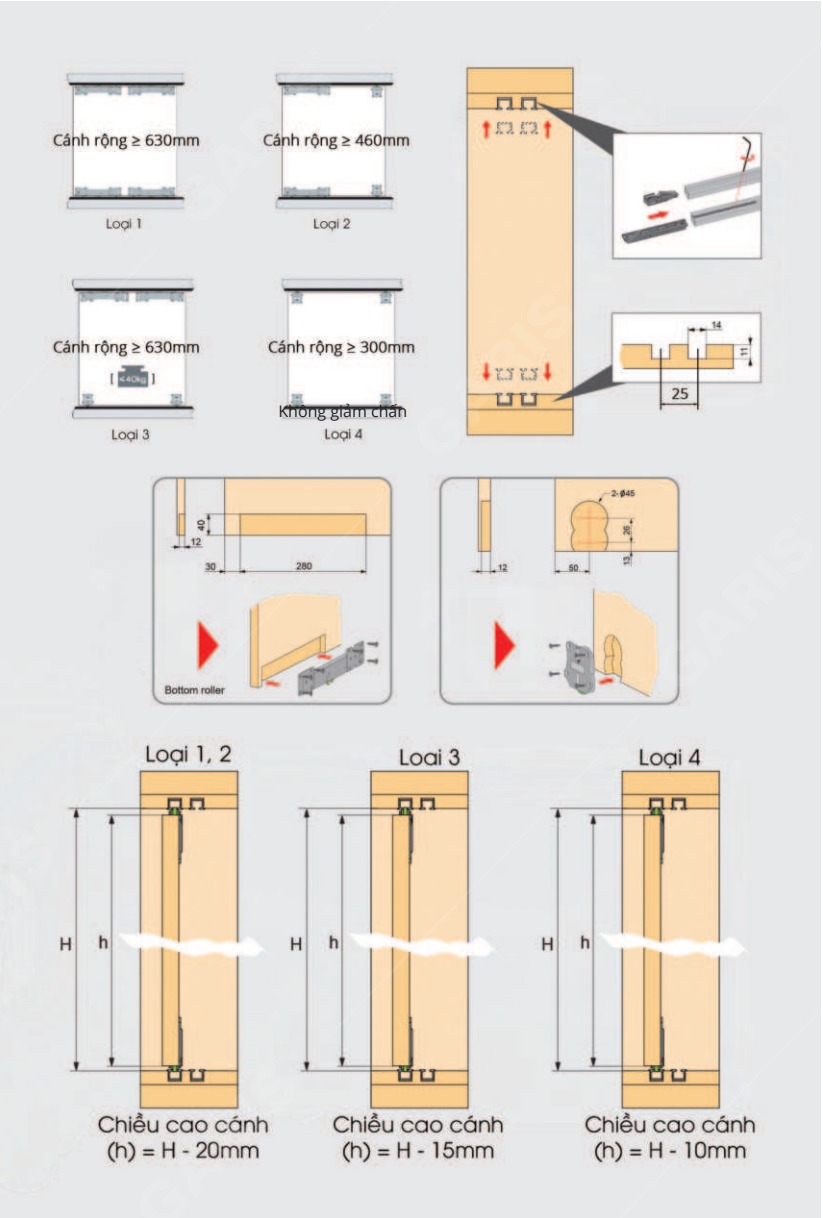
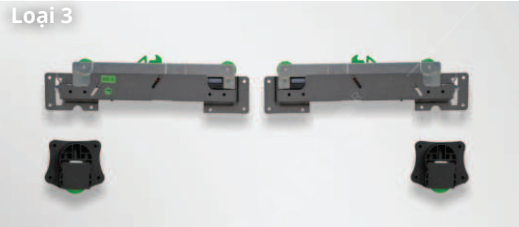
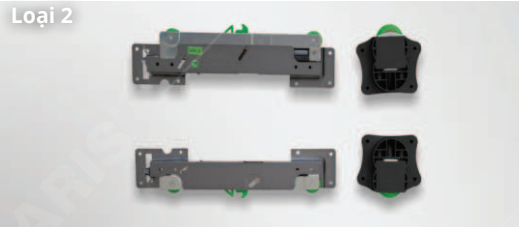
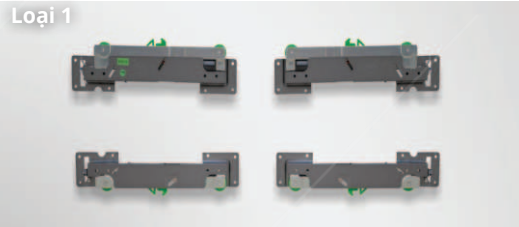
Ray trượt cửa lùa GR68 - cánh gấp



Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GR67.1	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cho 1 cánh	Bộ	205.000
GR67.2	Ray trượt dài 3m	Cây	195.000
GR68.1	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cho 2 cánh	Bộ	1.090.000
GR68.2A	Ray trượt trên, dài 3m	Cây	750.000
GR68.2B	Ray trượt dưới, dài 3m	Cây	370.000

*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

Ray trượt cửa lùa GR66, cánh lọt khung



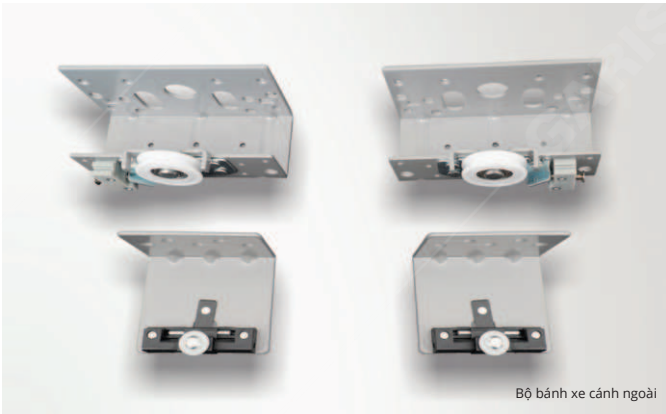
Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GR66.1A	Bánh xe cánh lùa trên	Cái	112.000
GR66.1B	Bánh xe cánh lùa dưới	Cái	112.000
GR66.2AL/R	Bánh xe cánh lùa trên giảm chấn liên	Cái	686.000
GR66.2BL/R	Bánh xe cánh lùa dưới giảm chấn liên	Cái	686.000
GR66.3	Ray trượt, dài 3m	Cây	295.000

*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

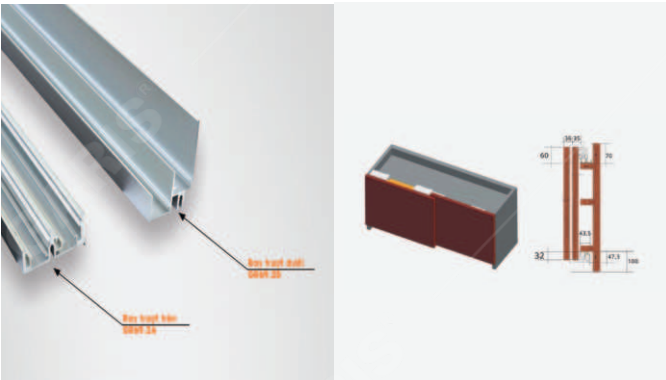
Ray trượt cửa lùa treo GR69 - cánh phủ khung



Bộ bánh xe cánh trong

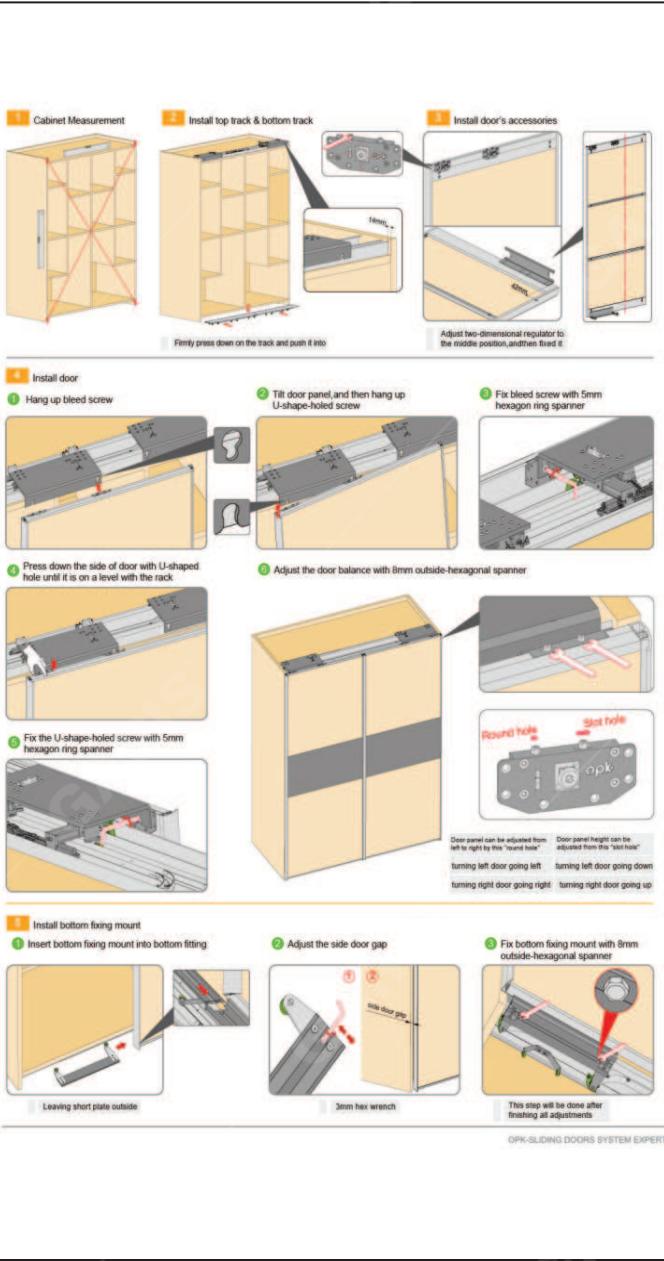


Bộ bánh xe cánh ngoài



Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GR69.1A	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh trong	Bộ	690.000
GR69.1B	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh ngoài	Bộ	1.000.000
GR69.2A	Ray trượt trên, dài 3m	Cây	1.840.000
GR69.2B	Ray trượt dưới, dài 3m	Cây	1.610.000
GR65	Bộ sản phẩm lắp cho 2 cánh tủ	Bộ	48.000.000

Ray trượt cửa lùa phẳng GR65

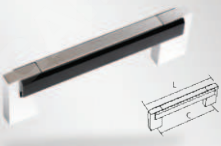
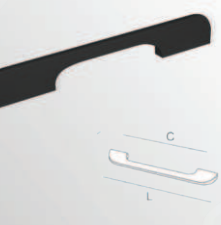
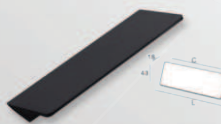


Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
GR69.1A	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh trong	Bộ	690.000
GR69.1B	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh ngoài	Bộ	1.000.000
GR69.2A	Ray trượt trên, dài 3m	Cây	1.840.000
GR69.2B	Ray trượt dưới, dài 3m	Cây	1.610.000
GR65	Bộ sản phẩm lắp cho 2 cánh tủ	Bộ	48.000.000

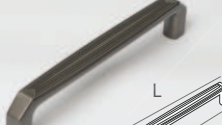
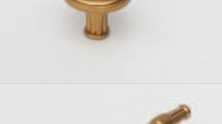
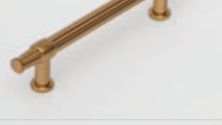
*Bảo hành cơ cấu 3 năm đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GH60.128	C= 128 L= 148	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	108.000
	GH60.192	C=192 L= 212				115.000
	GH62.128	C=128 L= 192	Tay nắm đĩa, hợp kim nhôm, màu Tungsten			145.000
	GH62.288	C=288 L= 352				190.000
	GH63.160	C= 160 L= 200	Tay nắm vát, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			145.000
	GH63.320	C=320 L= 400				220.000
	GH64.160	C= 160 L= 173	Tay nắm âm khoét gỗ, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			190.000
	GH65.96	C= 96 L= 107	Tay nắm kẻ vân trúc, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			260.000
	GH65.192	C=192 L= 203				450.000
	GH66.160	C= 160 L= 234	Tay nắm thanh mảnh, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			300.000
	GH67.1	Cây tay nắm 2.5m. Ø18mm	Tay nắm đĩa, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ	- Cây tay nắm dài 2.5m, Ø18 - Đầu bắt tay nắm bán rời không đi kèm theo cây tay nắm. Cát tay nắm theo kích thước tùy chọn.	Cây	740.000
	GH67.2	Đầu bắt tay nắm				130.000
	GH68	L = 3m	Tay nắm âm xẻ rãnh, dạng cây, hợp kim nhôm	Cây tay nắm dài 3m - Soi rãnh 1.5mm, không dùng đầu bịt và sử dụng cho gỗ dày 18mm		950.000
	GH69	L = 3m	Tay nắm âm bắt vít, dạng cây, hợp kim nhôm	- Cây tay nắm dài 3m - Bắt vít trực tiếp trên gỗ, không dùng đầu bịt và sử dụng cho gỗ dày 18mm		465.000
	GH70.200	C= 160 L= 234	Tay nắm bắt vít, dạng đơn, hợp kim nhôm, màu Tungsten	85.000		
	GH71.128	C=128 L=178	Tay nắm thân cong, hợp kim nhôm, màu Tungsten sẫm	130.000		
	GH71.192	C=192 L=242		150.000		

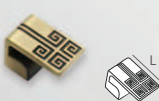
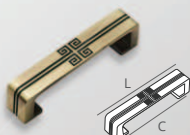
*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GH72.96	C=96 L=116	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim nhôm, chân màu Chrome, thân màu đen bóng			140.000
	GH72.128	C=128 L=148				145.000
	GH72.192	C=192 L=212				165.000
	GH74.160	C=160 L=195	Tay nắm hợp kim nhôm, màu chrome mờ			150.000
	GH74.224	C=224 L=259				210.000
	GH75.160	C=160 L=200	Tay nắm bắt vít, dạng đơn, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			125.000
	GH76.96	C = 96 L = 136	Tay nắm hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ.			150.000
	GH76.128	C = 128 L = 168				190.000
	GH61.96	C = 96, L = 116	Tay nắm cạnh vát, hợp kim nhôm, màu nhôm	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	75.000
	GH61.128	C = 128, L = 148				90.000
	GH61.160	C = 160, L = 180				155.000
	GH61.192	C = 192, L = 212				160.000
	GH61.480	C = 480, L = 500				335.000
	GH61.780	C = 768, L = 800				365.000
	GH61.980	C = 962, L = 1000				435.000
	GH61B.96	C = 96, L = 116	Tay nắm cạnh vát, hợp kim nhôm, màu đen mờ			65.000
	GH61B.128	C = 128, L = 148				75.000
	GH61B.160	C = 160, L = 180				85.000
	GH61B.192	C = 192, L = 212				100.000
	GH61B.480	C = 480 , L = 500				335.000
	GH61B.780	C = 762, L = 800				365.000
	GH61B.980	C = 960, L = 1000				435.000
	GH63B.128	C = 128, L = 138	Tay nắm tạo hình vát, hợp kim nhôm, màu đen			105.000
	GH63B.160	C = 160 L = 170				120.000
	GH63B.192	C = 192, L = 202				135.000
	GH77.0	C = 0, L = 31	Tay nắm dạng núm, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			100.000
	GH77.96	C = 96, L = 152	Tay nắm hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			215.000
	GH77.128	C = 128, L = 188				255.000
	GH77.192	C = 192, L = 247				350.000

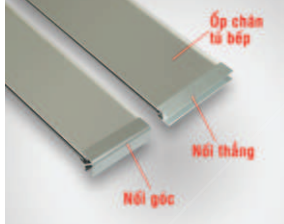
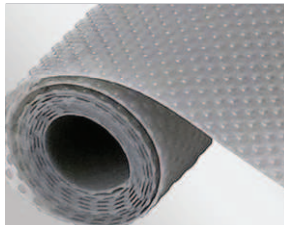
*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GH78.0	C = 0, L = 42	Tay nắm dạng núm, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			105.000
	GH78.96	C = 96, L = 106				165.000
	GH78.128	C = 128, L = 138				190.000
	GH78.160	C = 160, L = 170				230.000
	GH78.192	C = 192, L = 202	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			265.000
	GH79.0	C = 0, L = 39				130.000
	GH79.96	C = 96, L = 122				240.000
	GH79.128	C = 128, L = 154				290.000
	GH79.192	C = 192, L = 220	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim kẽm, chân màu đen mờ, thân màu Chrome			370.000
	GH80.128	C = 128, L = 140				210.000
	GH80.188	C = 188, L = 200	Tay nắm âm, cạnh vuông, hợp kim nhôm, màu đen			290.000
	GH81.0	C = 0, L = 32				80.000
	GH81.96	C = 96, L = 126	Tay nắm dạng núm, hợp kim nhôm, màu vàng đồng	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	130.000
	GH81.128	C = 128, L = 169				160.000
	GH81.192	C = 192, L = 232				190.000
	GH82.96	C = 96, L = 112	Tay nắm dạng tay cầm, hợp kim nhôm, màu vàng đồng			120.000
	GH82.128	C = 128, L = 145				140.000
	GH82.160	C = 160, L = 176				170.000
	GH82.192	C = 192, L = 208	Tay nắm dạng tay cầm, hợp kim nhôm, màu Champagne Rose			200.000
	GH83.96	C = 96, L = 110				150.000
	GH83.128	C = 128, L = 144				170.000
	GH83.160	C = 160, L = 176	Tay nắm dạng tay cầm, hợp kim nhôm, màu vàng đồng			200.000
	GH83.192	C = 192, L = 208				240.000
	GH84.0	C = 0, L = 20	Tay nắm dạng núm, màu Champagne Rose			85.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GH84.96	C = 96, L = 154	Tay nắm dạng tay cầm, màu Champagne Rose			125.000
	GH84.128	C = 128, L = 186				155.000
	GH84.192	C = 192, L = 208				210.000
	GE60.0	C= 0 L= 34	Tay nắm cổ điển, dạng núm oval, màu đồng đen	- Chất liệu: Hợp kim kẽm - C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	160.000
	GE60.96	C= 96 L= 147	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng đen			195.000
	GE61.0	C= 0 L= 31	Tay nắm cổ điển, dạng núm vuông, màu đồng đen			145.000
	GE61.96	C= 96, L= 108	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng đen			165.000
	GE61.128	C= 128, L= 140				195.000
	GE61.160	C= 160, L= 172				220.000
	GE62.0	C= 0 L= 45	Tay nắm cổ điển, dạng núm oval, màu đồng			195.000
	GE62.96	C= 96 L= 147	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng			250.000
	GE63.0	C= 0 L= 40	Tay nắm cổ điển, dạng núm, màu đồng hoàng gia			190.000
	GE63.96	C= 96, L= 110	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng hoàng gia			260.000
	GE63.128	C= 128, L= 142				330.000
	GE63.160	C= 160, L= 174				360.000
	GE64.0	C = 0 L = 42	Tay nắm cổ điển dạng núm, hợp kim kẽm, dạng núm, màu đồng hoàng gia			110.000
	GE64.96	C = 96, L = 106	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, hợp kim kẽm, màu đồng hoàng gia			170.000
	GE64.128	C = 128, L = 138				200.000
	GE64.192	C = 192, L = 202				270.000
	GE65.96	C = 96 , L = 115	Tay nắm cạnh vuông, màu đồng đen		125.000	
	GE65.128	C = 128 ,L = 147			145.000	
	GE65.160	C = 160, L = 179			170.000	
	GE65.192	C = 192, L = 212			210.000	

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Tên sản phẩm	Mô tả	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GA2.80SC	Piston 80N	- Piston giảm chấn - Chất liệu thép và nhựa - Sử dụng hơi nén 80N (~8kg), 100N (~10kg), 120N (~12kg) và 150N (~15kg) - Dùng để nâng cánh tủ, dễ lắp đặt và thay thế - Chiều cao lọt lòng khoang tủ: ≥ 360mm	Cái	85.000
	GA2.100SC	Piston 100N			90.000
	GA2.120SC	Piston 120N			95.000
	GA2.150SC	Piston 150N			100.000
	GA01	Bộ 2 cái bas treo tủ	- Chất liệu thép và nhựa - Tải trọng 60 - 80kg - Bas treo thùng tủ trên	Bộ	37.000
	GA3	Nep nhôm giữ cánh thẳng	- Đảm bảo cho cánh tủ áo không bị cong vênh khi sử dụng - Chất liệu: Nhôm - Độ dài: 2m/cây (bán cả cây) - Độ dày gỗ tối thiểu: 16mm - Tăng chính với 2 vị trí bằng lục giác, có thể cắt ngắn theo thực tế thi công	Cây	320.000
	GA4	Chân tủ bếp	- Làm chân tủ bếp, liên kết bằng vít - Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp - Màu sắc: đen - Có thể tăng chỉnh chiều cao từ 95 mm đến 130mm	Cái	18.000
	GA5.1	Ốp chân tủ bếp cao cấp	- Dùng che chân tủ bếp - Chất liệu: mặt nhôm, khung nhựa - Độ dài: 3m6/cây (bán cả cây) - Kèm theo: mỗi cây ốp chân bao gồm 1 nối góc và 5 móc chân tủ bếp - Phụ kiện nối thẳng bán rời	Cây	740.000
	GA5.2	Phụ kiện nối thẳng		Cái	100.000
	GA6	Tấm lót đáy tủ bếp	- Dùng cho ngăn kéo, kệ, tủ - Chất liệu: Nhựa ABS dẻo mềm - Khổ rộng 1m, bán theo mét dài	Mét	445.000
	GA7	Nep bo viền cánh gỗ 18mm	- Dùng bo viền cánh gỗ dày 18mm - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Khổ rộng: 18mm - Độ dài: 3m/cây (bán cả cây)	Cây	165.000
	GA8	Nep trang trí mặt cánh tủ 8mm	- Dùng để trang trí mặt cánh tủ - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Khổ rộng: 8mm - Độ dài: 3m/cây (bán cả cây)		105.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GL66A	R600*S45 *C12.2	Đèn LED tắt/ bật bằng cảm ứng chuyển động, lắp ngoài khoang tủ	- Lắp đặt ngoài khoang tủ. - Khi người sử dụng đưa tay lại gần mắt cảm ứng thì đèn LED sẽ tự động bật sáng. Khi đưa tay lần nữa thì đèn sẽ tự tắt. - Dùng điện 1 chiều 12V, công suất 8W. - Cần kết hợp với bộ đổi nguồn GL66B. - Dây kèm theo dài: 1,5m/đèn	Cái	1.750.000
	GL66C	R180*S40 *C10	Đèn LED tắt/ bật khi đóng/ mở cánh, lắp trong khoang tủ	- Lắp đặt ngoài khoang tủ. - Khi người sử dụng đưa tay lại gần mắt cảm ứng thì đèn LED sẽ tự động bật sáng. Khi đưa tay lần nữa thì đèn sẽ tự tắt. - Dùng điện 1 chiều 12V, công suất 8W. - Cần kết hợp với bộ đổi nguồn GL66B. - Dây kèm theo dài: 1,5m/đèn	Cái	1.145.000
	GL66B	R180*S40 *C10	Bộ đổi nguồn cho đèn LED cảm ứng GL66A và GL66C	- Dùng cho đèn LED cảm ứng GL66A và GL66C. - Bộ đổi nguồn từ 220V xuống 12V. - Điện 2 chiều 100 - 240V, công suất tối đa 24W. - Mỗi bộ đổi nguồn dùng cho không quá 3 đèn LED GL66A, hoặc tối đa 2 đèn LED GL66A và 3 đèn LED GL66C, hoặc tối đa 6 đèn LED GL66C	Bộ	815.000
	GL67.SD1		Cảm biến đóng mở cánh 1 mắt led dây, dùng cho 1 cánh	- Vật liệu: Nhựa - Màu hoàn thiện: xám - Cấp bảo vệ: IP20 - Lắp đặt: lắp âm hoặc nổi - Khoảng cách cảm biến: 0 - 60mm - Năng lượng tiêu thụ: 0.3W - Kích thước lỗ khoan: Ø10mm - Trọn bộ đi kèm: 1 mắt cảm biến + 1 bas treo	Cái	370.000
	GL67.SD2		Cảm biến đóng mở cánh 2 mắt led dây, dùng cho 2 cánh	- Vật liệu: Nhựa - Màu hoàn thiện: xám - Cấp bảo vệ: IP20 - Lắp đặt: lắp âm hoặc nổi - Khoảng cách cảm biến: 0 - 60mm - Năng lượng tiêu thụ: 0.3W - Kích thước lỗ khoan: Ø10mm - Trọn bộ đi kèm: 1 mắt cảm biến + 1 bas treo	Cái	390.000
	GL67.PS1	100W	Bộ đổi nguồn tổ ong cho đèn led dây	- Chất liệu: hợp kim nhôm - Bộ đổi nguồn từ 220V xuống 12V - Công suất tối đa 100W (8.3A)	Bộ	1.090.000
	GL67.PS3	300W		- Chất liệu: hợp kim nhôm - Bộ đổi nguồn từ 220V xuống 12V - Công suất tối đa 300W (25A)	Bộ	1.390.000
	GL67.SW		Cảm biến cảm ứng vẫy tay led dây	- Vật liệu: Nhựa - Màu hoàn thiện: xám - Cấp bảo vệ: IP20 - Khoảng cách cảm biến: 0 - 60mm - Năng lượng tiêu thụ: 0.3W - Kích thước lỗ khoan: Ø10mm - Lắp đặt: lắp âm - Trọn bộ đi kèm: 1 mắt cảm biến + 1 bas treo	Cái	370.000

*Bảo hành 12 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã đặt hàng	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
	GL67.ST		Cảm biến cảm ứng chạm led dây	- Vật liệu: Nhựa - Màu hoàn thiện: xám - Cấp bảo vệ: IP20 - Lắp đặt: lắp âm hoặc nổi - Khoảng cách cảm biến: 0 - 60mm - Năng lượng tiêu thụ: 0.3W - Kích thước lỗ khoan: Ø10mm - Trọn bộ đi kèm: 1 mắt cảm biến + 1 bas treo	Cái	370.000
	GL67.L53	Màu 3000K	Cuộn đèn led dây bán 5mm, dài 5m	- Điện áp:12V - Số mắt led: 120 chip/m - Công suất: 10w/m - Chống nước IP20 - Quang thông: 24-26Lm/Led - Chỉ số hoàn màu: Ra ≥90	Cuộn 5m	70.000
	GL67.L54	Màu 4000K				70.000
	GL67.L56	Màu 6000K				70.000
	GL67.L83	Màu 3000K	Cuộn đèn led dây bán 8mm, dài 5m	- Điện áp:12V - Số mắt led: 120 chip/m - Công suất: 10w/m - Chống nước IP20 - Quang thông: 24-26Lm/Led - Chỉ số hoàn màu: Ra ≥90	Cuộn 5m	65.000
	GL67.L84	Màu 4000K				65.000
	GL67.L86	Màu 6000K				65.000
	GL67.P10	R23*S8.5 *D2500	Máng nhôm chữ U đèn led, soi âm	- Kích thước soi âm: R17,4 *S8mm - Vò tán quang: Milky frosted (độ truyền sáng: 75%) - Chất liệu máng: hợp kim nhôm - Phù hợp với LED bán ≤ 12mm - Lắp đặt: Lắp âm	Thanh 2,5m	650.000
	GL67.P20	R15*S8 *D2500	Máng nhôm chữ U đèn led, lắp nổi	- Vò tán quang: Milky frosted (độ truyền sáng: 75%) - Chất liệu máng: hợp kim nhôm - Phù hợp với LED bán ≤ 12mm - Lắp đặt: Lắp nổi	Thanh 2,5m	470.000
	GL67.P21		Đầu bịt cho máng nhôm GL67.P20	- Chất liệu: nhựa ABS - Màu sắc: xám - Khe luồn dây: 2 phiên bản (có lỗ và không lỗ)	Cái	18.000
	GL67.P22		Bas treo máng nhôm GL67.P20	- Chất liệu: hợp kim - Màu sắc: màu Chrome	Cái	20.000
	GL67.P30	R15*S16 *D2500	Máng nhôm góc đèn led, lắp nổi gắn góc	- Vò tán quang: Milky frosted (độ truyền sáng: 75%) - Chất liệu máng: hợp kim nhôm - Phù hợp với LED bán ≤ 10mm - Lắp đặt: Lắp nổi	Thanh 2,5m	650.000
	GL67.P31		Đầu bịt cho máng nhôm tam giác GL67.P30	- Chất liệu: nhựa ABS - Màu sắc: Xám - Khe luồn dây: không lỗ	Cái	22.000
	GL67.P32		Bas treo máng nhôm GL67.P30	- Chất liệu: hợp kim - Màu sắc: màu Chrome	Cái	25.000

*Bảo hành 12 tháng đối với các sản phẩm trên

GARIS[®]

GARIS VIỆT NAM

Hotline: 0964 11 66 88

Email: cskh@garis.vn

Fanpage: www.facebook.com/garisvietnam

Website: www.garis.vn

SHOWROOM VÀ VĂN PHÒNG KHU VỰC PHÍA BẮC

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Thanh Bình N07 - B3, đường Thành Thái
(đường Duy Tân kéo dài), P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
SĐT: 024 66 82 4949/024 66 81 4949

TRUNG TÂM KỸ THUẬT - BẢO HÀNH KHU VỰC PHÍA BẮC

Địa chỉ: Số 148, đường Đại Mỗ, P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

SHOWROOM, VĂN PHÒNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT - BẢO HÀNH KHU VỰC PHÍA NAM

Địa chỉ: 411A, đường Nguyễn Văn Bá, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
SĐT: 0861 851 5256/ 086 851 5258

SHOWROOM, VĂN PHÒNG KHU VỰC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 90, đường Nguyễn Kim, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
SĐT: 0964 11 66 88 (nhánh 7)

GARIS Việt Nam không bán trực tiếp đến khách lẻ - để đặt hàng vui lòng liên hệ các đại lý trên toàn quốc

